

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

147

15 - 4 - 1965

- ★ **Xã luận : Hai lần giỗ tổ Hùng Vương NGUYỄN-VỸ**
- **Phật giáo với con người. THÍCH-THIỆN-CHÂU**
Nguyễn Khuyến có làm văn tế F.Garnier hay không ? . . . PHẠM-VĂN-SƠN
Viên ngọc quý . . . HOÀI-MINH-CHÁNH
- **Không nói (truyện ngắn) . . . MAI-THẢO**
Phương pháp âm thực của S. Nyoichi . . . NGUYỄN-KHOA-HUÂN
Gái ế đất chồng nhờ một bài thơ. . . TÂN-HIẾN
- ★ **Ku Klux Klan xưa và nay. . . ĐOÀN-BÍCH**
Bàn chân (truyện dịch). . . HOÀI-KHÁNH
Pháo đài Âu Châu bị tấn công. . . THIẾU-SƠN
- **Mình ơi! Plastic làm bằng chất gì? . . . DIỆU-HUYỀN**
Chuyện con tem (2) . . . NHỊ-DÂN
Phổ-Thông vòng quanh thế giới . . . TRẦN-QUÂN
- **Tuấn, chàng trai nước Việt . . . NGUYỄN-VỸ**
Albert Schweitzer. . . VÕ-QUẾ

THƠ : Đào Thanh Khiết, Bùi Thảo, Bình Đạt Sơn, Hương Huyền Trang, Ngọc Huyền Phương, Mai Duyên Thanh.

TRUYỆN DÀI :

- **NGƯỜI TÙ 69 của NGUYỄN-VỸ**
(xem mục lục đầy đủ ở trang 4 - 5)

*Wagon
A.P.95
V6P57*

CARDIOCORINE



Thuốc giọt

DÙNG CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM

Cardiocorine

TRỊ: *YẾU TIM, SUY NHƯỢC
MỆT MỎI, NGẤT SỬ*



Viện bảo-chế NGUYỄN-CHÍ
Số 2, Tự-Đức Saigon

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CARDIOCORINE

PHỒ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VII ★ SỐ 147 ★ 15-4-1965

1.— Xã luận Hai lần giỗ lễ Hùng Vương	Nguyễn-Vỹ	6	—	9
2.— Phật giáo với con người.	Thích Thiện Châu	10	—	15
3.— Bàn chân (truyện dịch).	Hoài Khanh	16	—	23
4.— Nguyễn Khuyến có làm văn tế F.Garnier hay không?	Phạm-văn-Sơn	24	—	30
5.— Độc hành (thơ TĐBN)	Đào Thanh Khiết		—	31
6.— Viện ngọc quý.	Hoài Minh Chánh	32	—	36
7.— Trở bước (thơ)	Bùi Thảo		—	37
8.— Gái ẽ dặt chồng nhờ bài thơ của bà Nhân Khanh.	Tân Hiến	38	—	41
9.— Giàn hồn (thơ)	Trần Thanh Mỹ		—	42
10.— Người chiến quốc: Tôn Tân.	Thiếu Sơn	43	—	48
11.— Hội hướng (thơ)	Bình Đạt Sơn		—	49
12.— Không nói (truyện ngắn)	Mai Thảo	50	—	54
13.— Nàng về nữ em vua (tiếp theo và hết)	Tín Khanh	55	—	61
14.— Mồ phần Hàn Mặc Tử.	Đào Tăng	62	—	63
15.— Pháo Đài Âu Châu bị tấn công.	Thiếu Sơn	64	—	67
16.— Họa thơ Xuân Nhật Sầu Ngâm.		68	—	70
17.— Chuyện con tem (tiếp theo và hết)	Nhị Dân	71	—	75
18.— Phương pháp âm thực của S. Nyoichi	Nguyễn Khoa Huân	76	—	82

19.— Nói đi anh (thơ)	Hương Huyền Trang		—	80
20.— Tuổi chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	84	—	86
21.— Ku Klux Klan xưa và nay	Đoàn Bích	87	—	92
22.— Trường Phan Thanh Giản (thơ).			—	
	Ngọc Huyền Phương		—	93
23.— Ngõ hẻm đàn bà (truyện ngắn).	Nguyễn vận Hồng	94	—	100
24.— Phồ Thông vòng quanh thế giới.	Trần Quân	101	—	102
25.— Albert Schweitzer	Võ Quế	103	—	111
26.— Tìm về (thơ).	Mai Duyên Thanh		—	112
27.— Minh ơi! Plastic làm bằng chất gì?	Diệu Huyền	113	—	117
28.— Thơ Lên Ruột.	Tú Be		—	118
29.— Người tù 69	Nguyễn Vỹ	119	—	123
30.— Đáp bạn Bốn phương	P.T.		—	124



Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài laï cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 * Bài laï cáo không đăng, không trả laï.
 * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu ðề rõ, xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và ðừng viết tắt.
 * Cấm trích, dịch, phỏng ðăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 • Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

• Tổng phát hành PHỒ THÔNG toàn quốc :
 ĐỒNG NAI, 270, ðề Thám — Saigon
 • Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu :
 • Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 • Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
 13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
 (vente — abonnements — Publicité)



hai lần
Giỗ Tò

HÙNG VƯƠNG

PHÚ THỌ 1935 * SAIGON 1965

* Nguyễn-Vỹ

1935. Hôm ấy là ngày 10 tháng 3 âm-lịch, năm Ất-Hợi, nhằm ngày 12 tháng Tư dương-lịch. Chuyển xe lửa Hà-nội—Yên-bái ngưng nơi ga Phú Thọ lúc 8 giờ sáng, chờ hầu hết là những người Hà-nội và các tỉnh Bắc-Việt đi «Lễ Đền Hùng», nhân dịp ngày Giỗ của Đức Hùng-Vương Đệ-Nhất.

Phụ-tá chủ-bút báo *La Patrie Annamite*, tôi cũng hành-hương với một nhóm tri-thức trẻ tuổi và sinh-viên trường Cao-dẳng Đông-dương, bảy người, tất cả đều vui sướng và cảm-dộng được đến đây lần đầu-tiên, viếng Lăng Vua Hùng-Vương và Đền Thờ Quốc-Tò Ngôi Đền cổ nhất của Việt-Nam sừng-sững trên ngọn Hùng-Sơn trái 40 thế-kỷ.

Từ ga Phú-Thọ đến chân núi Hùng-Sơn, phải đi bộ trên một con đường quanh - co qua các đồng ruộng, dài trên vài ba cây số. Nhưng khách hành-hương đi rất đông, từng đoàn, từng nhóm, trên gương mặt mọi người lộ vẻ hân-hoan, nhiệt-thành, như đang hăng-say làm một bồn-phận thiêng liêng.

Lễ chính-thức do các Quan Tỉnh Phú-Thọ đại-diện Triều-đình «An-Nam», đã cử hành từ lúc 5 giờ sáng và đã xong lúc 6 giờ. Cửa đền mở rộng cho đồng bào các nơi đến chiêm bái. Trước nhất chúng tôi viếng Lăng vua Hùng-Vương xây ngay trước cổng Đền. Lăng không rộng, không có kiến-trúc đồ-sộ như các lăng vua nhà Nguyễn ở Huế. Lăng của vị Quốc-Tò Việt-nam hùng-vĩ oai-nghiêm là ở nét cổ-kính đơn-sơ, xây bằng đá, tường chung quanh bằng vôi, tuy lở-lói, tiêu-diêu, cỏ rêu bao phủ nhưng vẫn còn kiên-cố, trải qua bốn ngàn năm lịch-sử. Vào Đền, chúng tôi để ý đến tấm hoành-phi sơn son thếp vàng đã cũ, treo trên cửa chánh điện, có ghi bốn chữ «Hùng Vương Quốc-Tò» bằng chữ Nho, do nét bút của vua Tự Đức ngự đề. Chung quanh treo la-liệt những câu đối của các vị Đại-Thần, trải qua các Triều Vua, trong số có một câu của Chu mạnh-Trinh.

Đền thờ vua Hùng-Vương cũng như hầu hết các Đền thờ khác trên phương diện bài-tri

về hình thức và các nghi-lễ chiêm bái rất bình dân, thông thường, nhưng đặc-biệt tôn-nghiêm vì là Đền thờ vua Hùng-Vương.

1935, Việt-nam sống dưới chế-độ đô-hộ Pháp. Người Pháp không hề ngăn-trở việc thờ cúng Vua Hùng-Vương cũng như các vị Anh-hùng của Lịch-sử nước ta. Nhưng Triều đình Huế cùng các Quan-lại « Bắc-Kỳ » không bao giờ nghĩ đến việc nâng cao đền Hùng-Vương lên hàng một Ngôi Đền Quốc-Tổ. Tôi có đưa ý kiến ấy trên báo *La Patrie Annamite*, kêu gọi tha thiết chánh quyền Việt-Nam nên trùng tu đền Hùng cho xứng đáng ngôi đền Quốc-Tổ, và sửa đổi Hùng-Sơn thành một nơi Thánh-địa. Nhưng tiếng gọi đó không được hưởng-ứng, còn đồng-bào, nhất là phụ nữ, đến đây cúng lạy, chỉ có mục đích xin xăm và cầu tài cầu lợi,

Dù sao, dân tộc Việt-nam cũng rất hãnh-diện có một nơi cổ tích oai hùng và xưa nhất của lịch-sử. Chúng tôi, bảy chàng thanh-niên-cùng một lượt quỳ lạy trước Điện Ngải để xin một quả xăm không phải cho chúng tôi, mà cho nước Việt-Nam. Chúng tôi thay phiên nhau cầm xúc ống xăm để xin quả thiêng về vận-mệnh của quốc-dân, Nhưng xúc mãi mà quả không ra. Vua Hùng-Vương không trả lời. Chúng tôi không hiểu đó là triệu chứng gì lạ thế?

1965. NGAY nay 30 năm qua, Cộng Sản đã chiếm hoàn toàn Bắc Việt đến vĩ tuyến 17. Đền Hùng-Vương còn đó, nhưng trên nóc Đền phát phôi lá cờ đỏ sao vàng của Việt Cộng. Chắc chắn là ngày Giỗ Tổ, năm nay cũng như mọi năm, Việt Cộng không cho đồng bào làm lễ, để hương khói lạnh lùng trên bàn Thờ hoang phế.

Ở Sài-gòn, thủ đô miền Nam, tôi lại được chứng kiến một mình (6 người kia đã qua đời trong những cơn chính biến), lễ kỷ niệm Hùng-Vương Quốc Tổ. Mười tám chiếc đỉnh đồng kê trên bàn thờ rộng mênh mông, tiêu biểu cho 18 đời Hùng Vương... Tất cả nghi lễ đều là tượng trưng, để nói lên lòng dũng cảm bất diệt của nhân dân Việt Nam cương quyết bảo vệ Tổ Quốc và Tự Do.

Ở miền Nam xa xôi đang hy sinh tài sản và tinh mệnh để chiến đấu chống xâm lăng, cả một thế hệ con cháu Hồng Bàng đêm nay dâng đèn hoa lên Bàn Thờ Quốc Tổ nghi ngút trầm hương, hát lên những bài cảm động hùng hồn để hoài niệm đến Người đã khai sáng ra Quốc Gia và Dân tộc Việt Nam.

Tôi đứng lặng yên, vọng tưởng về Đền Hùng-Vương đang khói lạnh hương tàn trên đỉnh gò Hùng-Sơn điêu hiu hoang vắng...



Hai lễ kỷ niệm, cách nhau 30 năm.
Hai trạng thái bi thương của Lịch sử Dân ta.

MỤC ĐÍCH CUỐI CÙNG
CỦA PHẬT GIÁO LÀ
NÂNG CON NGƯỜI LÊN
ĐỊA VỊ GIÁC NGỘ,
GIẢI THOÁT HOÀN
TOÀN — THÀNH PHẬT

PHẬT GIÁO VỚI CON NGƯỜI



★ Thích-Thiện-Châu
(Triyana Vardhana Vihara
Kalimpong (W. Bengal) India)

△ Một tượng Bồ Tát
thế kỷ 4, 5 sau T.L.
trong Bảo Tàng viện
Victoria, London

SAU những tháng năm gian khổ cho danh dự của Chánh pháp, cho tự do của dân tộc, trong mùa Phật đản năm nay, chúng ta hãy đi sâu vào vườn hoa đạo lý, ngắt hái những cánh hoa thơm đẹp để trang sức cho cuộc sống của chúng ta.

Phật giáo là lẽ sống thiện mỹ, có ra vì con người. Con người là sinh vật hằng mong được sống an vui. Với nhiều lối sống từ dễ đến khó, Phật giáo có thể đáp ứng nhu cầu lý tưởng cho mọi hạng người từ thấp lên cao. Ở Việt-nam ta, Phật giáo và dân tộc đã

hòa hợp với nhau suốt dòng lịch sử gần 2000 năm. Cuộc tranh đấu chống độc tài, tàn bạo, đòi hỏi tự do tín ngưỡng vừa qua nói lên phần nào sự hòa hợp thiêng liêng và lâu dài ấy.

Mục đích cuối cùng của Phật giáo là nâng cao con người lên địa-vị giác-ngộ, giải-thoát hoàn-toàn — thành Phật. Nhưng Phật giáo vẫn chú trọng đến phương diện xây dựng đạo đức cho cá nhân, hạnh phúc cho gia đình, và an lạc cho xã hội.

« Có một người đi đường khát nước đã lâu ngày, gần chết. May

PHẬT GIÁO VỚI CON NGƯỜI

mắn, nhờ một người qua đường đưa anh đến một con sông. Khi đến bên sông, nhìn nước lai láng chảy, anh òa lên khóc. Người kia ngạo nhiên và hỏi :

— «Sao anh khóc ?»

— «Khát nước quá,» anh đáp.

— «Khát nước thì nước đầy cả sông sao không uống mà lại khóc ?»

— «Nước nhiều như thế làm sao tôi uống hết được», vừa nói anh vừa khóc to lên !

Mong rằng, đối với Phật giáo, chúng ta sẽ không là người khát nước mà sợ nước trong chuyện trên

— Không có gì sai lầm hơn là cho Phật giáo quá cao siêu màu nhiệm, chỉ thích hợp cho hàng tu-sĩ và những người rảnh-rang việc đời.

«Chớ thấy biển rộng mà kêu,

Biển rộng mặc biển thuyền chèo có nơi»

Phật giáo, ngoài phần đạo lý cao siêu, vẫn có những nguyên lý căn bản hướng dẫn chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, giúp chúng ta cải tạo bản thân, xây dựng gia đình, sống với và phục vụ cho xã hội.

Nói đến bản thân con người là nói đến phần tâm linh tinh-anh và chủ động. Đi vào tâm linh là đi vào rừng rậm. Vì «con người vốn là cái gì khó hiểu» Nhưng tổng lược mà nói thì tâm linh con

người gồm có : tình cảm, lý trí và ý chí. Căn cứ vào ba phần này để tìm hiểu con người. Trước hết, chúng ta phải thành thật mà thấy cho được những khuyết điểm để rồi cải tạo chúng.

Về tình cảm, chúng ta dễ trở thành tham lam, tàn bạo, giận hờn, ganh tỵ v.v... hơn là thương yêu, khoan thứ, chia sẻ, giúp đỡ, v.v... Trong vườn tình cảm của chúng ta có nhiều cỏ dại : vọng mà rất ít hoa từ-bi. Nhưng chính tình cảm tốt đẹp — trong đó từ-bi là quan trọng — mới làm cho chúng ta trở nên người cao nhã, hữu ích.

« Một hôm vua Pasenadi của nước Kosala hỏi Hoàng Hậu Mallikà rằng :

— Trong đời này có ai đáng thương hơn chính mình không ?

— Không, Hoàng Hậu Mallikà đáp.

— Phải, vua Pasenadi nói rồi cười.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng đem câu chuyện ấy đến nhờ đức Phật xác định lại. Không do dự, đức Phật dạy :

« Các người nghĩ tới, nghĩ lui, nghĩ cho cùng rồi không thấy ai đáng thương hơn chính thân mình. Đời ai cũng thương thân mình hơn cả. Vậy thương mình

thì đừng hại người».

Đức Phật không ngăn trở chúng ta thương yêu bản thân mà Ngài chỉ khuyên chúng ta nên nghĩ đến sự đau khổ của đồng loại của chúng sanh mà đừng hại họ. Nếu tiến bộ hơn chúng ta nuôi dưỡng một tình thương rộng lớn hơn. Đầu tiên hãy thương yêu cha mẹ, bà con, lần lần đến láng giềng, đồng bào rồi đến nhân loại chúng sanh (kể cả loài bò, bầy, máy cưa). Tình thương cao đẹp là tình thương không toan tính, sẵn sàng giúp đỡ và hy sinh cho người, là tình thương của «bà mẹ hiền thương con đỏ». Phật giáo gọi nó là Từ Bi. (Mettā, karunā). Con người có tình thương này là con người hoàn toàn về phương diện tình cảm. Mạnh Tử bảo: Tình thương làm thành con người. (như giả nhân dã).

Về lý trí, trong thế kỷ 20 này, chúng ta có thể tự hào rằng con người đã tiến được một đoạn khá dài trên đường khai sáng trí tuệ. Tuy nhiên mây mù thành kiến, chấp trước, dị đoan vẫn còn phủ dày trên tâm trí của loài người. Ngày nay chúng ta biết nhiều nhưng ít hiểu. Đối với sự thật của vũ trụ nhân sanh thì sự hiểu biết của chúng ta trong hiện tại chỉ là những đóm lửa trong bầu trời đêm tối mênh mông. Ấy

là chưa nói đến sự hiểu biết hẹp hòi, hạn cuộc của chúng ta đã là những nỗi trở ngại lớn lao cho sự thấu đạt chơn lý toàn diện và phát sinh ra những bệnh tự đắc, tự mãn. Phật giáo gọi nó là sở tri chướng.

« Có một con ếch được nở ra và sống lâu trong một cái giếng. Ngày nọ có một con ếch biển khác rơi vào cái giếng ấy. Con ếch bên

hỏi: — Anh từ đâu đến ?

— Tôi từ biển vào, ếch biển đáp.

— Biển à! Biển rộng bao lắm?

Nó có rộng bằng cái giếng này của tôi không? ếch giếng vừa hỏi vừa bơi từ thành giếng này qua thành giếng kia một cách vênh vang tự đắc.

— Bạn ơi! con ếch biển nói, Sao bạn lại so sánh biển với cái giếng nhỏ bé này?

Con ếch giếng như không thèm nghe và bơi một lần nữa và hỏi lại:

— Biển của anh có lớn như vậy không?

— Thật là vô nghĩa khi anh so sánh biển với giếng.

— Nhưng, ếch giếng nói trong giếng, vẫn không có gì có thể lớn hơn giếng này của tôi. Anh là kẻ lác khoét, hãy rút khỏi chốn này.»

Câu chuyện ếch giếng (Kupamaduka) này cũng như câu chuyện

«những người như rờ voi» mà đức Phật kể cho các thầy Tỳ-kheo trong rừng cây Jeta (Kỳ đà) ở vườn Anathapindika (cấp cô độc) gần Savatthi như vụ cãi cọ về tôn giáo của những tu sĩ ngoại đạo cho chúng ta biết điều đáng chê trách của «sở tri chướng» và tệ hại của bệnh chủ nghĩa chủ quan.

Đề thoát khỏi vô vô minh (avijjā = si mê) chúng ta hãy khách quan và thành khẩn học hỏi (vấn, không tự mãn, chủ quan) suy nghĩ (tư, không mê tín) và thực nghiệm (tu, không lý thuyết suông) đề thấu đạt toàn diện bản thân của sự thật. Vô vô minh bị phá vỡ, ánh sáng giác ngộ tỏ hiện. Kinh Pháp cú nói: «Trí tuệ là nguồn gốc của muôn việc lành» Sự giác ngộ (pānā Bodhi) làm cho con người hoàn toàn về phương diện lý trí.

Về ý chí, có thể nói là phần đông nếu không hèn nhát, sợ khó thì mạnh động, bạo tàn. Chúng ta rất có thể có chánh nghĩa và hiểu biết được điều ích lợi cần làm song chúng ta không dám làm vì sợ nguy hại cho tính mạng và tài sản. Có nhiều người dám nói, dám làm song lại thiếu sáng suốt, không phân biệt được lợi hại, chánh tà. Cho nên càng hành động họ càng gây đau thương đổ vỡ

cho chính họ cũng như cho người xung quanh. Sự mạnh động và sức mạnh vô phu hạ thấp con người ngang hàng với thú dữ. Nhiều người có thể thành công rực rỡ trong những công tác vĩ đại, chiến thắng hằng vạn quân địch ở chiến trường song không bỏ được những tật xấu nhỏ như cờ bạc, rượu chè, hút xách, v.v... Như vậy, công việc rèn luyện ý chí phải được bắt đầu từ bản thân; trước hết hãy tự thắng mình bằng cách trừ bỏ những nét xấu, điều xằng trong ta—Công việc này đòi hỏi một nghị lực vững bền và sự chịu khó lâu dài — Đức Phật dạy: « Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất » (Pháp cú). Lão tử cũng bảo: « Thắng người chỉ mới có sức, tự thắng mới thật là cường dũng » (Thăng nhân giả lực, tự thắng giả cường).

Khi chúng ta có một sức mạnh mà sức mạnh ấy lại được từ bi, trí tuệ hướng dẫn thì chúng ta sẽ là con người lợi tha, hành động vì chánh nghĩa, vì mọi người.

«Thầy Purna là người có đạo đức và biện tài. Một hôm thầy xin đức Phật sang xứ Ironaparanta đề hành đạo — Đức Phật hỏi.

— Purna! Dân chúng d'Irona-

paranta có tiếng là cộc cằn, thô lỗ và hung tợn. Nếu họ chủi mắng Thầy thì Thầy sẽ nghĩ thế nào?

— Bạch Thế tôn! Con nghĩ rằng họ vẫn còn tốt và hiền vì họ không đấm, cú và ném đá vào con.

— Nếu họ đấm, cú và ném đá vào Thầy thì Thầy nghĩ thế nào?

— Con vẫn nghĩ họ còn tốt và hiền vì họ không đánh con bằng gậy và đâm con bằng gươm.

— Nếu họ đánh Thầy bằng gậy và đâm Thầy bằng gươm thì Thầy nghĩ thế nào?

— Con vẫn nghĩ họ còn tốt và hiền vì họ không giết chết con».

— Nhưng nếu họ giết chết Thầy thì Thầy nghĩ thế nào?

— Con vẫn tự bảo họ là những người tốt và hiền vì họ đã giải thoát con ra khỏi tám thân ô trược này.

— Purna! Thầy có đủ lòng từ bi và ý chí nhẫn nhục để sống tại Ironaparanta — Thầy hãy sửa soạn hành lý để lên đường — Đi và dạy dân chúng Ironaparanta phương pháp giải thoát vì chính Thầy đã được giải thoát.»

Cũng như câu chuyện trên, phong trào tranh đấu cho tự do tín ngưỡng trong tinh thần bất bạo động vừa qua nói lên ý chí dũng cảm của Phật tử Việt nam. Tuy cần phải tranh đấu, vì sự chịu đựng và tinh thần ôn hòa

không lay chuyển được những kẻ độc tài tàn bạo, nhưng vẫn làm chủ được mình và không làm tổn hại đến kẻ khác. Sức mạnh của bất bạo động tuy không bằng bột nhưng dẻo dai và nó chỉ có được nơi những người có ý chí keo sơn, sắt đá — Hòa Thượng Quảng Đức có ý chí ấy. Phật giáo gọi nó là hùng, lực (viriya, bala). Có hùng, lực, con người trở nên hoàn toàn về phương diện ý chí.

Tóm lại, nếu chúng ta sống đúng theo những nguyên lý căn bản của Phật giáo để chuyển đổi tình cảm xấu xa tàn bạo trở thành tình thương rộng rãi, phá vỡ si mê, thành kiến mà khai sáng trí tuệ, đào luyện và hướng dẫn ý chí và công việc tu dưỡng bản thân và phục vụ mọi người thì chúng ta sẽ là một người hoàn toàn xứng đáng với danh nghĩa « con người ». Một người có đủ Bi, Trí, Dũng và là hạng người mà ngày xưa Diogène thấp đước trong ban ngày để tìm.

« Khi con người lành mạnh thì những chế độ hư bại nhất cũng cải cách được. Điều cần thiết hơn hết là cái giá trị của con người. Ấy là đầu mối, là khởi điểm cho cuộc thăng trầm; vận mệnh một quốc gia không tùy

thuộc ở hiến pháp hay luật lệ mà tùy thuộc trước nhất ở tâm hồn của người dân nước ấy» (E. Bruneteau). Như vậy, nếu con người tốt đẹp thì gia đình, trong đó gồm những con người có tình nghĩa, hiểu thảo, sẽ được hạnh phúc, xã hội, trong đó có những con người sáng suốt, dũng cảm, sẽ được an lạc.

« Có một người ở quê lên tỉnh chơi, được bạn mời ở trên một tầng lầu ba mát mẻ, khoáng khoáng. Anh lấy làm thích thú lắm. Nhờ bạn giới thiệu, anh gặp một người thầu khoán và đặt xây cho anh một ngôi nhà mát mẻ như nhà mà anh đang ở chơi trên một khoảng đất trong vườn anh. Vài hôm sau người thầu khoán cho thợ về quê anh đào đất xây móng — Anh tức giận và cho gọi người thầu khoán đến và hỏi rằng :

— Sao ông không giữ lời giao kết? Tôi đã nói với ông xây cho tôi một ngôi nhà như tầng lầu mát mẻ của bạn tôi trên phố.



★ NẾU ĐƯỢC CHÚA NGHE

Thi sĩ Malherbe mỗi ngày thường bỏ thí cho một chú ần mày quen. Một hôm chú nọ cao hứng nói :

— Tôi sẽ cầu nguyện cho ông...

Malherbe đáp :

— Quý lắm, nhưng nếu lời cầu nguyện anh mà được Chúa nghe cho thì cần gì anh phải đi ần xin thế này?

Ông có xây được không?

— Chính ngôi nhà của bạn ông là do tôi xây.

— Thế sao ở đây ông lại cho người đào đất, xây móng? Nhà trệt dưới đất thì ở đây tôi có thiếu gì. Tôi chỉ muốn một căn lầu mát mẻ như căn lầu của bạn tôi!

Người thầu khoán tức giận nhưng buồn cười rồi bảo rằng :

— Tôi xin chịu. Tôi không thể xây nhà theo kiểu của ông được.» (Phỏng theo Kinh Bách-dụ)

Câu chuyện trên có lẽ không có thật nhưng ý nghĩa của nó là « Phải tu dưỡng con người trước hết rồi sẽ nói đến chuyện xây dựng gia đình và cải tạo xã hội. Và con người tốt đẹp vẫn là căn bản để nên Hiền, nên Thánh.»

Phật giáo là một lẽ sống có đủ những nguyên lý đạo đức để xây dựng con người.

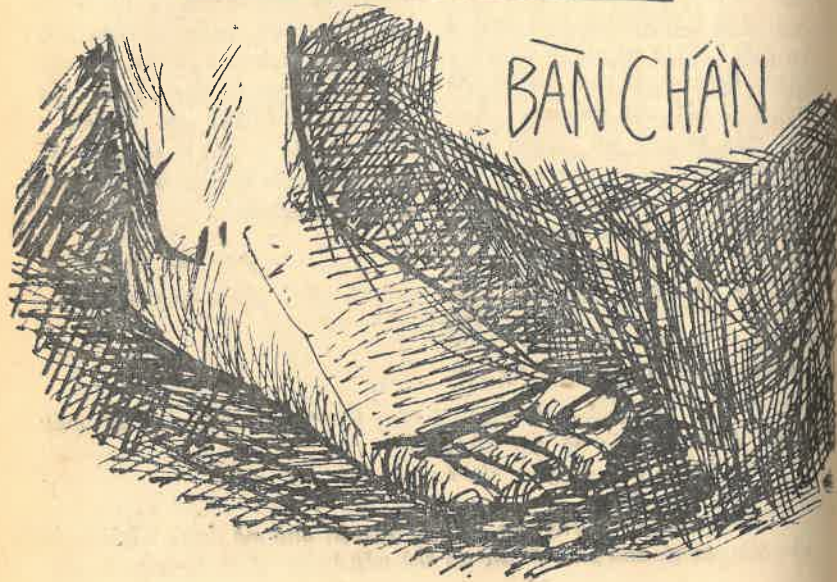
(Viết bên hồ Indira, mùa Sen 2509.)

Chung Chánh là bút hiệu của Chung Triệu Chánh, nhà văn mới của Trung Hoa Quốc gia.

Ông sinh năm 1925 ở Đào Nguyên miền nam Đài Bắc, đã tốt nghiệp trường sư phạm ở Giang Hồ, gần hai mươi năm qua ông dạy học ở một trường sơ đẳng gần tỉnh nhà.

Những tác phẩm đã xuất bản của Chung Chánh gồm có cuốn tiểu thuyết và một cuốn phê bình văn học nhan đề là « Sáng tác và phê bình ».

Truyện ngắn mà chúng tôi dịch giới thiệu với bạn đọc dưới đây đã đăng tải trên báo chí ở Đài Bắc và được in lại trong tuyển tập « Truyện ngắn mới Trung Hoa Quốc gia » sau khi dịch ra Anh ngữ.



Chung Cheng

* HOÀI KHANH dịch

« Xem kia, bàn chân của anh nó đẹp làm sao ! »

« Bàn chân à ? »

Chàng dừng lại và đưa mắt nhìn nàng, một cái nhìn ngờ vực.

« Vàng, bàn chân của anh, Nó đẹp, và... »

« Và cái gì ? »

« Vàng, em không biết bày tỏ nó như thế nào. Nhưng dù sao nó vẫn là đẹp »

Chàng muốn cười lên. Nhưng dù thế nào đi nữa, vì những lý lẽ chính chàng không thể xác định được, chàng nhận thấy khó nhọc cả đến một nụ cười.

Chàng biết chàng cần phải làm như vậy. Một nụ cười sẽ là một điều lịch sự nhỏ nhất để đáp lại một người đàn bà đã có ý mở miệng khen chàng. Khen cả đến bàn chân của bạn thật xứng đáng được thưởng một nụ cười. Nhưng đúng là chàng không thể nào cười được. Chàng quay đi và thủng thẳng đi về cuối phòng khách. Khi chàng bước đi, chàng ho lên một tiếng nhẹ. Chàng muốn nàng hiểu rằng chàng đã định cười to lên về sự nhận xét của nàng nhưng bằng cách này hay cách khác, chàng đã bị ngăn lại bởi cơn ho bất thần này.

Chàng ngã người xuống chiếc đi-văng và thở dài.

« Tại sao ngày hôm nay ta cảm thấy khó tính đến thế ? Vì lẽ gì ? » Chàng tự hỏi mình. Dù sao không thực có bất cứ lý do nào cho nó cả. Việc buôn bán thì rất tốt lành — gần như quá tốt, quá thế. Hiện giờ, mùa Giáng sinh và Tân niên đã gần kề và vài ngày sau sẽ chứng kiến những gói quà tặng gửi đi khắp nơi từ cửa tiệm của chàng. Đó là sự thực, chàng nghĩ, việc mua bán ngày hôm nay không tốt được như vậy và chàng đã đóng cửa tiệm khá sớm. Chắc chắn đó là do điều khốn khổ này, cơn mưa quấy rầy. Vàng, trời đã làm cái mừng này suốt vài ba hôm, ướt át và ẩm mốc. Việc đó đã làm mọi vật rỉ mốc, cả đến trạng thái tinh thần của chàng. Vàng, điều đó phải là do trời mưa, chàng nói với mình.

Đĩ nhiên là đại đột, để nó đặt bạn trong chỗ vút đi. Bạn không thể mong đợi mặt trời chiếu sáng mỗi ngày được. Ngoài ba trăm sáu mươi lăm ngày bạn bắt buộc phải có một số ngày mưa gió và thời tiết ẩm ướt.

« Anh đang nghĩ về việc gì đó ? » Người đàn bà đến gần hơn một chút.

« Không ».

« Phải có một chuyện gì đó

—xem anh có vẻ lo lắng tợn »
« Không có chi cả » chàng trả lời giọng quá quyết.

Trong khi đó, chàng nhấc thân mình lên, đặt bàn chân lên trên phía phải của chiếc đi-văng và ngửa đầu trên phía trái. Chàng luôn luôn cảm thấy nhiều thoải mái khi nằm duỗi theo cách này.

Người đàn bà ngồi bên cạnh chàng. Bấy giờ trời đang mưa lớn hơn. Chàng có thể nghe những giọt mưa phồng lên đập nhẹ nhanh chóng kể tiếp trên mái nhà của người hàng xóm chàng, một mái nhà thấp đến nỗi nó khó mà bằng tới cái màn lưa cửa sổ cao hơn của chàng. Chàng luôn luôn hết sức tự tôn riêng trong việc này.

« Bàn chân anh xem nó đẹp làm sao » người đàn bà lại nói.

Lần này cùng thẳm trong tư tưởng chàng không chấp nhận mà cũng không từ chối nàng. Lúc bấy giờ chàng cảm thấy nàng xoa bàn chân phải của chàng một cách dịu dàng rồi tới bàn chân trái cùng một lúc.

« Nom chúng như chân đàn bà » nàng nói khe khẽ. Rồi như thể để tự sửa mình, nàng nói thêm, A không, bàn chân của đàn bà không hấp dẫn như thế

này. Hết thấy chúng cong xuống và xấu đi bởi màng giấy cao gót, anh biết đó. Nhưng cớ giấy ra và anh thấy còn những gì? »

Nàng thì thầm những lời này cho chính nàng.

Bít thình lình chàng ngừng đầu dậy. Một cái nhìn hốt hoảng trong cặp mắt chàng. « Nói sao, làm thế nào em biết việc đó? »

« Biết cái gì? Tôi không biết việc gì cả »

Đến lượt người đàn bà nhìn hốt hoảng. Nàng bỏ rơi tay xuống và đăm đăm nhìn chàng.

« Tôi định nói bàn chân của tôi. Làm sao em biết chuyện đó? »

« Anh định nói cái này hả? »

Nàng dùng lòng bàn tay xoa vào lòng bàn chân chàng. Chàng chận nàng lại.

« Vâng, được, hãy để tôi nhìn tay em »

Chàng ngồi dậy và với tay nàng trong tay, chàng xem xét lòng bàn tay nàng rất kỹ lưỡng. Chàng xoa nó nhẹ nhàng với ngón tay cái trong khi chàng suy nghĩ.

« Chuyện gì vậy? » Nàng có vẻ hoàn toàn lưỡng cống không biết ất giáp gì.

« Không có chi. Không việc gì. Hãy tiếp tục những gì em đã làm từ trước. »

Chàng đẩy tay nàng đi và lại nặng nề ngả mình xuống đi-văng. « Cứ tiếp tục và xoa nó; em không biết nó cảm thấy thích thú như thế nào »

Chuyện buồn cười phải không? Lòng bàn tay của người đàn bà có một vài loại gân như là sức mạnh của tà thuật. Bàn tay của nàng không quá mảnh dẻ hoặc trơn tru nhưng khi nó xoa dọc theo lòng bàn chân chàng nó có thể gây ra một cảm giác thật là mịn màng, thật là rờn da gà mà việc đó khó có thể tin được.

Chàng nhớ đến một người đàn bà khác mà nàng cũng đã xoa bóp bàn chân chàng. Người đàn bà đó, bất cứ cảm giác nào của riêng chàng, vẫn phải có tên nàng đứng ở đầu cột « vợ » trong giấy lý lịch của chàng. Việc đó đã đứng chẵn hai mươi năm rồi. Vào lúc họ kết hôn, chàng mới 18 tuổi và nàng cũng vậy. Một vài ngày trước Năm Mới hai mươi năm trước đây, họ bị bắt buộc cúi lạy trước các cái đầu cột bằng gỗ đại diện vong linh tổ tiên họ. Sau lễ nghi nghiêm cách này và cuộc tiệc cưới sơ sài, họ đã gần như bị ném chung lẫn nhau một cách

lịch sự vào chiếc giường ngủ nhỏ bé bởi cha mẹ chàng.

Đó không phải là một việc bất thường chi cả bởi vì (cô gái vì lý do nghèo bị bắt buộc mang đến nhà người chồng) trở thành cô dâu trong cách này. Cha mẹ đưa ra đầu với sự chống đối dữ dội của người con trai bắt buộc kết hôn với cô gái, ông ta đã biết một cách tường tận, luôn tin tưởng rằng bản tính của con người sẽ làm việc đó được bình thường và bao giờ cũng vậy. Nhưng vì những lý do mà chính chàng không hiểu, chàng đã bắt đầu tăng thêm sự không thích nàng kể từ ngày nàng xâm chiếm đời sống cùng với họ. Chàng đã cố gắng phản kháng sự ép buộc của cha mẹ chàng, nhưng vô ích. Khi tất cả sự chiến đấu của chàng để ngăn cản việc kết hôn bị thất bại, chàng đã dùng đến một thái độ lạnh lùng cam chịu. Chàng quyết định chỉ giản dị không ngủ với cô gái. Sự thực thì chàng sẽ phải nằm chung một giường với nàng, vì lẽ chỉ một cái giường, nhưng chàng tính có thể thực hành quyết định bằng cách nằm quay đầu chàng ở đằng đầu cuối phía chân giường.

Trong hơn hai tuần lễ chàng

đã vận dụng vừa lành đạm với nạng và vừa lành đạm với chính chàng mà chàng đã không phiền phức chi sẽ ngủ ngay sau khi đầu chàng đặt xuống gối. Chàng quả quyết rằng chàng có thể tiếp tục như thế mãi mãi. Nhưng chàng đã thất bại, và đó là do bàn chân nó đã phản bội chàng.

Đó là đêm Lễ Cộ Đền. Chàng đã uống chút đỉnh với các bè bạn ở một tửu quán dưới phố, và trên đường về nhà trời bắt đầu mưa lớn đến nỗi lúc chàng về tới nhà thì đã bị hoàn toàn ướt đẫm. Chàng đi thẳng vào giường ngủ, Cảm thấy khá mệt, một lát sau chàng đã bắt đầu run. Giây phút này là lúc vợ chàng nắm lấy bàn chân của chàng, để chúng sát vào cặp vú ấm áp của nàng.

Dần dần việc này đem đến cho chàng một cảm giác mà chàng chưa bao giờ trải qua trước đó, một cảm giác của sự dịu êm và ấm áp mà thấy rằng vượt quá khả năng diễn tả của chàng. Trong khi nàng vuốt ve bàn chân, chàng bỗng ý thức đến sự nguy hiểm, và hơn một lần chàng cố gắng tập chung ý chí để đẩy tay nàng đi.

Chàng đã rất muốn nói như thế này : « Đừng quấy rầy tôi » nhưng dù sao những lời nói đó đã làm chàng thất bại. Chàng suy

xét rằng chàng có thể nhảy lên khỏi chiếc giường được không hoặc làm như không biết tới những gì nàng đang làm một trong hai việc đó. Trước đó lâu, sự run rẩy đã biến mất và chàng cảm thấy sự ấm áp lưu thông đến mỗi khớp xương chàng. Chàng bắt đầu cảm thấy tim đập nhanh hơn. Và trong vài phút kể đó, thế giới biến vào cơn gió lốc. Mọi vật xoay tít với sự gia tăng tốc độ—trần nhà, giường ngủ, người đàn bà trên đó, và rồi sau cùng, riêng thân thể của chàng nữa.

Trong hai năm sau đó bản tính con người đã tiến hành thông thường. Tuy không gì xuất hiện để lại một ấn tượng lâu bền trong chàng. Chỉ có một điều chắc chắn là: chàng vẫn không yêu nàng. Đối với chàng, tánh tình dễ bảo của nàng và những tính hạnh khác của nàng đã có, nhưng là những biến tượng của sự ngu ngốc thuộc về nữ tính của nàng. Ngay cả trên giường nàng cũng chỉ là một thể xác giống cái đối với chàng mà thôi.

Rồi chàng đến Đài Bắc, lia bỏ đằng sau cha mẹ chàng và người đàn bà, mà nàng đang mong đợi một đứa bé. Chàng đã dự tính việc này từ lâu, và khi

bạn chàng ở Đài Bắc tìm ra cho chàng một công việc, chàng quyết định rằng thời gian đã đến. Chàng đã vui thú dịu dàng khi người đàn bà nói với chàng rằng nạng đã có thai. Không phải chàng chú ý nhiều đến đứa con. Nhưng vì lẽ cha mẹ chàng hết sức mong muốn một đứa cháu nội, bây giờ chàng cảm thấy chàng đã làm tròn sứ mạng. Nghĩ về việc đó đã không làm chàng ở lại lâu hơn bất cứ ngày nào.

Đã mười tám năm kể từ khi chàng đến Đài Bắc từ miền Nam, những năm khốn khổ. Trong một thời gian dài chàng không chắc chàng có thể thay đổi mấy số phận của chàng. Chàng làm việc cho người chủ Nhật bản mà y đã đối xử chàng với tất cả sự nghiêm ngặt vừa với một kẻ thẳng trợn ở nước ngoài. Nhưng khi quân Nhật bại trận và Đài Loan trở thành một phần của Trung hoa, chàng bắt đầu nhận thấy rằng chàng đã thoát ly gia đình và đã làm nên một thế giới khác biệt. Đêm hôm trước chàng trở thành viên quản đốc một cửa hàng lớn mà chàng làm việc trong đó.

Đôi khi chàng cũng nghĩ đến trường hợp chàng trốn bỏ gia

đình. Nếu chàng không bị bắt buộc kết hôn với cô gái hoặc nếu do bất cứ sự biến đổi nào mà chàng nảy nở việc ưa thích nạng một ít, chàng sẽ không nhút quyết ra đi như vậy. Luôn luôn chàng cho rằng chàng chịu ơn rất nhiều về sự ngoan cố của cha mẹ chàng và sự ngu ngốc của người đàn bà trong những gì đã xảy ra. Nếu chàng ở lại quê nhà, chàng sẽ không bao giờ trở thành một số hữu chủ thành công của một cửa hiệu lớn, đó là điều chắc chắn.

Hiện giờ, đêm đó trở lại với tất cả sự sống động, sáng chói, đêm mà chàng đã run rẩy như chiếc lá mùa thu trong cơn gió mạnh và vợ chàng đã xoa bóp lòng bàn chân chàng để làm cho chàng ấm áp. Những việc khác, nhỏ nhặt và không quan trọng đều trở lại tất cả. Tim chàng bắt đầu đập nhanh hơn một ít, nhưng không như cách nó đã đập hồi hai mươi năm trước đây; đêm mà chàng trở về nhà ướt át như thể từ cuộc Lễ Cộ Đền. Nó bắt đầu đập nhanh hơn và có phần rất đau đớn. Chàng cảm thấy bắt đầu hối tiếc cho nàng, hối hận vì cách cư xử của chàng đối với người đàn bà

mà nàng đã sanh cho chàng một đứa con trai mười tám năm trước đây. Trong tất cả những năm đó, chàng đã trở về ba lần, nhưng không phải cho nàng. Lần thứ nhất là vì đám tang của cha chàng, lần thứ nhì để chôn cất mẹ chàng và lần thứ ba cho cả hai quét dọn hai ngôi mộ của họ trong Lễ Thanh Minh. Không bao giờ có một lần cho nàng.

Có thể chàng sẽ làm một việc gì đó cho họ, người đàn bà và đứa bé, chàng tự nói với mình. Có thể chàng sẽ trở lại mỗi năm một lần, giấy má và ở lại một ngày hoặc hai. Chàng phải thực sự làm một việc gì cho thẳng bé đó. Chàng có thể tặng trợ cấp hằng tháng lên gấp đôi cho họ. Việc đó sẽ thuận tiện cho thẳng bé theo đuổi việc học của nó ở đây tại Đài Bắc và mẹ nó có thể đến lúc nào tùy thích. Chàng cố tưởng tượng rõ ràng trong trí họ sống trong căn nhà nhỏ tận quê nhà như thế nào và so sánh tinh thần nó với căn nhà gạch hai tầng mà chàng và người đàn bà này cùng năm đứa bé

xinh đẹp cư ngụ. Đối với vợ chàng, căn nhà này sẽ giống như một ngôi nhà khồng lồ, đồ sộ. Chàng tiếp tục với ý nghĩ, không nhớ rằng người đàn bà này vẫn đang còn xoa bóp bàn chân chàng. Lúc bấy giờ, không nhận ra điều đó chàng thở dài.

« Anh vừa nghĩ những gì đó? » Người đàn bà làm gián đoạn ý nghĩ của chàng.

« Không có chi, không có chi cả » chàng chống chế. « Tôi vừa đang nghĩ tới mưa ».

« Tôi không hiểu, tôi vừa có một cảm giác rất kỳ lạ. Dầu sao, tôi không thể xoa bóp thêm được nữa. Hai bàn tay tôi đã sưng rồi. »

Nàng ngừng lại, và nàng có thể đã dừng lại hoàn toàn một lúc trước đây. Sự chấn động tinh thần một ít đã mất ở một nơi nào đó, khi chàng mài miết hồi tưởng. Và trừ lúc bắt đầu, sự chấn động tinh thần không như nhau. Dù sao đi nữa, trong một giây lát chàng tự suy xét để tìm sự khôn ngoan bàn luận vấn đề đó với người đàn bà này

PHONG-PHU

Quảng **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-63

Ý nghĩ mang vợ và con chàng tới Đài-Bắc và tặng thêm trợ cấp hàng tháng cho họ. Lúc bấy giờ chàng trở lại chiến đấu với động lực và dẫn lại những lời mà chàng đã bày tỏ và phát biểu trong đầu óc chàng. Khi chàng nuôi những lời đó, cổ chàng khô lại. Và nó phát ra như một dấu hiệu hoặc một cái tắc lưỡi. Chàng tự mỉm cười với mình.

« Thật là một buổi chiều lạ lùng. Anh hành động một cách

rất kỳ lạ. Tôi không thể tưởng tượng nổi những gì trong ý nghĩ của anh ». Với lời nói này, người đàn bà đi về phía cửa, tới căn phòng khác.

« Tôi đang gắng tính toán một vài thứ. Rồi em sẽ thấy, em sẽ thấy » chàng nói một cách quả quyết.

Bên ngoài trời đang mưa lớn hơn.



★ **BẢN CÁ BƯU ĐIỆN**

Quảng cáo trong nhiều tờ báo: Gửi về 5 quan tôi sẽ gửi tặng chân dung tuyệt mỹ của Hoàng hậu Monaco, người đẹp trần gian số một, Grace Kelly, đang bông trên tay hoàng tử Albert, tác phẩm duy nhất của nhà điêu khắc trứ danh trong cung.

Khách mộ điệu, hay nói rõ hơn, những người ở khắp nơi mê mê Grace Monaco được nhận lại.. không phải hình, phải tượng gì, mà lại là con tem 100 quan hiện lưu hành ở Monaco vẽ hình Hoàng hậu bông Albert y như lời quảng cáo.

PHONG-PHU

Quảng **NEUROTONIC** **BỔ ỨC**
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-63

NGUYỄN-KHUYẾN CÓ LÀM VĂN TẾ F. GARNIER HAY KHÔNG ?



MỘT VÀI SỰ KIỆN VỀ
MỘT BÀI VĂN TẾ
ĐÃ GÂY RA MỘT SỰ
NHẬN ĐỊNH TRAI NGƯỢC
TRONG GIỚI VĂN HỌC

★ Phạm-văn-Sơn

TRONG thời thực dân Pháp mang binh hùng tướng mạnh vào cướp nước Việt-Nam ta, sĩ dân toàn quốc đều nổi lòng công phẫn trừ một số Việt-gian vô liêm sỉ đã chạy theo ngoại nhân để kiếm danh lợi. Nhiều vị khoa mục đã hưởng-ứng phong-trào Cần vương do hai ông Tú Đặng-như-Mai và Trần-Tân phát động rồi tới Phụ chánh đại thần Tôn thất Thuyết sau vụ Kinh thành thất thủ năm Ất-dậu (1885). Ngoài ra nhiều vị tuy không dự vào việc cầm gươm giết địch nhưng đã có những hoạt động phản tuyên truyền địch trong dân chúng hoặc bằng lời nói, hoặc bằng thi văn cũng đã gây được

nhiều ảnh hưởng tốt cho các cuộc khởi-nghĩa khi đó đang lan tràn mạnh nhất là ở Trung và Bắc-kỳ.

Chúng tôi thiết nghĩ văn thơ kháng địch vào thời nào cũng là một bộ môn cần yếu vừa để đánh dấu những giai đoạn lịch sử huy hoàng của chúng ta vừa để phong-phú-hóa Văn-học-sử của nước nhà. Vì vậy chúng tôi mong rằng các thi văn được đặt ra trong những thời kháng địch (trước kia chưa tiện phổ biến thì nay chúng ta đã có cơ hội) được ghi chép trên báo chí kéo sau này bị quên lãng và chìm đắm trong thời gian sẽ là một điều vô cùng đáng tiếc. Có nên nói rằng chỉ Văn-học-sử của một số quốc gia Á-Đông mới có thi văn kháng chiến (nhất là thơ) còn ở các nước Tây phương chỉ có những ký-ức-lục hay tài-liệu để ghi vào Lịch sử mà thôi. Nguyễn nhân rất dễ hiểu ; người Đông-phương có rất nhiều sở trường về thi-ca, đến ngay cả người bình dân ít học hay vô học.

Một văn đề khác cũng đáng lưu tâm : nhiều bài thơ, bài ca, bài vè do chỉ được xuất bản miệng nên bị thất lạc hay lầm lỗi cả về xuất xứ lẫn tên

tác giả cũng cần được tu chỉnh để có đủ giá trị cho việc ghi chép vào lịch sử hay văn-học-sử.

Hôm nay, do ý này, chúng tôi xin xuất trình một bài văn tế đang không có sự nhận định đồng nhất của một số anh em trong giới văn học chúng ta : *Bài văn tế Francis Garnier* mà người ta cho rằng tác giả là cụ Tam-Nguyên Nguyễn-Khuyến (tục gọi là cụ Yên-Đồ vì quê hương cuối cùng của cụ là làng Yên-Đồ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam, Bắc-Việt). Bài này còn bị cái nạn tam sao thất bản nữa nên chúng tôi cũng xin chép luôn cả mấy bài ra đây để các bạn đọc cùng cứu xét :

(Bài thứ nhất)

Thạn ôi !

*Một phút sa cơ
Ra người thiên cò*

Nhớ ông xưa :

*Cái mắt ông xanh,
Cái da ông đỏ,
Cái tóc ông quăn
Cái mũi ông lỗ,
Đít ông cưỡi lừa,
Miệng ông huýt chó.
Lưng ông đeo súng lục liên,
Chân ông đi giầy có mỏ.
Ông ở bên Tây
Ông sang bảo hộ,*

Đánh giặc Cờ Đen
Đề yên con đỏ.

Nào ngờ:

Nó giết được ông,
Nó chặt mất sỏ,
Cái đầu ông đâu?
Cại mình ông đó,
Khốn nạn thân ông!
Đù cha mẹ nó!

Nay tôi:

Vâng lệnh quan trên,
Cúng ông một cỗ
Nay chuỗi một buồng,
Này rượu một hũ,
Này xôi một mâm,
Này trứng một giỏ,
Ông có khôn thi ng,
Mời ông xơi hũ.
Ấy, uống no say,
Nằm cho về chỗ,
Ớ, ông Ngạc Nhi ơi!
Nói càng thêm khổ!...

★

(Bài thứ hai)

Hỡi ôi!

Ông ở bên Tây,
Ông qua bảo hộ,
Cái tóc ông quăn
Cái mũi ông lõ,
Đít ông cưỡi lừa,
Miệng ông huýt chó,
Lưng ông mang súng lục liền,
Chân ông đi giày có mỏ

Ông đẹp Cờ Đen,
Đề yên con đỏ:

Ai ngờ:

Nó bắt được ông,
Nó chặt mất sỏ,
Cái đầu ông đâu?
Cái đít ông đó.
Khốn khổ thân ông
Đ... mẹ cha nó:

Nay tôi có:

Cau một buồng,
Xôi một cỗ,
Rượu một be,
Trứng một ổ,
Vâng lời quan trên
Cúng ông một cỗ,
Đề tôi khỏi hổ

Ô hô! thương hường,

Có người nói rằng bài văn này của Nguyễn-Khuyên thừa lệnh viên Kinh-lược-sứ Bắc-kỳ bầy giờ làm đề tế Đại-tả H. Rivière chứ không phải là Francis Garnier như đã nói trên.

Gần đây (1957) ba ông Hoàng-ngọc-Phách, Lê Thuộc, Lê-trí-Viễn khảo về Văn thơ Nguyễn-Khuyên đưa ra bài thứ ba để rõ là bài này làm ra đề tế H. Rivière, mà ta thấy có nhiều chỗ khác biệt hơn, còn tác giả, theo ba ông vẫn là cụ Yên-Đồ:

Nhớ ông xưa
Mắt ông xanh lè, mũi ông thò
lõ,

Đít ông cưỡi lừa, mồm ông
huýt chó

Nhà ông bầy toàn những chai
Vườn ông trồng toàn những cỏ

Ông vào làng Mật-dồ (?)

Đề đẹp Cờ Đen.

Cho yên con đỏ.

Ai ngờ nó giết chết ông

Nó mang đầu ông đi

Nó bỏ xác ông đó

Chúng tôi vâng lệnh triều đình

Tế ông: chuỗi một buồng, trứng

một ổ

Ông ăn cho no ông năm yên

chỗ

Khốn nạn thân ông, đèo mẹ cha

nó

Với sự tìm kiếm của ông Trần-lê-Hữu, ta thấy thêm một bài nữa có phần đầy đủ hơn nữa về chi tiết, cũng xin chép ra đề rộng đường nghiên cứu:

Nhớ ông xưa:

Tóc ông quăn quăn,

Mũi ông lõ-lõ,

Chân ông đi giày

Đầu ông đội mũ

Tay ông cầm ô

Miệng ông huýt chó

Ông ở nước Tây ông ngang tàng

Ông sang nước Nam ông bảo
hộ

Ông đóng Quỳnh-Côi

Ông về Kinh-lũ

Ông giết thằng Đen

Đề yên con đỏ

Hỡi ôi!

Đầu ông đi đâu?

Mình quăng ra đó! (1)

Nay tôi:

Vâng lệnh tỉnh thần,

Tế ông một cỗ.

Bò béo một con.

Rượu ngon một hũ,

Cái bẹ mấy ngồng

Hành hoa mấy củ,

Vật dụng lạ thường

Thức gì cũng đủ.

Xin cầu linh hồn ông,

Hoặc ông lên thiên đường,

Hoặc ông xuống âm phủ.

Quần chúng theo ông.

Xin ông cùng rủ.

Lẽ bạc lòng thành,

Chút tình gọi có.

Yên hưởng đoạn rồi,

Sẽ về chỗ cũ.

Bảo hộ nước Nam.

Ăn ngon nằm ngủ.

1) So với các bài trên bài này đến đây thiếu hai câu

Khốn khổ thân ông!
Đ... cha mẹ nó

Nhìn vào 2 bài trên chúng ta thấy chỉ có sự thừa thãi một vài câu và khác-biệt ít nhiều chữ không có gì đặc-biệt, đại cương vẫn là một bài rồi sao chép mỗi bài thật đặc chút đỉnh. Nhưng với bài thứ ba của bọn các ông Hoàng-ngọc Phách, Lê Thước, Lê trí Viễn có mấy câu khác hẳn :

... Nhà ông bày toàn những
chai,
Vườn ông trồng toàn những cỏ,
Ông vào làng Mật đồ

Nay đòi chiếu sử liệu về địa phương, nhân vật, sử sự ta không khỏi có những thắc mắc như sau để có thể để-kết ra một vài sự lầm lỗi do những sự ghi chép hay truyền tụng sai lạc.

1.— Nếu bảo bài văn này đề tề Francis Garnier thì không đúng vì F. Garnier đánh nhau với quân Cờ Đen không vào làng Mật-đồ (y chết trên đường đi về Ô Cầu-giấy thuộc phủ Hoài Đức cách cửa Nam thành Hà-nội trên một ngàn thước trong khi y tiên trên một con đê nhỏ bị quân Cờ Đen nấp bắn ở phía sau — Tài liệu của P. Cultru trong *Histoire de la Cochinchine française* —

des origines à 1883—Paris 1910)

2.— Nếu bảo bài này của Nguyễn-Khuyên cũng sai vì vào năm 1873 là năm F. Garnier tử trận Nguyễn-Khuyên chưa làm quan ở Hà-nội và triều-đình Huế còn đang chống Pháp thì làm gì có việc cử người tề tướng sĩ trận vong của Pháp.

3.— Nếu bảo Nguyễn-Khuyên làm bài này đề tề Henri Rivière vì vào 1883 họ Nguyễn đã ra làm quan và có giữ chức Thương-biện ở Nha Kinh-lược Bắc Kỳ trông coi việc buôn bán với ngoại quốc ở Hà nội nên có thể được « quan trên » ủy làm bài tề tướng Pháp cũng sai. Bởi sao? — Bởi sự thực Nguyễn-Khuyên tuy đi ra làm quan nhưng lúc này ông đang làm Toàn-tu ở Quốc-sứ-quán Huế (Đại Nam thực lục chính biên có ghi lại điều này). Hơn nữa, trong năm 1883 triều đình còn cử ông với chức Trực học-sĩ sung Quốc-sứ-quán toàn-tu làm Phó-sứ cùng với Lã-Xuân-Oai Tuần-phủ Lạng-Bình (Lạng-sơn — Cao-Bằng) Chánh sứ sang ngoại giao với Thanh-đình có lẽ vì nhiều biên cớ c ảnh trí của thời bấy giờ, bởi lúc này,

NGUYỄN KHUYẾN

pháp đang gây rối mạnh ở Việt-Nam. Phái đoàn dự định đi đường thủy vì đường bộ bị nghẽn nhưng vào ngày 28 tháng 8. 1883 Pháp đánh cửa Thuận-an, vua Tự-đức mất, pháp bức bách ta ký Hòa-uớc Harmand nên sứ sự bị đình lại và hai ông lại trở về địa-vị cũ. Sau đó Nguyễn-Khuyên cáo quan về nhà thì có việc Pháp tập trung lực lượng đánh Sơn-tây vào tháng 12 năm ấy. Tinh thần Sơn-tây Nguyễn-đình-Nhuận cùng Đê-độc lĩnh tụ Cờ Đen là Lưu-vinh-Phúc yêu thế phải kéo quân chạy lên Hưng-Hóa (Phủ Thọ) hợp lực với Nguyễn-quang-Bích, Thủy sư Đê-độc Courbet bắt Nguyễn-hữu-Độ lúc này là Kinh-lược-sứ Bắc-kỳ cử người đên thay Nguyễn-đình-Nhuận. Độ nhân danh Triều đình cử Nguyễn-Khuyên làm quyền Tổng-độc Sơn-tây và Thành-ngọc-Mãn Tại-độc học sĩ (vừa hết hạn cư tang) làm quyền Bộ-chánh (1). nhưng không ông nào đi tựu chức, sau đó Nguyễn hữu Độ

phải đặt tú tài Nguyễn văn Nguyên đang làm Thương-biện bấy giờ thay vào đó.

Như vậy ta thấy vào năm 1883 Nguyễn tiên sinh tuy là quan với triều đình Huế nhưng không có giữ chức gì trong vùng kiểm soát hay ảnh hưởng của quân xâm lược và không thể có việc Nguyễn-Khuyên thừa lệnh Kinh lược sứ làm bài văn tề H. Rivière, ngoài ra xét văn chương của bài tề H. Rivière ta thấy nếu quả là của Nguyễn tiên sinh ắt phải cao hơn nhiều về kỹ thuật và sâu sắc hơn về ý-tứ. (2)

(1) Quốc triều chính biên toát yếu quyển XI cũng ghi như sau : « Sứ tướng Pháp tự dục Hộ-độc tỉnh Hà nội là Nguyễn-hữu-Độ chọn người. Ông Nguyễn-hữu-Độ cử ông Nguyễn-Trực, học-sĩ Nguyễn-Khuyên làm quyền Tổng-độc, Thị-độc học sĩ Thành-ngọc-Mãn làm quyền Bộ-chánh, nhưng không ông nào đến.

2) Cụ Vũ-Tự người làng Vị Xuyên tỉnh Nam định cũng cương quyết rằng bài văn tề này không thể là của cụ.

PHONG-ĐHU

Runy

NEUROTONIC

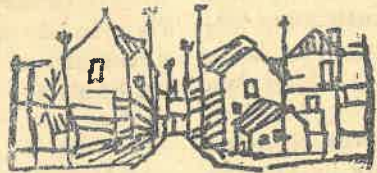
BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BVT 25-11-60

Nay người ta ước đoán rằng bài này là của một nhà nho vô danh và bí mật nào thuộc đó làm ra để chửi quân xâm lược rồi cho lưu hành miệng trong dân chúng, chớ không phải là đọc trước bọn thực dân và tôi tớ của chúng. Và chiều theo nội dung của bài văn này thì khung cảnh của sự việc đã xảy ra là tỉnh Thái bình lúc đó là 1 phủ thuộc tỉnh Nam định gồm 4 huyện : Quỳnh côi, Phụ dực

Đông quan và Thụy Anh (Ngày 21-2-1890, ngày quyền thuộc địa mới ra nghị định tách phủ này ra và lập thành tỉnh gọi là tỉnh Thái, bình) — Kê được nghe bài văn tề là vong hồn Crivier, Thiệu-úy trưởng đồn khố xanh ở huyện Phụ dực, bị nghĩa quân Đốc Đen bắn chết ở Yên-lũ (huyện Thanh quan) ngày 10-9-1889.

(Còn nữa)



★ « MUỐN GẦY BỐT, MẠI VÔI »

Đây, hai chuyện cho các bạn phục sát đất :

— Trên một bài đăng báo :

« Một món quà vô giá, vô cùng cần thiết, mà quý bà quý cô cần phải biết : Một cuốn sách rất dày đầy đủ hình ảnh, lược đồ v.v., sẽ gởi tận tay, kín đáo... với giá... » Các bà định ninh là sách nói về các phương pháp bí truyền để chữa bệnh mập, bệnh gầy v. v. nên gởi thơ về như bướm bướm... Và nhận được cuốn sách Dạy nấu ăn.



Một quảng cáo trên các báo lớn :

« Một phương pháp đơn giản, kết quả trăm phần trăm để rút mấy ký trong một thời gian kỷ lục ! ..

Và đây là phương pháp của khách hàng nhận được :

« Lắc đầu nhiều lần từ phải sang trái, và trái sang phải, mỗi lần đầu bẹp bung lên cho bà — hay ông, một món ăn » ! Ý của anh này không ngoài chuyện nhịn ăn là phải gầy đi.

độc hành



Nếu Ngài bắt ngã xuống
Tất con phải vâng lời
Giờ con còn sức vóc
Quyết tay lái tay bơi
Cần chi ai mời mọc
Một mình con ra khơi
Một mình con lướt sóng
Một mình con chơi voi
Dù xa xôi đơn độc
Con vẫn thấy vui tươi
Dù gặp cơn bão táp
Con vẫn mỉm miệng cười
Chỉ xin chút ánh sáng
Chỉ xin nước, mây, trời
Còn những ân-huệ khác
Xin Ngài ban cho đời

ĐÀO-THANH-KHIẾT (Philippines)
(Trong Tao-đàn Bạch-Nga)



SỰ TÍCH LY KỶ CỦA
MỘT VIÊN NGỌC
ĐÃ LÀM BAO NHIÊU
NGƯỜI CHẾT

VIÊN NGỌC QUÝ

★ Hoài-Minh-Chánh

VIÊN kim cương xanh (Le diamant bleu) có lẽ là viên ngọc độc nhất có một lịch sử kỳ lạ. Bao nhiêu dân nhân đã chết vì nó, và mực đã chảy suốt mấy thế kỷ. Ai ai cũng đã biết đến nó không phải vì đẹp, vì vô giá, mà vì nó là một ác thần. Ai chiêm được nó là phải chết hay ít nhất cũng phải tiêu tan sự nghiệp.

Theo nhiều người kể lại, chủ viên kim cương xanh trước tiên là Thành Cát Tư-Hãn. Không hiểu trong trường hợp nào, viên ngọc lại bị một người nhiều lưu tên Tavernier

trộm được Tavernier bán lại cho vua Louis 14. Nhà vua tặng cho người yêu. Bà Montespan. Sau đó qua tay nhà tài chánh trứ danh Fouquet. Vòng lẩn quẩn chưa hết: viên ngọc lại hoàn kho châu báu của triều đình Pháp và được vinh dự nằm trên chuỗi hạt quý giá nhất của Hoàng hậu Marie Antoine te, vợ vua Louis 16.

Năm 1792, kim cương xanh bị ăn trộm, lưu lạc sang Amsterdam. Một anh thợ kim hoàn phân ra làm ba viên, chẳng may lại bị đưa con đánh cắp và bán viên lớn cho một nhà giàu tên Baulieu. Baulieu lại bán qua cho một chủ kim hoàn người Do Thái.

Eliason. Từ Amsterdam viên ngọc lại chạy về Anh quốc. Người chủ mới, một đại biểu trong Nghị viện Anh, ông Hope mua được của Eliason và lấy tên ông đặt lại cho viên ngọc. Từ đây, viên ngọc kim cương xanh lấy tên là Hope.

Ông Hope qua đời. Viên Hope được lưu lại cho con là Francis. Francis tuy rất giàu sang, nhưng vốn ham tiền, đem bán lại cho một ông Hoàng Nga. Ông này đem tặng cho người yêu, một vũ nữ Rap Folies Bergères...

Hope lại tiếp tục đi, đi mãi và rơi vào tay Quốc vương Abd-El-Hamid II. Cuối cùng đến năm 1911, lại thuộc về ông Mac-Lean.

● SỜ ĐẾN LÀ CHẾT

Suốt mấy thế kỷ, viên kim cương xanh đã gieo cảnh chết chóc cho biết bao nhiêu người. Từ nhà vua đến các hoàng hậu cho đến các người tiêng tăm vang lừng một thuở, thậm chí đến những tên trộm cắp nắm đến nó là có chuyện bắt lành.

Sách không chép Quân Mông Cổ, chủ nó từ xưa có

bị liên lụy gì không.. Hay là tại nó mà Mông Cổ suy tàn—ta hãy xem « cuộc đời » tàn ác của nó từ khi bị Tavernier đánh cắp.

Tavernier là một tên giang hồ bôn bề. Chính anh đã trộm viên kim cương xanh gắn giữa trán tượng Rama-Sita, một thần linh tại đền Pagan. Có lẽ vì bị Thần trả thù mà về sau anh chết trong cảnh nghèo đói.

Tiếp theo đó là trang quốc sắc Monterpan... Nàng là « cực cung » của nhà vua đào hoa Louis 14, nhưng mới được nhà vua tặng cho viên ngọc hai ngày đã bị nhà vua phụ tình chạy theo « duyên » mới.

Còn ai giàu có, thế lực « oanh liệt » bằng Fouquet? Mua được viên ngọc chưa được mấy ngày ông đã bị họa đầu đưa đến: ông bị mất chức, bỏ tù về tội thâm lạm công quỹ... Ông nằm rục trong lao tù suốt 20 năm để rồi chết đau khổ nghèo nàn,

Thề rồi đến lượt hoàng hậu Marie-Antoinette... Cách mạng lên đã đưa bà lên đoạn đầu đài... Người bạn thân nhất của bà, Công chúa Lamballe, thỉnh thoảng được bà cho mượn chuỗi hạt trong

các lễ lạc lớn cũng vì chút ân huệ đó mà chết không toàn thây.

● **Chết cả một gia đình**

Vắng đi một đoạn, kim cương xanh lại tiếp tục « tàn phá. »

Anh thợ kim hoàn chết buồn vì thấy con mình là một đứa con bất hiếu, ăn cắp của cha. Nhưng anh Baulieu mua được cũng không tránh được oan trái. Sự nghiệp Baulieu tan nát. Anh đã tự vận đũa bỏ cuộc sống cơ cực trong một nếp nhà nghèo khổ...

Vợ anh Francis con ông Hope — giữ được viên ngọc trong mấy năm. Đời sống đang hạnh phúc giàu sang, bỗng Francis chết không kịp trời. Sự nghiệp tiêu tan trong nháy mắt. Chị buồn rầu chết theo chồng sau khi ngôi lâu đài vĩ đại bị thiêu ra tro.

Hope lưu lạc vào tay Hoàng tử Nga rồi được tặng cho cô vũ nữ... Nhưng phen này, «họa Hope» còn mãnh liệt hơn.

Hôm cô đào đeo chuỗi hạt lần đầu tiên lên sân khấu, người bạn lòng cô, Hoàng-tử Nga ngồi xem trên « lô » gần

sân khấu, hạ sát nàng bằng một phát súng lục. Qua sáng hôm sau tên sát nhân lại bị tóm trên một đại lộ ở Ba Lê và bị đâm chết.

Đền chuyện anh thợ bạc người Hi Lạp, người đã bán Hope cho quốc vương Hamid II. Anh trao tay cho chủ mới được mấy hôm thì bị chết trong một cuộc đi chơi núi.

Ông Hamid II tặng Hope cho cô Zobeida, người yêu tha thiết của ông nhưng rồi liền đó bị ông hạ sát bằng súng lục. Không khác trường hợp hoàng tử Nga... Quốc vương cũng không sống dài hơn. Cách mạng nổi dậy, ông đã chết ngay trong những ngày đầu.

● **những nạn nhân cuối cùng**

Đền phiên nhà tỷ phú Mỹ Mac-Lean « nhảy lên đài ».

Ông mua viên Hape thân tặng người vợ yêu quý... Chuỗi ngọc được đặt trên một chiếc gối nhung đen, để giữa phòng ngủ đôi « uyên ương già ».

Hope đã thôi phá hoại, đã hết làm máu chảy chưa? Vẫn chưa! Bà Lean chưa kịp ngắm

viên ngọc quý, chưa có dịp trông chuỗi ngọc vô giá vào cô dự một đêm dạ vũ nào bỗng mẹ bà phát binh, và chưa kịp chạy thuốc thang, đã lăn đùng ra chết. Tiếp đó, chồng bà không hiểu vì sao, bắt đầu gầy ốm, mòn mỏi lần, không còn sức lực hoạt động gì nữa. Năm 1919, tức 8 năm sau ngày viên ngọc về tay họ Mac-Lean, người con trai bà bị xe hơi cán chết tại Nữ-Uớc, oái oăm thay lại ngay trước mắt bà. Cũng liền đó, cô con gái bà suýt bị bắt cóc. May mà âm mưu bị vỡ lở ngay lúc bọn cướp sắp hành động. Cô này tên Evelyn, lớn lên xinh đẹp như hoa, bỗng nhiên tự tử bằng hai chục viên thuốc ngủ.

Cuối cùng Bà Mac Lean xin ly dị chồng... vì ông bị điên nặng... điên đến nỗi phải đem vào phòng kín.

Sự thật là đâu ?

Về viên kim cương xanh, suốt mấy thế kỷ «Mực đã chảy nhiều hơn máu», mặc dù trên mười mấy người đã chết vì nó.

Có nhiều mẩu chuyện kể

trên chưa hẳn là đúng lắm. Vậy sự thật như thế nào? Ta hẳn đi lại từ đầu.

Anh chàng Tavernier, triệu phú đã chết trong cảnh nghèo đói thật nhưng không phải là một tên phiêu lưu hồ hải như trên đã nói. Anh là một tay buôn kim hoàn khét tiếng, chuyên mua ngọc ngà châu báu ở Ấn-Độ về bán tại Âu-Châu và viên kim cương xanh anh đã bán cho vua Loui 14 với giá 220 ngàn livo.

Ngày ấy viên ngọc nặng 112 carat nạm vào giữa một khung chạm trổ tinh vi.

« Ái thiếp ». Montespan và Fouquet chưa từng nắm được viên ngọc này, nhưng nó là một bảo vật mà « vợ chồng » nhà vua Louis 16 yêu chuộng nhất.

Viên ngọc bị trộm năm 1792 đưa qua Anh chớ không phải Amsterdam. Tại đây, phân ra làm hai hay ba viên. Viên lớn nhất 44 ca ra rưỡi lọt vào tay một thợ kim hoàn và người này bán lại cho ông Hope. Chuyện ông Hoàng tử Nga là con « vịt cổ » hạng bự, còn quốc vương Hamid II không phải chết vì cách mạng mà

chỉ bị truất ngôi thôi, vào năm 1909.

Ông Mac-Lean chủ tờ báo Washington Post mua viên Hope năm 1911 tại Ba lê. Trong mấy năm trường bà Mac Lean đeo chuỗi ngọc không có gì bắt lành xảy ra cả. Nhưng năm 1912 bỗng có dư luận ông ta, hôm ấy có mang chuỗi ngọc trong người đã bị chêt trong tai nạn chiếc tàu xuyên Đại tây dương Titanic bị chìm, và viên Hope lê tạt nhiên nằm dưới đáy đại tây dương.

Năm 1947, báo chí loan tin Bà Evelyn Mac Lean qua đời. Không rõ đó là bà Lean hay cô con gái mà theo câu chuyện trên, đã tự tử bằng thuốc ngủ. Thật cả một bí mật!

Một năm sau, ông Harry Winston « Vua kim cương » mua được viên Hope. Trong 10 năm nhà tỷ phú này mỗi ngày không quên ngắm say

đám viên ngọc nhưng chưa từng có điều gì trắc trở.

Thình lình một hôm tự nhiên lòng ông sinh xao xuyến khác lạ. Chỉ suy nghĩ qua giây lát, ông quyết định ngay: Giã từ nó, đề khỏi vì nó mà mang họa.

Thê rồi qua ngày 8-11-1958 một bưu kiện nhỏ, mang bưu phí 2 đô la 44 và giá bảo đảm 151 đô la lên đường tới viện bảo tàng Smithsonian Institute trong đó chứa đựng viên kim cương xanh Hope.

Từ đó viên ngọc được trình bày cho dân chúng « chiêm ngưỡng » trong một tủ kiềng đặc biệt, lửa không cháy, đạn không thủng, dường như để ngăn đón những tia sáng giết người nó không còn tự do hoành hành, gieo tang cho mọi người nữa.

trở bước

BÙI - THẢO

(Tuy-Hòa)

Đời hư ảo mộng vàng son sụp đổ
 Tình xuân tan theo mây khói mịt mù
 Lòng bực bội hờn lên từng nhịp thở
 Ta trở về không đếm bước chân nhưng

Trả cho ta những ước-nguyên dang dở
 Bao nụ cười lời nói buổi đầu tiên
 Trả về đây những hẹn hò thương nhớ
 Mấy lần sang ta đứng đợi bên thềm

Hãy trả ta những khoảng đường xao xuyến
 Bao đêm mơ thao-thức suốt canh gà
 Trả về đây những bài thơ kỷ niệm
 Ta thử dài trao tặng trước sân hoa

Đời phi-nghĩa ta phá cười man rợ
 Tình yêu ơi! là ngục thất lao tù
 Ta từ giã vạn sắc hình tạm bợ
 Trở bước về tìm lại bến hoang-vu.

PHONG-PHÚ

Quảng **NEUROTONIC** *BỔ ỨC*
 Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-6

**gái ế
đặt chồng
vì bài thơ
của bà**

NHÀN KHANH

Tân - Hiến

« NGHĨA CỬ » CỦA MỘT NỮ SĨ
GIÚP CO THÔN NỮ XUÂN XANH
KHÔNG PHẢI LÂM VÀO CẢNH
« GÁI GIÀ » ĐẾN TRỌN ĐỜI

CÓ những cái ngộ nhận rất lạ kỳ ! Không hiểu xuất xứ từ đâu, căn cứ vào sách vở nào, mà nhiều người cho rằng Nhân Khanh là biệt hiệu của bà huyện Thanh Quan ! Không nói đến sự thơ bà Huyện Thanh Quan với thơ bà Nhân Khanh, giọng điệu khác nhau, chứng tỏ hai tác giả có tâm hồn riêng biệt. Chỉ biết :

Bà Nhân-Khanh là ai, cái tên Nhân Khanh, làng thơ văn biết đến, do đâu ? Thì « nói có sách, mách có chứng ». Dụng công kê cứu một chút sẽ rõ hết gốc nguồn. Thế mà người ta vẫn làm, người ta còn viết cái làm ấy ra thành sách nữa ! Đến quyển « *Nữ Lưu văn học sử* » người khảo biện là Lê Dự, cũng còn cho bà Nhân Khanh với bà huyện Thanh Quan

là một nữ sĩ ! Nếu thơ, văn bà Nhân Khanh có một giá trị lịch sử nào đó, thì việc « sửa sai » này không thể không làm, để chấm dứt cái « hoặc » cho những ai muốn sưu tầm tài liệu để viết một cuốn « Văn Học Sử » đứng đắn về Nữ giới Việt Nam.

Bà Nhân Khanh, chính danh Dương quý Nhã, là con gái quan Phó đô Ngự Sử họ Dương ở Vân Đình, có hai ông anh là Dương Khuê và Dương Lâm, cùng làm quan đến thượng thư triều Nguyễn. Bà kết duyên với ông Trịnh đình Kỳ, quê ở Định Công Hạ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, thi đỗ cử nhân, bổ tri huyện Bát Bạt. Bà sinh hạ được hai con trai là ông Cử Trịnh đình Rư, biệt hiệu Ngẫu Trì, đã từng viết những báo Phụ Nữ Tân Văn và Đông-Tây tuần báo, và nhà văn sĩ Trịnh thúc Hiến. Cái tên Nhân Khanh, bắt đầu lộ diện trên Nam Phong tạp chí từ số 6. Tất cả thơ của bà đăng trên báo Nam Phong đều rút ở cuốn Nhân Khanh Thi Tập. Trong bài tựa cuốn Tân Đà Vận Văn, ông Mãn Châu Nguyễn Mạnh Bằng đã nhân danh là cháu bà, đính chính điểm sai lầm kia, đồng thời nhắc đến cái giao tình giữa bà Nhân Khanh với bà Phủ Ba, thân mẫu nhà thơ núi Tân sông Đà.

Là danh gia tử đệ, lấy chồng sớm đỗ đạt, theo chồng làm tri phủ, phó nhậm Bát Bạt không được bao lâu, Nhân Khanh phu nhân đã bước vào cuộc đời gian nan. Số là quan huyện Bát Bạt có người thuộc hạ tên Đặng Trần Xuyên, làm chánh tổng ở Khê Thượng, Sơn Tây, theo ông Đề Thám khởi nghĩa chống chính phủ Bảo Hộ. Khi người anh hùng Yên-thế thất bại, họ Đặng trốn lên Bát Bạt. Cảm tình sự đệ, quan huyện Trịnh cho Đặng quân nấu trong tư thất mấy tuần, rồi lại giúp tiền lộ phí để người nghĩa sĩ cùng đồ chuồn sang Ai Lao. Phong thanh tẩu lộ, Trịnh « sứ quân » xuýt bị cầm, nhờ thế hai ông anh vợ Thượng Thư, nên chỉ bị giáng xuống giáo thụ, dời về Đa phúc. Hoạn lộ gian nan, rồi hình như cái câu : « Trời xanh ghen với má hồng » không phải chỉ riêng dành cho Thúy Kiều, đã mang lấy kiếp hồng quân, Nhân Khanh phu nhân cũng đa truân như những ai trong làng son phấn. Vì thế, nên thơ Nhân Khanh bài nào cũng đượm vẻ tiêu tao, chứng tỏ một tâm hồn đã hứng chịu nhiều nỗi thương đau :

1

Chót đã đa mang kiếp má hồng

Bụi trần muốn rửa sạch như
không
Còn toan diễm phần cho giấy
mặt

Lại bắt tô son để bện lòng !
Tài sắc không tranh sao khéo
bước

Ái ân đành già biết bao xong !
Mong sao non nước còn dài mãi
Hồng phần còn thi với hóa công!

II

Mượn bức tiên hoa gửi mấy
hàng
Muốn đem tình nhớ nỗi sầu
than!

Vân giang sa cách mây mù mặt
An Linh gần quanh đá ngồn
ngang,

Sáu khắc tơ tằm xoay rồi tít
Năm canh hồn bướm khắp mơ
màng!

Vì bằng chấp cánh cao bay được
Quyết phá toang gò mở lá gan!

Tuy giọng thơ tiêu sái, nhưng buồn một thứ buồn có khi phách, chứ không đến nỗi mắc phải một trong bốn thứ bệnh mà nhà phê bình thơ Trung Quốc, Tù viên Ngô Mai Thôn đã nói là rất kỳ trong thi ca : Thán, Nảo, Ti, Ta ! Theo lời Tù Viên, văn thơ hay mấy, nhưng « thán, nảo, u, ta », thì cũng chỉ đáng liệt vào loại « Vong quốc chi trước phạm ! »

Là kẻ thoa quần, nhưng có khi phách, lại giàu lòng vị tha, nên bà Nhân Khanh đã bằng lời thơ, làm được một việc thể nói là « nghĩa cử »

Cùng làng, có một thôn nữ xuân xanh quá 25 mà cao không tới, thấp không thông, có triển vọng trở nên một « gái già », trọn đời : Năm lạ, năm qua, dạ rồi bời, Phòng không may áo cưới cho người !

Vì cảm thông cái tâm sự của con người phòng không, xuân khứ nên Nhân Khanh nữ sĩ mới làm bài :

Gái ế tự than

Chém cha cái số long đong
Trời xanh ghen với má hồng
chưa thôi !

May xiêm sửa áo vì ai
Đưa người Bắc Lý, đón người
Nam Lân !

Biết bao lứa lứa, lặn lặn,
Biết tình tình có còn xuân chạng
tình

Biết bao ong bướm rập rình
Tô son, diễm phần, nỗi mình
mình đơ !

Hay là ngô phượng đợi chờ,
Hay là nguyệt lão xe tơ, kén
ngay !

Rắp toan tu quách phen này,
Mành treo lại sợ gió lay lợt
mành.

Rắp toan theo gái lâu xanh
Trăm anh lại sợ giá danh đề đời.
Đêm đông dăng đặc canh dài,
Tự tình tay thảo mấy lời phân
minh.

Mong sao đến thiên đình
Ông tơ se lại mối tình cho
nhau.

Bài thơ ấy in ra, có một ông Tú trong hàng huyện, xem thấy, lấy làm lạ : sao Nhân Khanh phu nhân lại có bài thơ này, tìm đến yết kiến, hỏi chuyện. Khi biết rõ khúc nôi, ông Tú tìm đến xem mặt cái « đối tượng » của bài Gái ế tự than. Cảm lời thơ, vừa ý người, nên ông Tú nhờ ngay bà Nhân Khanh làm mai, cưới người thiếu nữ. Năm năm, mỗi kỳ giỗ, Tết, vợ chồng ông Tú về thăm quê ngoại, không quên đến hàn huyên với người đã tác thành nên cuộc giai ngẫu bằng mấy câu thơ...

Thơ bà Nhân-Khanh :

Đồng Dạ Hoài Ngâm

Trăng khuya bóng dải cành mai
Nghĩ mình mình lại một hai nỗi
mình.

Đã sinh ra số phù sinh
Còn chen vào chốn loan đình
làm chi !

Thà ném trái hoắc lộ thanh đạm
Cái phong trần chi giám bẻ bai
Lần lần gió tới giăng mai
Mặc ai tử các, mặc người kim
lâu !

Song đã chát nhiều màu son
phần
Phải ôm đồm chút phận hồng
nhân.

Những là nắng giãi mưa chan
Thấy hoa nhường thẹn, trông
vàng nhường e !

Sao tạo hóa khắt khe chi mấy.
Kiếp phù du trông thấy mà
thương

Lối xưa, tu đã vụng đường,
Bây giờ gặp bước phong sương
mới vừa

Mai sau hết kiếp bao giờ.
Đâu rằng phú quý, cũng chừa
trần gian !

Vì không lên chơn Bồng-Sơn,
Thì xin mang xuống cứu tuyền
cho xong,

Chân mây, mặt đất, bóng hồng
Cây cao, bóng mát, tâm đồng
mặc ai ,

Tri âm những khách bồng lai,
Biểu đầu cái cuộc trần ai cho
mình

Ước gì vũ hóa, hàn sinh,
Quyết lên cho đến thiên đình
thử coi !

Vui chơi phong cảnh trên trời
Thử coi có khác cái mùi trần-
gian !

giận hờn



Anh già từ em nhè
Đường khuya không ánh trắng
Sương đêm rơi nhè nhè
Nghe bước chân âm thầm

Một mình bên phố vắng
Thương màu mắt đại khờ
Thương dư hương làn tóc
Những lần hẹn ngày xưa

Ngày xưa ai mặc áo
Màu hoa tím dịu hiền
Ngày xưa ai râu bảo :
— Rằng anh là của em !

Bây giờ em của ai
Anh là anh... vẫn thế
Rồi... lại những đêm dài
Anh bước đi lặng lẽ... .

Bây giờ anh vẫn thế
Nhưng lạc giữa dòng đời...
Nhớ lại lời ước thề
Bỗng đứng anh... mà thôi.

TRẦN THANH MỸ
(Đà - Nẵng)



TÔN TẤN

★ Thiệu-Sơn

TRONG bài nói về Bàng Quyên chúng tôi đã nói nhiều về Tôn Tấn. Bài này chỉ bổ túc cho bài trước và nói thêm về những đoạn chưa nói tới họ Tôn.

Ta đã biết Tôn Tấn xuống núi ở nước Ngụy và được Bàng Quyên đối xử như thế nào. Ta cần biết thêm khi Tôn Tấn qua Tề được vua Tề trọng dụng và nhân đó mà báo được mối thù thâm độc với Bàng Quyên ra sao.

Vua Tề hồi đó là Oai Vương. Oai Vương muốn phong quan tước cho Tôn Tấn thì chàng bèn từ chối mà tâu rằng : « Tôi chưa có công lao không dám lãnh quan tước. Nếu Bàng Quyên nghe tôi ở nước Tề, chắc sanh lòng đố kỵ. Chi bằng giấu kín sự đó, chờ

có việc dùng được, tôi sẽ ra sức hết lòng ».

Phần Bàng Quyên yên chí rằng Tôn Tấn đã chết, ở trên đời không còn người đối thủ nên chàng lại ra sức lập công để mưu cầu danh vọng. Ngụy Huệ Vương giao việc khôi phục nước Trung Sơn cho Bàng Quyên. Bàng Quyên tâu xin đem quân thẳng đánh Hàm Đan để báo thù Trung Sơn vì Trung Sơn xa nước Ngụy mà gần nước Triệu thì đánh chỗ xa sao bằng đánh chỗ gần. Huệ Vương nghe theo, Bàng Quyên đem 500 cỗ xe đánh nước Triệu, vây đất Hàm Đan. Quan trấn thủ Hàm Đan dâng biểu xin binh cứu viện. Vua Triệu bèn cầu cứu nước Tề. Tề Oai Vương biết tài, Tôn Tấn

muốn phong làm Đại Tướng đi cứu Hàm Đan. Tôn Tấn cầu xin nhường chức Đại Tướng cho Điền Kỵ và chỉ xin làm quân sư, thường ở trong xe bày mưu, định kế chớ không lộ diện cho ai biết. Điền Kỵ đem binh cứu Hàm Đan, Tôn Tấn can không cho nói: «*Tướng Triệu không cự nổi Bàng Quyên, tới lúc quân ta tới Hàm thì thành đã bị hạ rồi. Chỉ bằng trú binh ở giữa đường phao tiếng nói muốn đánh Trương-Lãng chắc Bàng-Quyên phải lui quân về, quân ta ra đó đánh thế nào cũng hơn.*» Quả nhiên Hàm-Đan thất-thủ, tướng giữ thành phải ra hàng. Bàng-Quyên vừa cho người về báo-tiếp thì nghe nói quân Tề sắp đánh tới Trương-Lãng. Mất Trương-Lãng, thì An-Ấp bị nao động, Bàng-Quyên lật-đật về giữ Trương-Lãng nhưng mới tới Quế-Lãng đã gặp quân Tề kéo tới. Bàng-Quyên thấy quân Tề bày thành trận thế. Chàng bèn đi xem bốn phía thấy rõ ràng là thế trận «*Điên-đảo bát môn*». Chàng sanh nghi, nghĩ thầm: «*Thế trận này Điền-Kỵ làm sao bày được, chắc là Tôn-Tấn có mặt ở Tề.*» Điền Kỵ xông ra nói: «*Nước Triệu hiến đất Trung-Sơn cho vua ta, vua ta khiến đem quân tới cứu.*

Như nước Ngụy cắt đứt một vài quận giao về tay ta thì ta sẽ lui quân trở về liền.» Bàng Quyên cả giận nói: «*Mày có tài cán gì mà dám đối-địch cùng ta. Mày biết một hai phép lập trận, tưởng đã hay rồi. Nhưng trận này là trận «*Điên đảo bát môn*», ta trước đã có học với Quỷ Cốc Tử. Ở nước ta con nít ba tuổi còn biết hướng chỉ ta?» Điền Kỵ nói: «*Biết mà có dám phá chăng?*» Bàng Quyên nghe nói trong lòng hoảng sợ, nhưng còn giả bộ làm oai, nói lớn rằng: «*Đã biết thì làm sao mà không phá được?*» Rồi Bàng Quyên trở về nói với Bàng Anh, Bàng Long Bàng Mao: «*Phép trận này trước kia Tôn Tấn có dạy lại cho ta, nhưng phép đánh phá được thiệt khó. Thế trận liên biến ra Trường xà, đánh đầu thì đuôi tiếp. Bây giờ ta đi đánh trận này, anh em hãy nên chia quân làm ba đạo xem lúc nào biến trận thì tất cả bộ đội đều tiếp tới, khiến quân nó đầu đuôi không tiếp với nhau được, như vậy mới phá được trận này.*»*

Nói rồi tự đem 5.000 binh tiên phong xông vào phá trận, mới vừa đi vào giữa trận thì thấy sắc cờ tám phương, thay phương này đổi phương kia, kẻ cầm giáo, người cầm thương, đâm phía Đông, đánh phía Tây, không biết đường nào đi tới và không biết lối nào rút lui

Lại nghe chiêng trống đánh như ọc, vang tai, có cờ hiệu xuất hiện với 3 chữ «*Quân sư Tôn*» Bàng Quyên hoảng sợ, biết có Tôn-Tấn trong quân lại càng thêm hoang mang bối rối. May nhờ Bàng Anh, Bàng Long đem hai đội quân tới cứu được Bàng Quyên đi ra. Nhưng Bàng Mao lại bị Điền-Anh giết chết. Năm ngàn quân liên phong bị chết không còn một người, ngoài ra còn hao thêm 2 vạn quân. Bàng Quyên liệu thế đánh không lại, nửa đêm cùng với Bàng Anh Bàng Long bỏ trốn về nước. Điền Kỵ và Tôn Tấn liền ban sư về Tề, dâng công thắng thưởng.

Bàng Quyên tuy bị thua nhưng Vua Ngụy nhớ công trước có đánh được Hàm Đan nên không bắt tội.



Bàng Quyên cho đem vàng qua hối lộ tướng quốc Sô Kỵ ở nước Tề làm kế ly gián khiến vua Tề không dùng Điền Kỵ và Tôn Tấn. Được tin gian kế thành công Bàng Quyên trong lòng mừng rỡ và tự nói với mình rằng:

«*Cơ hội này mới được hoành hành thiên hạ*». Bàng Quyên xin ra binh đánh Hàn vì nghe tin nước này sẽ liên minh quân sự với Triệu để tấn công nước

Ngụy. Vua Ngụy đồng ý là nên ra tay trước, liền cử Thái Tử Thân và Bàng Quyên cử binh đánh Hàn.

Trước đó không lâu Tề Oai Vương thắng hà, Tề Tuyên Vương thay thế biết Điền Kỵ và Tôn Tấn bị hàm oan liền cho hai người phục chức.

Tuyên-Vương hỏi đình thần về việc Ngụy quân đánh Hàn quốc có nên đem quân đi cứu Hàn hay không. Kẻ nói không nên, người nói nên. Riêng Tôn Tấn làm thỉnh không nói. Vua hỏi: «*Vì sao mà quân sư không nói?*» Tôn Tấn thưa: «*Nước Ngụy tự thị sức mạnh, năm kia đã đánh nước Triệu, năm nay lại đánh nước Hàn thì nước Tề ta nó cũng găm ghé muốn đánh không thế gì bỏ quên. Như ta không qua cứu ấy là bỏ nước Hàn mà thêm sức mạnh nước Ngụy; cho nên người nói không nên cứu là trái rồi. Còn nước Ngụy mới đánh nước Hàn, quân Hàn chưa thua mà ta đã cứu, ấy là ta thay nước Hàn chịu việc đánh dẹp khốn-khở, nước Hàn được yên mà ta bị nguy, cho nên người nói phải đem binh qua cứu cũng là trái.*» Vua hỏi: «*Như vậy thì phải tính thế nào?*» Tôn Tấn cầu: «*Hiện kẻ bày giờ chúa công nên hứa*

với Hàn-hầu, thế nào cũng đem quân qua cứu để họ được yên tâm mà kháng chiến với Ngụy. Ta chờ cho quân Ngụy mệt sẽ đem quân qua đánh Ngụy để giúp cho nước Hàn. Ấy là dùng sức ít thành hiệu nhiều chẳng hơn hai kế trước hay sao?»

Vua Tề khen kế hay và chấp thuận liền.

Khi nghe báo cáo quân Hàn đại bại lúc đó vua Tề mới phong Điền Kỳ làm Đại Tướng, Điền Anh làm Phó Tướng, Tôn Tấn làm quân sư đem 500 đội quân cứu Hàn. Theo đề nghị của Tôn Tấn thì đại binh liền kéo thẳng qua Ngụy để làm cho Bàng Quyên lật đật bỏ Hàn kéo quân về giữ nước.

Bàng Quyên kéo quân về tới địa phận Ngụy liền theo dõi những địa điểm đóng quân của Tề, cho đếm số táo quân thấy lên tới 10 vạn thì thất kinh mà nói: « Quân Tề đông như thế này quân ta không dễ đánh được ». Nhưng qua quân trại sau thấy số táo quân chỉ còn có 5 vạn. Cách một ngày sau lại chỉ còn có 3 vạn. Bàng Quyên mừng nói: « Có 3 ngày mà quân lính đã trốn đi hết hơn phân nửa. Như thế này quân Tề làm sao dám chống cự với ta? » Bàng Quyên mừng

nhưng đã trúng kế Tôn Tấn. Chính họ Tôn đã ra lệnh giảm số lò nấu ăn ở những trại kế tiếp cho địch mắc lừa mà mang lụy.

Bàng Quyên liền truyền lệnh chia quân làm hai cánh. Bàng Quyên và Thái Tử Thân đem một đội đi trước. Còn một đội đi sau tiếp ứng do Bàng Long chỉ huy.

Tôn Tấn sai người thám thính đã biết rõ được tin tức Bàng Quyên ngồi tính đường đất và nói: « Chiều nay binh Ngụy tới Mã Lăng ». Con đường này có hai bên, ở giữa đường có khe hiềm trở hai bên cây cối sẫm uất Tôn Tấn đem binh tới ở đó, đốt cây bỏ ngang dọc chặt đường, chỉ để lại một cây thiết lớn rồi lột da, dùng than viết sáu chữ: « Bàng Quyên tử thủ hạ » Nghĩa là: « Bàng Quyên sẽ chết ở dưới cây này ». Còn 4 chữ viết ngang là « Quân sự Tôn thị » nghĩa là « quân sự Tôn nói cho mà biết ».

Tôn Tấn cho 5000 thiện xạ phục ở hai bên tả, hữu, hễ thấy ở dưới cây đại thọ có ngọn lửa sáng thì nhắm vào đó mà bắn. Lại khiến Điền Anh đem một vạn quân mai phục tại Mã Lăng xa ước 3 dặm, chờ khi quân Ngụy đi qua thì ào ra mà giết. Tôn Tấn và Điền Kỳ đem quân đồn trú ở xa xa để chờ tiếp viện.

Đúng như điều Tôn Tấn đã tiên đoán Bàng Quyên tới Mã Lăng thì mặt trời đã lặn, đêm tối không trăng. Đạo tiền quân trở về báo cáo có cây chặt bỏ ngang đường. Bàng Quyên cho rằng quân Tề chặt cây để chặn đường quân Ngụy truy kích. Chàng vừa muốn ra lệnh đem cây để đi thì nhìn thấy trên cây đại thọ có một chỗ da cạo trắng mường tượng như có sự tích. Chàng khiến quân đem lửa tới soi. Nhưng vừa đọc xong mấy hàng chữ của Tôn Tấn thì quân phục hai bên đã nhắm vào chỗ có ánh sáng mà bắn vãi như mưa, Bàng Quyên bị trọng thương liệu thế chạy không khỏi liền rút gươm cắt họng mà chết. Bàng Anh cũng bị bắn bỏ mạng. Quý Cốc tiên sinh đã nói trước: « Ngộ mã nhi tụy » Bây giờ quả nhiên Bàng Quyên đã chết ở Mã Lăng.

Sau trận thắng lớn này Điền Kỳ được phong làm vương quốc thế cho Sô Kỳ. Điền Anh thế Điền Kỳ làm Đại Tướng. Tề vương vẫn cho Tôn Tấn giữ chức quân sư và gia phong đại ấp. Nhưng Tôn Tấn chối từ mà nói: « Tôi là người phỉ nhân, may nhờ gặp thời đắc

dụng đền ơn, trả oán, lòng tôi đã thỏa rồi, ở lại cũng vô dụng. Tôi có 13 thiên binh thơ của ông nội tôi để lại, xin dâng cho chúa công » Nói xong già từ lui về ở núi Thạch Lư, cách hơn một năm không biết đi đâu biệt tích.

★

Khi dụng độ mới thấy rõ Bàng Quyên không phải là địch thủ của Tôn Tấn. Ngay từ khi đưa kế cứu Hàn, Tôn Tấn đã tỏ ra cao kiến hơn người. Cứu thì cứu nhưng chờ cho Hàn sắp thua mới cứu, và khi đó thì Ngụy cũng mệt mỏi rồi. Huống chi lại còn bắt Bàng Quyên độ binh mệt mỏi về để đối địch với quân Tề thì đối địch sao lại? Hơn nữa Tôn Tấn đã rõ Bàng Quyên háo thắng và nóng nổi làm kế giảm táo quân cho đối phương tưởng rằng quân Tề không tinh thần chiến đấu đã đào ngũ rất nhiều.

Do đó mà Bàng Quyên càng thêm khinh địch để đến nỗi phải bỏ xác ở Mã Lăng.

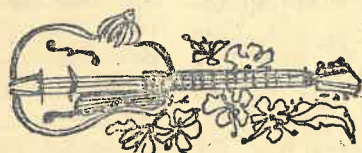
Tôn Tấn tính-toán không sai chạy một nước cờ để hãm địch

Chàng **NEUROTONIC** BỔ ỨC
 Tăng cường trí nhớ
 575 ĐƯỜNG 20-11-65

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

vào vòng thất-bại. Ông đã trả được mối thù không đội trời chung. Hơn nữa ông đã học được bí truyền của ông nội và đã đem sở-học ra phục-vụ cho xứ-sở của ông là nước Tề. Nếu Bàng-Quyên không có dã-tâm ám-hại ông thì chắc chắn là ông sẽ giúp cho nước Ngụy và tất cả có thể Ngụy sẽ dùng ông để làm hại nước Tề. Dầu có như

vậy nữa thì ông cũng chỉ làm như hầu hết người ta đã làm ở thời chiến quốc. Té ra chính Bàng-Quyên đã giúp cho Tôn-Tấn trở về phục vụ quê-hương. Và chính nhờ những bài học đau khổ mà ông mới vượt hơn được thế-tục thường-tình là không tranh-danh đoạt-lợi và đã lựa được một cứu cánh êm-đẹp cho đời ông.



✱ HẠNH PHÚC

Trên cõi trần tranh đấu chỉ từ đề tìm lấy miếng ăn này, làm sao sống được mà không phải làm ? — Đó là câu hỏi của một hạng người không ít trong xã hội ngày nay.

Cụ thể ra, đây là nguyện vọng của họ :

« Tôi muốn được một phòng ngủ ấm cúng, êm thắm, một bàn ăn đầy đủ, áo quần ấm tiết đông thiên, mềm mại, nhẹ nhàng ngày hạ. Được nghỉ ngơi, nhiều tiền, hưởng mọi sung sướng khác, nhưng là của kẻ khác tặng cho, chứ không phải làm ra để có, thì tôi không thèm »

Nhưng, làm sao sống mà không làm ?

Xin các bạn đừng lo ! Thiên hạ không thiếu gì kẻ khôn lanh hơn bạn, điều ngoa xảo trá; bịp bợm đến nỗi chuyện của họ đã được đưa vào lịch sử.

PHONG-PHÚ

Đúng **NEUROTONIC** *BỔ ỨC*
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

hồi hương

Ai say phong-nhã trong hoan-lạc,
Ai dựng sang giàu trên máu xương.
Ai gây chinh-chiến gieo tang-tóc
Bán rẻ linh-hồn cho quỷ vương !

Nghe chằng vi-khuẩn mòn thân xác
Uồng-tử chập-chờn lộng bóng sương
Núi sông trắng xóa màu tang chế
Sưởi lệ chan-hòa khắp đại-dương

Về đem hoan-lạc vui trong mộ
Chờ mộng sang giàu đờ bến Thương
Máu xương đúc-kết đời Nghiêu-Thuấn
Cứu-rỗi linh-hồn nghiệp khỏi vương

Quốc-gia thống nhất vui đoàn-tụ
Thế-giới thanh bình dứt nhiễu-nương
Về đây kết vạ niềm thương
Chung xây lối Hạnh, dựng đường Phúc lai.

BÌNH-ĐẠT-SƠN

(K.B.C. 4493)



TRUYỆN NGẮN

★ Mai Thảo

MÀN ảnh chuyên cảnh và bây giờ là một cảnh phi trường tấp dẫm trong sương mù trắng xóa. Đã mênh mông nửa đêm, đã tà tà về sáng. Thành phố, nơi những ngày thần tiên của một cuộc tình tuyệt vọng đã chấm dứt, ngủ thiếp giữa vùng chát ngắt tối om của những khu nhà chọc trời. Mưa dào dạt ở đó, trên những hè đường ướt loáng, khi chiếc xe taxi lìa khỏi một cửa khách sạn, lao như tên bắn về một hướng phi trường ở ngoại ô. Và bây giờ thì là những phút giây hiếm quý vô ngần còn có nhau. Mắt nhìn tận mắt, tay nắm trong tay, hai hình bóng của khổ đau một đời đứng đó, giữa mờ ảo và lung linh sương mù vây kín. Còn có nhau, nhưng cách biệt thăm thẳm cũng đã ở đó, đứng giữa họ, làm kẻ thứ ba thường được những người viết tiểu thuyết gọi chung là định mệnh khốc liệt biến những tình yêu thành những đoạn trường.

Ổng camera kéo dần lại, thật lớn, một cận ảnh rung rung và bất động. Nhìn nhau cũng đủ lãng quên đời. Và bây giờ thì họ đang nhìn nhau, mê đắm, ngây ngây, cái nhìn thu hết một đời, xong hết một kiếp. Như thế, rồi ổng camera tinh quái và tàn nhẫn lách

KHÔNG NÓI

đi, cho thấy, thật xa, trong cuống đáy sương mù, cái thân dài vút của một chiếc máy bay xuyên đại dương đã nở máy, đã sẵn sàng bay lên. Chuyến đi chỉ còn đợi có một mình nàng. Nàng là người lữ hành cô độc cuối cùng. Bởi chàng đứng đó, nhưng chàng ở lại, định mệnh muốn vậy. Vĩnh biệt. Vĩnh biệt người ngàn đời yêu dấu.

Nàng, thì thầm, gục đầu, như chết :

— Tới giờ rồi, hãy đi cho em đi.

Chàng sót sa ngắm nhìn khuôn mặt đắm lệ của người tình, và chàng nói, nghẹn ngào hơi thở :

— Ở lại với anh, dù chỉ thêm một phút.

— Thêm một phút cũng chẳng làm gì. Thêm một phút rồi cũng chia tay. Em muốn sống bên anh cho đến trọn đời. Nhưng hai chúng ta đều biết là không bao giờ như thế được. Tốt hơn, anh hãy đi cho em đi.

Chàng vụt đứng thẳng người thành một quyết định bất thần, liều lĩnh :

— Em không lên đường một mình. Anh cùng đi với em.

Đêm như muốn nghiêng hồng thành bình minh, sương mù như muốn thổi sương thành nắng vì câu nói như một mũi tên vàng bắn vào định mệnh. Nhưng ý muốn không bao giờ là sự thực. Và hạnh phúc chỉ là ảo tưởng.

Nàng thì thầm và nàng lắc đầu :

— Nếu anh đi với em, anh đã làm cho em điều em đợi chờ và sung sướng nhất. Nhưng nếu anh thành thực yêu em, anh đừng đi theo.

Mưa bắt chợt từ thành phố xa, cái thành phố của những nhà chọc trời, cái thành phố của những ngày thần tiên đã hết, ào ào kéo tới. Đất trời nức nở khóc. Người đàn ông đứng im thành pho tượng lạnh lướt thướt trong mưa, nhìn theo người yêu chạy vào vĩnh biệt.

Một điệu nhạc trầm trầm nổi dậy. Nhạc của tiền đưa, của lên đường, của thôi anh đã chân mây, em đã cuối trời, nhạc của trái tim tan tành vỡ từ đó, thân thể thăm sâu đau từ đây. Rồi, khung vải trắng toát hiện lên cùng trần trường ánh sáng. Hết.

Không nhìn, không dám nhìn, và Kim cũng không hiểu tại sao lại như thế, nhưng Kim cũng biết là ở sẽ sẽ trước mắt, cách nàng ba bốn hàng ghế, người đàn ông đã đứng lên, và đang đi ra. Chàng bước từng bước nhanh và dài, đầu hơi cúi xuống, nét mặt trầm lặng khép kín trong một cố gắng không tỏ lộ, và chàng không nhìn, chàng cũng không nhìn nàng. Nhưng nàng lại biết, thật rõ rệt, là bằng ý nghĩ, chàng và nàng đang nhìn nhau, chỉ đang nhìn thấy nhau.

Căn phòng chiếu bóng trắng xanh dưới những đèn đèn nê-ông vừa đồng loạt cháy sáng. Tấm màn nhung màu huyết dụ đã lật sạt kéo qua màn ảnh thành một bao phủ kín trùm. Lác đác người xem đã trước sau ra hết. Chàng cũng đã ra rồi với đám người đó, mà Kim còn ngồi như chết sững trên mặt ghế. Bộ phim đã hết, đèn đã bật lên, người đã ra về, nhưng nàng không đứng lên được. Nàng không thể nào đứng lên được. Cử động tê liệt, thân thể hững hờ và trút thoát, ý chí ngưng đọng, nàng ngồi đó, chết sững.

Một bàn tay lay mạnh vai Kim. Nàng bàng hoàng chợt tỉnh, sờ cảm thấy da thịt giá băng gai lên từ một hơi lạnh buốt như đang làm cho trái tim nàng ngừng đập.

— Ô hay, đứng lên đi về chứ!

Đó là tiếng nói của người chồng. Tiếng nói của người chồng bao giờ cũng làm tỉnh, cũng giết chết những giấc mơ của người vợ. Tiếng nói của người chồng. Và nàng không còn là gì. Tiếng nói của người chồng. Và nàng chỉ còn là một người vợ. Kim đứng lên. Kim đứng lên được rồi. Nhưng sự bàng hoàng ở trong nàng thì như một trận bão, hãy còn, chưa dứt. Nàng sửa lại tóc. Một bàn tay sửa lại tóc, chỉ là để cho bàn tay kia có thể vịn tựa vào thành ghế.

Tiếng nói của người chồng, thoáng một bực tức khó chịu:

— Lăn chần mãi! Đi ra.

Kim nghĩ nàng đã trấn tĩnh lại được phần nào. Nàng đi ra.

Ánh sáng tập trung trên lối đi chiếu thẳng vào khuôn mặt nàng.

Tiếng của người chồng, không giấu được ngạc nhiên:

— Lạ nhỉ, thế mà cũng khóc được đấy à.

Kim lạnh người, lúng túng mở sắc lấy khăn tay chấm vội lên hai khóe mắt. Nàng khóc thật. Nàng chảy nước mắt lúc nào không hay. Nhưng người chồng chỉ đoán được là người vợ nhiều tình cảm đã xúc động vì đoạn kết của bộ phim bi thảm, mà không bao giờ có thể nghĩ được giọt lệ kia đã lăn ra từ một kỷ niệm quá khứ, kỷ niệm đó vừa sống dậy, buốt nhói như một vết thương, bởi sự chạm mặt đột ngột với người một thuở nào. Kim gượng cười, nương theo câu nói của người chồng mà nói dối:

— Buồn quá chừng, không khóc sao được.

Cũng không hẳn nàng đã nói dối. Hình ảnh một phi trường mù sương lại hiện ra. Mưa dào dạt kéo tới từ thành phố của những ngày thiên đường đã lỡ, đã đóng kín. Hạnh phúc ngắn. Như cơn mộng nửa chừng. Như mong manh và chập chờn ảo tưởng. Thôi đã đào sâu. Thôi đã chôn chặt. Nhưng thôi cũng đã sống lại, đã hiện về. Kỷ niệm như những đợt sóng âm thầm vỗ đập dịu dàng vào những bãi bờ tình cảm bao nhiêu tháng năm rồi hoang vu, thành một vỗ về êm ái, một thở than ngậm ngùi. Bao nhiêu năm, Kim sống mơ hồ với sự ngậm ngùi đó. Những ngày trái nắng giờ giờ của tình cảm, ở một tầng đáy kín thẳm nào đó nổi đau lại từ thẳm thẳm linh hồn và mặt mừng tiềm thức ngoi lên.

Khí từ chiếc xe hơi lộng lẫy bước ra, cái nhìn đầu tiên của Kim là sự bất gặp choáng váng và tình cờ đó. Chàng đứng quay lưng lại, trên thềm rạp chiếu bóng, đầu hơi cúi, như đang nhìn cái bóng mình trên nền đá hoa. Kim nhận ra chàng ngay. Không thề lằm, không thề lẫn, dấu lần gặp trước đã mặt mừng dĩ vãng, dấu cuộc đời đã bao nhiêu lần nước chảy qua cầu, giữa hai lần thoáng gặp lại nhau. Dáng đứng của chàng đã in vào ký ức Kim. Cái dáng đứng đặc biệt, bất động, âm thầm, khổ đau không nói, buồn thẳm không than, tự lưu đầy trong nín thính, trong kiêu hãnh không bao giờ thềm tỏ lộ.

Rồi đột nhiên chàng ngừng đầu lên, và chàng nhìn thấy nàng. Tại sao được cái khoảnh khắc kỳ diệu nhìn nhau ấy. Ánh mắt thoát đầm lại, rung rung không cùng. Tròng mắt thoát lung linh, nghẹn ngào không thôi. Chàng nhìn Kim, yên lặng. Kim nhìn chàng và Kim muốn chảy nước mắt. Chung quanh mờ đi. Những khung ảnh đóng trên những mặt thảm xanh, đám đông nổi đuôi trước buồng bán vé, tiếng âm nhạc, tiếng cười nói ồn ào thoát như

một ngọn triều đang ào ạt dâng lên chợt rút đi, thật xa, chỉ còn chàng và Kim đứng đó, trên một vùng mênh mông bao la không bến bờ, và nhìn nhau.

Như thế bao lâu? Một phút, một giây? Không biết. Một kiếp một đời? Nào hay. Chỉ biết Kim đang sống cái cảm giác lạ lùng và hồi hộp nhất của đời nàng, như lần nào cũng vậy, khi cái nhìn bắt gặp, là có ngay cái cảm giác lạ lùng và hồi hộp nhất của đời nàng.

Kim giật mình, nhắm mắt lại. Khoảng cách giữa Kim và chàng đã bị lấp vướng rồi. Người chồng lấy vé xong, đã trở lại. Kim không dám nhìn chàng thêm nữa. Người chồng đứng trước mặt nàng như cuộc đời tàn nhẫn đã đứng giữa hai tâm hồn từ bao nhiêu năm nay.

Căn buồng ngủ mờ mờ, tấm mùng buông xuống, màu trắng nổi hình trong bóng tối và người chồng đã ngủ say. Kim đứng đó, tựa lưng vào thành cửa, nhìn xuống đường. Mặt nhựa im lìm, dài dàu. Bóng lá, bóng cành thấp thoáng.

Mười mấy năm trước đây, bao nhiêu năm nhớ sao được nữa, đã thăm thẳm thiếu thời, đã chôn vùi quá khứ, nhưng Kim vẫn nhớ đêm nào chàng cũng đứng đó, dưới cái gốc cây kia mà nhìn lên khung cửa sổ này. Bóng lá lẫn với bóng chàng. Bóng tối đánh nhòa khuôn mặt chàng, Nhưng hồi đó, những đêm đó, Kim đoán được cái nhìn của chàng. Mê đắm, dữ dội. Âm thầm, nồng nàn. Chợt ra cửa, chợt nhìn xuống là Kim đã thấy, chàng đến lúc nào Kim không biết, chàng thì gan với đêm dài, chàng lặng lẽ bỏ đi lúc nào Kim cũng không hay, Chàng là người tình nhân bí mật, chàng là đêm tối hiện hình, chàng đứng dưới đường nhìn lên, bắt động trong niềm đam mê nung nấu và cuồng nhiệt. Cho tới khi Kim sợ, Kim rợn người lên, như chàng không phải là người, chàng là bóng hình, chàng là ma quỷ.

Rồi Kim lấy chồng.

Về sau, thật lâu, thật bất ngờ, Kim lại gặp chàng một lần. Ở một đầu đường. Trước cửa một rạp chiếu bóng như đêm nay. Nhưng không bao giờ chàng còn đến đứng dưới gốc cây kia mà nhìn lên cho tới khi sao trời rụng dần, cho tới khi sương ướt mái đầu chàng.

Và từ đó, đêm tối, những giờ thao thức không ngủ, những phút hồi tưởng dĩ vãng, và nhớ thương thiếu thời, chàng và sự nín thinh không nói của chàng trở thành giấc mộng nào nung không bao giờ lịm lại được của người đàn bà lấy chồng và đã chết.

nàng vệ nữ em vua

(tiếp theo và hết)

★ Tín Khanh

Vào một buổi sáng năm 1806, ông quận trưởng Leclerc, quận Meuse đang ngồi im suy nghĩ. Ông vừa được một cái tin động trời, làm ông vô cùng rờ rời.

Bì Hoàng Borghèse, em vua NãpháLuân, chiều nay về vùng Meuse và nhờ ông chuẩn bị cho nàng tắm bằng sữa với máy có búp sen! Phải sẵn sàng, vì vừa xuống xe, nàng sẽ tắm ngay. Làm sao tìm ra búp sen ở xứ quê mùa này? Còn đi mua ở đâu đem về làm sao cho kịp? Còn sữa, làm gì có? Tuy nhiên công chúa ra lệnh, ai dám trái ý? Ông Leclerc cô xoay xở. Ông ra lệnh các xã mỗi xã phải nộp gấp một sò; ngoài ra, phải

tất cả binh sĩ trong quận phải mà sao đem về mỗi người một bình sữa, dù sữa đã lên kem.

Đầu vào đó xong xuôi ông quận trưởng ngồi chờ quý khách, tự cho là vinh dự được tiếp một đệ nhất phu nhân sắc nước hương trời, sức quyền rũ đèn nghiêng thành đồ nước... Bỗng có tiếng ngựa phi. Một tên lính vào báo « lệnh bà » đã đến. Pauline sửa soạn xuống xe, một toán người khiêng hồ tắm xuống đem thẳng vào nhà.

Leclerc chạy ra. Pauline đưa đầu ra ngoài cửa nói:

— Anh cứ bồng tôi như mọi lần, đưa thẳng vào phòng tôi đi!

Leclerc, bẻ cả đầu — đành tuân lệnh trước mặt không biết bao nhiêu người. Ông

bông nàng đặt vào giường một căn phòng lịch sự nhất quận đường.

Pauline hỏi :

— Sửa có chưa ?

— Dạ, sẵn cả rồi.

— Còn búp sen ?

— Khó quá, không làm sao tìm ra cho kịp.

— Thì đục trần nhà đi, ngay chỗ đặt hồ tắm. Cứ đục hồ ngay ở đây đi... rồi đổ sữa trên trần cho chảy xuống. Lẹ đi. Lẹ đi !

Leclerc còn đang ngần ngại trước sáng kiến quá ư kỳ lạ, thì Pauline đã quát,

— Xin lỗi cái ngạc nhiên của anh đi nhé ! tắm là cần lắm, cho sức khoẻ tôi mà !

Leclerc lại tiu nghiu vâng lời. Pauline đã thỏa mãn, nhưng sửa trần cả trần nhà, chày cùn vào mọi chỗ, làm quận đường hôi tanh đến cả hàng tuần không hết.

áp chân

Về đến Plombières, tỉnh cô Pauline gặp một chàng thanh niên độ 30 tuổi, đang nằm dưỡng sức ở đây : Bá tước Forbin người miền nam nước Pháp, họa sĩ, thi sĩ, tiểu thuyết

gia, lại kiêm cả kiền trúc sư. Forbin ra dáng hào hoa phong nhã, mình cao, mắt đẹp và sắc sảo, bộ điệu có duyên, tóm lại con người lý tưởng của giới nữ lưu và tất nhiên của Pauline nữa. Nàng đã gặp anh ta chuyện trước đây ở La-mã và đã có lòng thêm muốn.

Pauline không như gái tầm thường khác, thụ động đợi trai chạy theo mình, vừa gặp lại Forbin « dễ mê dễ yêu » nàng tỏ tình ngay, và bắt đầu yêu chàng mê mết — một mối tình mà mình chưa hề công hiến cho ai... Forbin như từ trên trời rớt xuống, cũng yêu nàng không kém.

Suốt ngày, Pauline chỉ quần sơ qua mình tấm khăn để lộ gần hết những đường cong tuyệt mỹ. Chung quanh là bọn nữ tỳ xúm ba xúm bảy, trò chuyện đùa cợt nhau.

Bỗng cánh cửa mở, một người đàn ông da đen lẳng như mun vạm vỡ khác thường, bện bộ đồ đỏ bước vào.

Tên này chuyên việc tắm rửa cho Pauline. Cứ mỗi ngày đến giờ đã định là hắn bước vào.

Nàng không chút ngưng ngừng, đứng dậy, để rơi tấm khăn quàng. Mọi người đều nhìn nhưng không ai lấy làm lạ...

Tên da đen bông nhẹ nàng lên, đem vào buồng tắm.

Nửa giờ sau Pauline mới bước ra thì một tên trai khác bước vào đưa tới một chậu thau đựng đủ thứ nước hoa và một bình thủy tinh đựng một thứ nước đỏ. Đây là tên hầu cận chuyên về sửa móng tay, chân. Hắn quì xuống và cung kính xoa bóp hai bàn chân chủ — mà thiên hạ đã gọi là đôi chân đẹp nhất Ba-Lê.

Thỉnh thoảng, có hôm Pauline than « lạnh chân », với bà Chambaudoin. một trong ba nữ tùy tùng gần nhất của nàng.

Đây là một lệnh khá lạ kỳ, chỉ riêng bà này biết và thi hành. Bà liền cởi áo ngoài, tất nhiên là cũng trước mặt mọi người, để lộ bộ nhũ hoa lớn như hai trái bưởi lớn rồi nằm đối diện với Pauline, kẹp hai bàn chân nàng trong « hai trái bưởi » mềm mại ấm áp cho đến khi nàng « hết lạnh chân ». Lời áp chân này, Pauline đã đưa từ xứ da đen về, ngày nàng còn là bà thông dốt, với hàng trăm nữ tỳ da đen.

mặc tình ong bướm

Một lần Pauline cùng nhân

tình mới về tại quê quán chàng ở tận Aix-en-Provence, tỉnh cô chạm phải ông hoàng Borghèse. Borghèse không lộ vẻ ghen tương. Xem như chuyện thường nhưng Pauline lại còn muốn hơn thế nữa. Nàng tự nhiên, xem Borghèse như không có mặt, tự do đùa bỡn với Forbin, lả lổ, thô lỗ đến nỗi Borghèse phải thở ra chán ngán... Phán úng tôi đa của ông chỉ đến đó là cùng...

Về sau ông ta đi nói, một cách âm ỉc :

— Nếu nàng không là em vua, tôi đã cho một trận nên thân rồi.

Thỉnh lnh Forbin được lệnh thuyên chuyển đi xa. Do Nã-phá-Luân muốn giữ gìn em, hay tại ông Hoàng Borghèse về kinh nản nỉ, hay tại Forbin ngán cảnh trụ lạc mà muốn trở lại nhiệm vụ... Chuyện ấy không ai biết.

Forbin ra đi lòng mền tiếc, nhưng Pauline, lòng chẳng chút rung động yêu thương. Ba năm sau, Forbin trở về, công danh sự nghiệp sáng chói. Con bướm xưa đã lộn về nhưng đóa hoa đã trót rơi vào tay kẻ khác.

Lại một bạn lòng mới! Anh chàng Félix Blangini, một nhạc sĩ hữu danh mà Pauline thuê từ Nice về hát cho nàng nghe với giá lương 750 quan một tháng. Pauline... bề ngoài là nhạc, bên trong là tình... đã lung lạc anh chàng nhạc sĩ đến mức không còn chịu đựng được. Anh ta đã biết nhà vua theo dõi từng hành động của em; anh đã thầy chuyện bị đoi đi xa của chàng si tình Forbin.. Những gương trước mắt ấy làm anh ta lo sợ nên cô ân giàu các cuộc gán gũ với Pauline. Pauline nào có sợ anh, buộc nhạc sĩ đi cùng mình, yêu mình công khai..

Một hôm Borghèse về thăm vợ. Pauline giới thiệu Blangini là nhạc sĩ riêng của nàng.. Thế rồi, nhân một cuộc trình diễn nhạc, Pauline như cô ý, bảo Blangini hát bản: « Armide! từ biệt em ư? ».

Có lẽ nàng đã dựng tâm to chàng biết giờ phút biệt ly đã đến. Blangini hiểu ý ngay..

Mấy hôm sau, Pauline lại vui theo tình mới.

một kẻ đáng thương

Mây năm trôi qua..

Pauline mê lụy anh chàng Canouville, một sĩ quan trọng bộ tham mưu của Thống tướng Berthier.

Canouville khá đẹp trai, lại thêm bộ nhung y vàng đỏ chói làm cho Cô á đăm đăm lại còn say hơn nữa.

Nã Phá Luân không chịu nổi tình trạng này. Một lẽ là vì Canouville, dựa thế Pauline, tỏ ra kém lễ độ, lễ khác là tánh tình nàng quá phóng túng nên ông ta bắt đầu đề ý.

Nhân một bữa duyệt binh, không hiểu sao con ngựa của Canouville lại chạm vào móng ngựa Kim Ali của nhà vua. Ali giật mình lồng lên, làm Nã Phá Luân suýt ngã xuống đất. Ông ta nhìn lui, nhận ra là tên sĩ quan vô lễ Canouville, nhưng không phải trong bộ quân phục thường lệ mà lại chiếc nhung y lót bằng tấm lông chồn vô giá. Ông cũng nhận ra ngay, đây là tấm da trước kia Nga Hoàng Alexandre đã tặng ông và ông đã tặng cho Pauline nửa tấm.

Nã phá Luân ngó chòng chọc vào Canouville:

— Ngựa anh còn trẻ, còn hăng quá, máu nó còn nóng

lắm. Đề ta cho anh đi tắm cho nó mát bớt.

Chiều hôm đó, Canouville được lệnh đi Bồ đào Nha chuyên một lệnh hỏa tặc cho tướng Massena.

Chàng đến chào tạm biệt Pauline, Cả hai ôm nhau khóc, thề nhau chung thủy, và chàng lên ngựa ra đi. Chàng phi như mây như gió vì lòng hăm hực lo âu rằng Pauline sẽ không để lòng nguội lạnh nếu chàng đi lâu ngày.

Chàng đi, bỏ ngày bỏ đêm, mỗi ngày ngủ không đến vài giờ đồng hồ, và 10 ngày sau đã đến biên giới — một thời gian chưa từng có ai đi nổi.

Nhưng oái oăm thay! Giặc vùng này đang nổi dậy đường sá bị chiếm hết. Chàng kẻ lẻ hết tâm sự cho sĩ quan gác đồn và nhờ chuyên tận tay lá thư thề chàng.

Canouville lại phi ngựa như bay về tìm gặp Pauline, nhưng phủ phàng thay! Pauline không chịu nổi ba tuần chẵn đơn gởi chiếc đã ôm cảm thuyến khác. Phen này, anh chàng Septeuil trong đoàn quân kỵ mã. Pauline vẫn có tình thích thay đổi màu nhung

Septeuil được người ngọc chú ý, mà lòng không mấy hân hoan, vì chàng đã yêu Barral, một tỷ nữ hầu cận của công chúa.

Canouville thất vọng tràn ngập, ra đi Bồ đào nha lần nữa để hoàn thành nhiệm vụ. Chuyện này, anh đi bước một — lòng đã nát tan, đâu còn hăng hái như ngày nào...? Đi được mấy ngày, bỗng chàng gặp tình địch — anh Septeuil — cũng vừa được lệnh đi Bồ đào nha hỏa tặc...

Cả hai thông cảm nhau trong giây lát, và cùng nhau lên yên tiếp tục đi. Chuyện về Septeuil bị nạn gãy một chân nhưng được cưới bà Barral, còn Canouville, gầy lại mỗi tình xưa với Pauline.

Tin lại đến tai Nã phá Luân và lần này, ông cảm tức rõ rệt.. Ông đi đi lại lại mấy lần trong phòng rồi ra lệnh đoi chàng ta ra mặt trận Dantziz. Trong một cuộc hăng chiến chàng bị đạn, thân nát làm nhiều mảnh. Lúc đem xác chàng về trại, người ta còn thấy trên ngực khung nạm hình người yêu, chung quanh nạm ngọc bích và hồng ngọc

do Pauline tặng chàng trước đây.

Nghe tin tình nhân chết, Pauline khóc ngất và thuê dệt một chiếc khăn bằng tóc của chàng, đeo vào tay, mặc dù tim nàng đang bị một anh đội trọng pháo, Duchaud, chiếm cứ.

bước vào lịch sử

Pauline là người thế nào? Có lẽ là một con người « thất thường » mà lịch sử các nước thường hay có. Một bản khảo cứu về nàng của Bác sĩ Peyre đã cắt nghĩa rõ ràng những trạng thái bí hiểm trong người nàng, nhưng rất tiếc là bản nấy không được phổ biến.

Tuy nhiên, nói rằng Pauline không biết yêu ai là điều không đúng. Nàng đã yêu một người, mặc dù bị người ấy dẫn vật, lắm khi đến đánh đập ghét bỏ nàng. Và về sau khi người ấy bị mọi người lãng quên thù ghét, sống cô đơn chờ ngày chết, nàng là người độc nhất đến tận nơi viếng thăm an ủi. Người ấy là Nã phá Luân.

Một nhà văn kiêm sử gia

thời bây giờ đã viết:

— Công chúa Pauline đầy đủ đức tính của một bà mẹ, của một thiên thần Trời ban để an ủi võ vể. Nhà vua có thói hay đánh đập nàng nhưng nàng cô chịu: « Anh đánh tôi cũng khá đau nhưng kệ anh — anh muốn thế cứ chịu lòng anh, có hại gì ». Nàng rất tận tâm với anh, hiền hậu, ưu ái và trước tánh tình vui vẻ của nàng, dù ai có tâm sự gì buồn, cũng cảm thấy vui ngay.

CÓ CÔNG HAY CÓ TỘI

Ngày Nã phá Luân từ đảo Ebe trở về toan chiếm lại ngai vàng, nàng đã tặng anh chuỗi kim cương vô giá của nàng.

Một trăm ngày sau, Nã phá Luân thất trận, bị đày đi Sainte-Hélène. Nàng đã đến xin với Metternich, một bạn tình cũ nghĩa xưa, được phép theo anh. Metternich từ chối.

Thế rồi, trong lúc mặt trận ngay cả bà con cật ruột trước đây đã mang ơn nhà vua rất nhiều, ai cũng bỏ rơi, chỉ riêng nàng gần gũi săn sóc anh.

Ngày sức Nã phá Luân kiệt quệ, nàng đã viết cho Đức ông Liverpool một lá thư rất thông thiết xin đưa anh đến miền tương đối hiền hậu hơn. Và nếu lời nàng thỉnh cầu không được chấp thuận, nàng xin phép đến Sainte-Hélène để có mặt bên cạnh anh trong giờ phút từ giã cõi đời.

Nhưng thơ nàng không bao giờ được phúc đáp.

Nã phá Luân đã nói về nàng trong tập ký ức:

« Pauline, người đàn bà xinh đẹp nhất, và suốt cả một đời đã là người quý hóa nhất mà không một người nào sống trên trần gian bì kịp ».

Và sử gia Joachim Kuhn,



★ HẸN XỬ TA CHƯA CÓ!

Ông Rodert Gaillarb kể chuyện một lần ở Mê tây cơ, xe hơi ông đang chạy, bỗng ông thắng lại để nhường bước cho một người bộ hành qua đường:

— Mời ông qua.

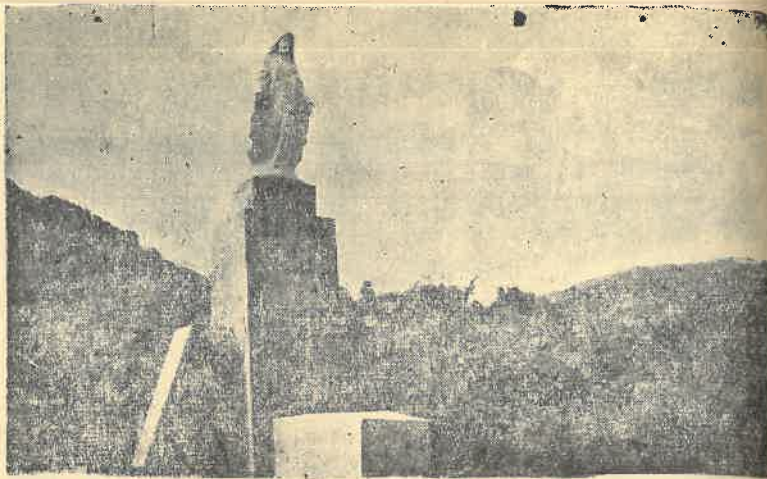
— Xin nhường ông qua trước. — Người bộ hành lễ phép đáp.

— Không khi nào (mời ông...

Kẻ mời qua người mời lại cả mấy phút không xong. Kẹt cục, người bộ hành rút súng « côn », ra chỉ hòng súng vào ông:

— Mời ông qua! Không, tôi lấy cò.

Tác giả bộ truyện bất hủ « Marie des Iles », tịt ngòi, mặt xanh như lá vôi và đời số phóng di.



MỘ PHẦN THI SĨ HÀN MẠC TỬ

Tại GÀNH RÁNG

(QUINHƠN)

* Đào-Tặng

DU-khách ngày nay có dịp ghé đến QUI-NHƠN đều không quên viếng mộ Thi-sĩ HÀN-MẠC-TỬ xây cất trên GÀNH RÁNG hướng Tây Thị-xã.

Lòng hâm mộ bậc Thi-hào tài-ba lỗi lạc nay đã hóa ra người thiên-cổ, du khách chỉ còn ngậm ngùi giọt lệ trước mặt bia ngàn năm thương nhớ giữa càn-khôn Vũ-trụ.

Từ trung-tâm thành-phố muốn viếng nơi an-nghỉ cuối của nhà thơ nổi tiếng, du khách phải đi hết đoạn đường tráng nhựa dài ngót 3 cây số nằm ôm mình theo mé bờ QUI-NHƠN.

..... Ngàn khơi gió đưa sóng vỗ lẫn tiếng thông-rào rì rào trên con đường mỗi lúc một gần đến mộ, thiên-nhiên như có gọi nơi lòng người nổi buồn sâu xa man mác ...

Qua hết đoạn đường dài theo ven biển đến quang đời trơ trọi có cỏ cây thưa và thấp, nhô lên rõ rệt mộ phần nhà Đại-thi-hào, bia đá sơn màu vôi trắng khắc rõ rệt những hàng chữ nổi :

— ĐÂY AN NGHỈ TRONG LÒNG MẸ MARIA :
HÀN-MẠC-TỬ

Tức FÊRO FANCICO NGUYỄN-TRỌNG-TRÍ

Sinh : 1912

Tử : 1940

Tạm táng tại : QUI-HÒA

Cải táng tại : GÀNH-RÁNG

Ngày 10 tháng 02 năm 1959

Gia-đình hai chị : NGUYỄN-THỊ-NHƯ-LỄ

NGUYỄN-THỊ-NHƯ-NGHĨA

.....

.....

BẠN :

QUÁCH-TẤN

, . . . Xưa kia khi trút hơi thở cuối cùng tại nhà thương phung QUI-NHƠN, ban đầu nhục thể nhà thơ của chúng ta được mai táng tại Nghĩa-địa QUI-HÒA

Đến năm 1959 ngày 10 tháng 2, tổ lòng ngưỡng mộ Thi-sĩ HÀN-MẠC-TỬ của kẻ đời sau, Thi-sĩ QUÁCH-TẤN bạn thân của HÀN-MẠC-TỬ đã cùng gia đình đem hài cốt của người ra cải táng tại GÀNH-RÁNG — QUI-NHƠN. Nơi có đời cây sáng sửa, bốn bề nước thanh quan, đêm khuya sóng vọng ì-ầm.

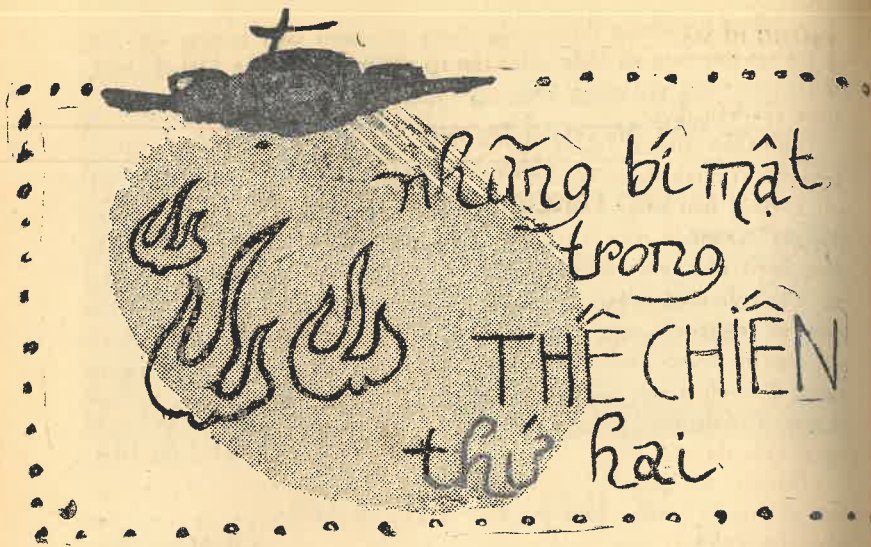
Danh lam thắng cảnh BÌNH-ĐỊNH từ đây ghi thêm nét vàng son trên giang sơn cội-tú.

Văn chương đất nước từ đây thêm nhắc nhở nhớ nhung một bóng hình đã quá cố.

GÀNH-RÁNG — QUI-NHƠN nơi mộ phần an nghỉ của nhà Thi-Hào có sức quyến rũ hấp dẫn hằng ngàn viễn-khách trong vại ngoài nước.

Khách tứ phương ngậm ngùi luyến tiếc. Những vần thơ bất hủ của nhà Thi-Hào HÀN-MẠC-TỬ như chợt sống dậy tự đáy mồ !

* ●



Thiên-Sơn

PHÁO ĐÀI ÂU CHÂU BỊ TẤN CÔNG

NƯỚC Ý chuẩn bị chống một cuộc đổ bộ của Đồng Minh nhưng vẫn biết rằng cuộc đổ bộ đó sẽ quyết liệt vô cùng và đương sống trong hồi hộp. Ý đã tiêu tan gần hết lực lượng không quân của mình. Một phần lớn hải quân Ý đã bị tiêu diệt. 13 tuần dương hạm, 75 phóng pháo hạm, 72 tiềm thủy đình đã bị đánh chìm.

Ba quân đoàn Ý đã lần lượt bị tiêu diệt ở Bắc Phi. Quân đoàn thứ 8 đã mất hết vũ khí ở mặt trận Nga và đã mất hết 3 phần

4 quân số. 35 sư đoàn Ý đã bị tan rã trong chiến đấu và tức là 1 phần 3 tổng số quân đội Ý. Một phần 3 khác rải rác chiếm đóng ở những vùng đã chiếm được ở Albanie, Hy Lạp và Pháp. Những lực lượng này gồm có 36 sư đoàn, hễ rút về là nhân dân các xứ đó nổi loạn.

Ý chỉ còn lại có độ 40 sư đoàn để phòng thủ 2 cù lao Sicile, Sardainge và miền Nam nước Ý. Ngoài ra cũng còn chừng 20 sư đoàn để phòng thủ bờ biển miền

NHỮNG BÍ MẬT

mông của bán đảo.

Tinh thần tướng sĩ rất thấp kém. Cả sĩ quan lẫn quân đội đều chỉ có một mối thù, không phải đối với Anh-Mỹ mà là đối với đồng minh của mình là Đức quốc xã. Càng đi sâu trong liên minh quân sự người Ý càng ác cảm với người Đức. Họ biết rằng người Đức chơi xấu và khinh họ ra mặt. Chính một nhà quân sự ngoại quốc đã nói:

«Người sĩ quan Ý không bao giờ quên việc Rommel đã phải hy sinh tới tên lính cuối cùng ở sa mạc nhưng rồi lại bỏ chết quân đội Ý để quân Đức rút lui. Họ cũng không quên ở mặt trận sông Don tại Nga quân Đức đuổi xuống khỏi những chuyến xe lửa cứu thương những thương binh Ý để chờ khí giới, dụng cụ và những đồ mà quân Đức đã cướp được ở Nga. Và thương binh Ý đã bị đuổi xuống giữa những cơn lạnh cắt da: 30 dưới không độ.»

Đại-Tướng Guzzoni phụ-trách giữ cù-lao Sicile chỉ còn dưới quyền chỉ-huy của ông 10.000 sĩ-quan và 220.000 lính Ý.

Phe Đức thì có tướng Hube với 70.000 lính Đức trợ chiến. Còn lực lượng tấn-công của

Đồng-Minh thì có quân-đoàn thứ 15 của Mỹ dưới quyền chỉ-huy của tướng Patton và quân-đoàn thứ 8 của Anh do tướng Montgomery, người anh hùng sa-mạc.

Ngày 12-6-43 một cuộc hành quân chuẩn-bị đã khiến cho đảo Pantalliria đầu hàng. Quân số của đảo này có tới 12.000 nhưng chỉ thiệt hại có 56 tên chết và 116 tên bị thương do không quân oanh tạc, còn bao nhiêu đầu hàng hết.

Đêm 9 rạng 10 tháng 7. 2 sư-đoàn thả dù xuống phía Nam đảo Sicile và công kích đằng sau những giàn đại-bác Ý và ngăn-chặn quân tiếp-viện.

Sáng sớm hôm sau 6.000 tàu đổ-bộ thành lính kéo tới làm cho quân Ý trở tay không kịp chạy trốn như chuột không còn tinh-thần đâu mà chiến đấu nữa. 100.000 quân Ý tự giải giới và trốn về nhà.

Tướng Hube huy-động chiến-xa để ngăn chặn cuộc tiến quân của Đồng-Minh. Nhưng mặc dầu quân Đức cố sống cố hết để giữ đất cho Ý mà quân đội Ý sẵn sàng bỏ cuộc thì quân Đức cũng chẳng làm gì được.

Vua Victor-Emmanuel thấy đất nước lâm-nguy liền tổ chức một cuộc đảo-chánh, bắt giữ Mussolini và phong cho Thống-chế Bado-

glio lập chính-phủ mới đề nghị hòa với Đồng-Minh.

Ngày 16-8, Sau 37 ngày chiến đấu đảo Sicile đã nằm trọn dưới quyền kiểm-soát của Đồng-Minh. Phe Trục chết 32.000 người trong đó có 24.000 Đức và 132.000 tù binh đa số là người Ý.

Tướng Montgomery tuyên bố: « Đây là lần thứ hai quân Đức bị đánh bật ra biển. Bây giờ chúng ta đã ở trước cửa pháo đài của Âu châu. »

Mussolini bị cầm tù

Đồng-minh đổ bộ lên Sicile là bắt đầu cho sự tan rã của chế-độ Phát-Xít Ý. Từ cuộc thất bại ở Tunisie người Đức đã hết tin-tưởng vào tinh thần kháng chiến của bọn đồng-minh Ý. Tổng-trưởng Tuyên Truyền Goebbels còn miễn cưỡng nói ngược lại như thế. Ông nói: « Tôi tin rằng dân tộc Ý khi phải bảo vệ đất nước của mình sẽ kháng chiến anh dũng hơn là ở Bắc-Phi hay ở mặt trận phía Đông ».

Thật tế đã cải chánh lời nói của ông vì khi phải bảo vệ quê-hương người Ý cũng không chịu chiến đấu.

Mussolini hết trông cậy vào

đảng Phát-xít của ông, hết tin tưởng ở nhân dân Ý và chỉ trông cậy vào chiến hữu của ông là Hitler.

Ngày 20-7 Vua Ý nói với Mussolini những lời này:

« Tình-hình căng thẳng tới cực độ, không thể kéo dài được thêm nữa. Sicile đã mất rồi. Người Đức khinh thường ta. Kỳ luật của quân đội đã tan rã. Trong cuộc oanh tạc thành La Mã, phi công đã bỏ chạy khỏi phi trường. Tôi đã theo dõi cuộc oanh tạc này. Tôi không tin rằng có tới 400 chiếc máy bay địch. Chỉ có độ nửa số đó thôi. Mà chúng tung hoành như ở chỗ không người. Tình trạng này phải nói thẳng với người Đức. »

Nhiều cuộc âm mưu tạo phản đã có trong quân đội và có cả trong nội bộ đảng Phát-xít. Họ chống Mussolini và muốn lật đổ ông ta.

Ngày 24-7 Đại Hội Đảng Phát-xít nhóm họp. Mussolini khai mạc báo cáo tình hình và tuyên bố:

« Lúc này, chắc chắn tôi là người bị thù oán và ghét nhất ở nước Ý. Điều đó rất hữu lợi đối với những quần chúng đói nạt, đau khổ, bị chiến tranh tàn

phá, thiếu ăn, bị khủng bố vì những cuộc oanh tạc và bị đầu độc bởi tuyên truyền của đối phương... »

Rồi ông dạy qua công kích Thống-chế Badoglio. Grandi, một yếu nhân trong đảng liền đứng lên kết tội Mussolini và nói:

« Anh đã bắt chúng tôi cam chịu một nền độc tài vô luân chưa từng có trong lịch sử. Ngày qua ngày anh thủ tiêu lẫn hồi những tự do và công quyền của chúng tôi. Cá tính của chúng tôi đã bị chết ngộp trong chiếc áo đầm ma của anh. »

Ciano, rề của Mussolini làm ngoại trưởng Ý cũng đứng về phe đối lập chống cha vợ của mình.

Nghị trình của Grandi yêu cầu Đại Hội buộc chính phủ giao quyền lại cho nhà vua thống lãnh Hải, Lục, Không quân để bảo vệ đất nước.

Kiến nghị này được 19 thăm thuận, 7 thăm chống.

Trưa ngày 25-7 Tổng Tham-Mưu Ambrosio ra lệnh bắt giữ Mussolini.

Vào lối 17 giờ ngày đó Mussolini tới yết kiến vua Victor Emmanuel. Đi theo ông có 130 người võ trang Thành lính nhà vua ra lệnh cho ông từ chức và người thay thế ông sẽ là Thống-

Chế Badoglio.

Mussolini vừa trở về xe thì có một sĩ quan tiến tới nói rằng ông có nhiệm vụ hộ tống Mussolini và đưa ông này tới một trại lính.

Ngày 26-7 người ta lại dời ông tới vịnh Naples và đưa ông xuống một chiếc tàu chở ông ra cù-lac Ponza là chỗ mà trước đây ông đã đày cả ngàn người đối lập với chế độ Phát-xít của ông. Nhưng ở đây cũng không được lâu vì người ta cho là không được chắc chắn. Và ông lại bị đưa tới một hòn đảo khác là đảo Maddalena. Ở đây ông nhận được món quà của Hitler gồm có 24 bộ sách của nhà triết học Nietzsche có chữ ký của nhà lãnh tụ quốc xã đề tặng. Một chiếc máy bay Đức bay qua đảo rồi Mussolini lại bị dời đi nơi khác là Gran Sasso một làng hẻo lánh cao 2000 thước trên núi Apennin.

Kỳ sau chúng tôi sẽ nói tới vụ Hitler tổ chức cứu Mussolini.

Nhưng dù có được giải thoát ông cũng chỉ còn là một người vô dụng.

Một lãnh-tụ khi đã mất sức hậu thuẫn của nhân dân thì chẳng còn cân nặng được bao nhiêu. Ngược lại, khi không còn dẫn dắt được nhân-dân họ sẽ biến thành kẻ thù của quần-chúng.



XUÂN NHẬT SÀU NGÂM

của NGUYỄN-VỸ

TRONG số Tất-Niên có bài thơ « Xuân Nhật Sầu Ngâm » mà tác giả thân ái mời các bạn làng Thơ bốn phương « họa chơi... cho đỡ buồn. Tòa soạn đã nhận được rất nhiều bài họa, chúng tôi xin lựa những bài xuất sắc nhất, đăng lần lượt trong mục này.

34

Tết với xuân chi thật chán đời
Lan tràn khói lửa khắp nơi nơi
Quê hương nhuộm trắng màu tang tóc
Đất nước loang hồng máu lệ rơi
Ách nước phong ba sầu nào quá!
Tai trời lụt lội thảm thương ôi!
Hai mươi xuân chẵn đầy chinh chiến
Binh lửa bao giờ mới dứt thôi?

• THU PHONG

(Công ty Eiffel Đà Nẵng)

35

Tết đến kìa xuân đầy cảnh đời
Nhân tình nghiêng ngã mộng ngàn nơi
Trăm hoa trăm thức, buồn hoa rụng
Một máu một giòng, uồng máu rơi
Quần-quại bao phen sông núi nhỉ!
Phũ phàng mấy bận gió mưa ôi!
Đất nghèo, dân ý, trời xuân vắng
Mang lại thanh bình ấy... ấy... thôi.

• TƯỜNG NGUYỄN

(Huế)

36

Xuân mang tươi đẹp lại cho đời
Buồn cảnh tang thương diễn khắp nơi
Thống hận phân tranh, bom đạn nổ
Tương tàn huynh đệ máu xương rơi
Ham xôi mề thịt nhiều trang lẫm
Đoạt sức giành máu vãng nhật ôi
Ngọn gió thanh bình xoay lại đó,
Khí hòa thời sạch ừa binh thôi!

• HUỲNH THANH TÙNG

37

Làm lũ quanh năm chẳng nghĩ đời
Chợt nhìn Xuân báo khắp nơi nơi
Thanh bình mỗi mắt, trông nghiêng đổ
Xáo thịt chuyễn tay, máu chảy rơi
Bom nổ, đạn bay, vườn ruộng nát
Nhơn đời, đức bại, thị thành ôi!
Giáo Thừa nhấp chén trà sen gấm...
Cái mớp nhân tình thế thế thôi!

• TRẦN LƯ

38

Dế ngâm xuân lạnh thấm khung đời
Gieo bản nhạc sầu vọng khắp nơi
Trùng kiến thân nhòa hồn kiếp mỏng
Nước non lòng rạn lịm hồn rơi
Tượng cầm ngọc cảnh cay xuân thảm
Hạ thú cam mùa tái tiết ôi!
Đôi nét buồn vui thơ gương tả
Cho trời xuân đượm... uất sầu thôi!

• THANH CẦM

(Kiên Bình)

39

Quả đất vẫn xoay giữa trục đời.
Xuân mang hoài vọng đến muôn nơi
Người mơ khói súng thôi vương tỏ
Tôi muốn máu đào hãy bớt rơi.

*Thăm trách ai gieo chi nghịch cảnh,
Cho dân Việt lưỡng thảm thương ôi!
Hào quang hạnh phúc chờ soi sáng
Khi biết thương nhau một chút thôi!*

● MẠCH QUẾ HƯƠNG
(Vinh Bình)

40

*Ròng lui chuyện cả khổ đau đời
Đến rần đầu quơ trán thế nơi
Bồng quải nam miền trong khời lửa
Tóc tang trung lụt nước tràn rơi
Mong chi tết đến thêm phiên muộn
Chẳng muốn xuân về vắng tiếng ôi.
Hồng lạc giống nhau chung Tô Quốc
Long gia xáo thịt huyết nhiều thôi.*

● NGUỒN XUÂN

41

*Cũng túi thơ mang, cũng nghĩ đời.
Xót tình nhân thế, hận nơi nơi
Hai mươi năm khóc mùa bình lửa
Sông núi tan tành xương máu rơi
Đất nước mười phương tình ruột thịt
Đời bờ ngăn cách xót xa ôi!
Xuân này là mấy xuân chinh chiến...?
Xuân đến, xuân sâu, xuân chán thôi.*

● NHẤT YÊN PHƯƠNG
(Nha Trang)

42

*Tết nhứt năm nay chán mở đời!
Tiếng hồn lộng gió cuộn muôn nơi.
Biên cương, khời xám mờ xuân tỏa,
Thành nội, chuông vàng lạt giọng rơi.
Nước cất, nước dâng; sông nước hối!
Xương tan, xương cháy; núi xương ôi!
Tôi mơ « xuân » ấm nhuần « kính mạch »
Cho bướm hoa cười, Nam. Bắc thôi...*

● HOÀNG NGỌC NGUYỄN
(Tuy Hòa)



TỪ BONG BÓNG CÁ
ĐẾN CON TEM PHẢI
TRÊN HAI THẾ KỶ

★ Nhị - Dân

(tiếp theo và hết)

TẠI Anh, loại tem một penny thành công rực rỡ, thu vào cho ngân sách hàng mấy triệu anh kim.

Bất tiện thời ấy, là phải dùng kéo cắt ra từng con tem. Mấy năm sau, một người Ái-nhĩ-lan, ông Henry Archer mới sáng chế được máy đục thủng như ngày nay. Ở Pháp, mãi đến đệ nhị cộng hòa (1849) mới bắt đầu phát hành tem, còn Thụy-sĩ thì trước được 6 năm.

Vấn đề « làm cho tem chết » cũng không ít rắc rối. Pháp thì hủy tem bằng con dấu có sọc dọc. Các nước khác thì dùng một thứ dầu, chữ, hay con số đóng lên trên tem.

Tại xứ Sicile, tem vẽ hình nhà Vua, nhưng vua Ferdinand đệ nhị cho đóng dấu lên hình vua là « khi quân » nên ra lệnh chỉ được phép đóng dấu trên bì con tem thôi.

Rắc rối hơn hết là anh chàng Tây ban nha Mariano Pardo. Anh ta đề nghị dùng thuốc súng bùng cháy làm cho con tem không dùng được nữa, nhưng khổ hơn nữa là lá thư bên trong cũng nám đen, không sao đọc được. Vì thế kế hoạch vừa đưa ra đã chết không kịp ngáp.

Nhiều nhà vua thời ấy lại quá thiên về mỹ thuật. Vua Christian X (Đan Mạch) đã khiến trách tại sao hình ông trên tem lại vẽ đường rẽ mái tóc ông sai phía, Nữ hoàng Elisabeth ra lệnh chính phủ Gia Nã Đại không được lưu hành con tem vẽ hình bà trông nghiêng vì không được đẹp. Nữ hoàng Victoria (Anh) chỉ thỏa thuận dùng tem khi hình bà đã già ở một số thuộc địa thôi, còn tại lãnh thổ Anh quốc thì phải dùng thứ tem vẽ bà trẻ như gái 21 tuổi.

Có nhiều con tem gây náo động

một thời gian : Tây ban nha có phát hành con tem họa lại hình « Nàng Maja trần truồng » của danh họa Goya. Một người dân Thụy sĩ đã phản đối kịch liệt nhưng không kém khôì hài. Trong lá thư phản kháng có một đoạn :

« Có lẽ quý vị quên rằng bao nhiêu triệu trẻ em ngây thơ, vô tội đang sưu tập tem ở khắp thế giới... »

● | **Những chuyện lạ trong giới chơi tem**

Người Anh trước tiên biết thú chơi tem. Lúc đầu lối chơi cũng rất cầu kỳ. Họ thi đua nhau sưu tầm tất cả những tem 1 và 2 pences và sắp xếp lại theo thứ tự con số in ở mỗi góc tem cho đủ số 240 con tức của một tờ lớn thời xưa cắt ra.

Mộng thiết tha nhất của các nhà sưu tập tem là tìm cho được con tem đầu tiên của đảo Maurice, từ đầu đến cuối mới phát hành được 12 con. Do sự tích khá ly kỳ và thế giới đều chạy theo nó, nên thị trường tem Maurice ngày nay giá đến 10

triệu hay 12 triệu quan Pháp (cũ) một con.

Bộ « sưu tập đồ » danh tiếng nhất của vua Georges Đệ ngũ (Anh) cũng chỉ có được 2 con 1 penny và 1 con 2 pence do nhà vua mua được năm 1904.

Nhà vua tuy hãnh diện là đã năm được 3 trong số 12 con tem xứ Maurice, nhưng vẫn không khi nào sung sướng là không sao sưu tầm được con tem độc nhất của Guyanne thuộc Anh, phát hành năm 1856, vẽ hình một thuyền buồm trên nền đỏ tiết. Tem ấy hiện nay ở Hoa Kỳ và nếu bán ra, ít nhất cũng mấy chục triệu quan.

Có một con tem khác giá trị không kém tem Maurice. Đó là con tem 5 « xu » tại Mount Lebanon (tiểu bang Tennessee) thời Nam-bắc phân tranh ở Mỹ, in bằng tay tại các đô thị miền Nam, vì thời ấy chưa phát hành được tem. Hình vẽ là một vành tròn, ở giữa có con số 5 và hai tiếng Mt. Lebanon, khuôn tem là 3 gạch song song. Con số 5 và chữ, đều in ngược. Có lẽ người chạm ra khuôn tem vì vụng về hay dăng trí đã viết xuôi, nên lúc in, chữ ngược lại. Lúc anh nhận ra thì đã muộn. Số

bưu điện thấy không cần thiết phải làm lại, nên chỉ lấy bút sửa con số 5 xuôi lại, đồng thời là dấu hủy tem. Giá con tem này hiện nay đến 25 quan mới Pháp. (375.000đ. V.N).

Một hôm nọ vào năm 1863, một thương gia tên Stanley Gibbons ở Plymth mua được của bọn thủy thủ từ Cap về một đay « tem chết », giá chỉ 5 liu (tên Anh). Trong đồng tem vĩ đại ấy may đâu lại có con tem 1 penny xanh (đáng lẽ phải là màu đỏ) và một con 4 pence đỏ (đáng lẽ là xanh). Anh Gibbons bán lại mỗi con 4 shilling (mỗi anh kim bằng 20 shilling). Kề ra giá ấy khá cao, nhưng người bán, người mua đâu có ngờ ngày nay giá mỗi con vào khoảng 400 ngàn đồng Việt nam.

● | **Những con tem kỳ lạ.**

Nước Pháp cũng có một con tem danh tiếng : Tem 1 quan màu đỏ son vẽ hình Cérés (nhân vật thần thoại) in thời Đệ nhị Cộng hòa trong lúc tung loại tem này

đều in màu đỏ đục. Trong thế giới hiện nay chỉ còn 139 con. Một ông tên Vervelle đã mua được một ghép 8 con vào năm 1892. Giá ngày nay độ 17.500 đô la.

Con tem « Triquerat » cũng đắt giá không kém. Triquerat nguyên là một đội trưởng thủy quân lục chiến tại Nouméa dưới thời đệ nhị Cộng hòa Pháp, được cử làm « Chủ sự » Bưu điện. Khi tin Louis Napoléon sắp được tôn làm vua, qua đến đảo Nouvelle Calédonie, ông Triquerat liền cho ra một con tem hình « tân quân » dùng trong phạm vi của đảo.

Ông không có qua một phương tiện kỹ thuật nào. Tất cả đồ nghề có lẽ chỉ là một cái đục, ông dùng để khắc vào thạch bản 50 hình của nhà vua Napoléon đệ tam, khác nhau. Sau đó, tem này bị giả mạo rất nhiều, nhưng bản chính mặc dù không mỹ thuật hơn vẫn bán đến giá rất cao.

Về kỹ thuật sản xuất tem kỳ lạ và đẹp hơn hết thuộc về anh chàng Miller « chủ sự » bưu điện xứ Ouganda (Phi Châu) thuộc Anh. Miller « in » ra tem bằng

PHONG-THU

Đông NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

PHONG-THU

Đông NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

máy đánh chữ. Ai đặt bao nhiêu con, anh đánh ra bấy nhiêu (tất nhiên là ít ai đặt). Anh ta đánh máy vụng về, hay sai nhưng lại có tánh hà tiện công, nên sai đâu anh gạch bỏ đó, không đánh lại. Anh đâu có biết về sau, những tay sành sru tập tem lại thích những con tem bị in xấu hay có lỗi..

● **Bồ câu — khinh khí cầu — hàng không bưu điện đầu tiên**

Hàng không bưu điện không phải là một sản phẩm mới của nhân loại. Từ xưa, chim bồ câu đã biết đưa thư qua lại giữa Babylone và nhiều đô thị ở Mésopotamie. Ngày Ba-Lê bị phong tỏa, các thư tín của giới quý phái đã được chuyển đi bằng đường hàng không. Trong ba tháng chiến trận gay go nhất, đã có tới 55 khinh khí cầu bay ra khỏi kinh đô và 30 chiếc đã chuyển đi 2 triệu rưỡi lá thư về vùng tự do. Chiếc trước tiên tên Neptune « cất cánh » ngày 23-9-1870. Súng đại bác của địch bắn như mưa nhưng Neptune vẫn đáp

xuống được ở Craconville (Eure) mang theo 3 đẫy thơ.

Ngày 25, chiếc Ville de Florence, về được Vermouillet dưới làn súng của quân Đức đang bao vây quanh Ba-Lê.

Qua ngày 26 tháng 9, Trung ương Bưu điện tuyên bố mở rộng việc xử dụng hàng không ngoài dân chúng : Phi cơ có chuyên thư thường trong khắp quốc gia, qua Algeria và ngoại quốc. Thư không nặng quá 4 gờ ram, giá 20 centimes bắt buộc.

Một thông cáo thứ hai nói rõ thêm :

“ Các bưu thiếp chỉ nặng tối đa 3 gờ ram, khuôn khổ 7 phân ngang, 11 phân dọc. Giá 10 centimes trong nội địa Pháp và Algérie. Chính phủ được toàn quyền giữ lại mọi bưu thiếp có nói đến những tin tức có lợi cho địch ”.

Ở góc bưu thiếp có mấy chữ : « Lên khinh khí cầu » — Thiếp được bán tự do ở khắp các tiệm.

Ngày 7 tháng 10, chiếc l'Armand-Barbès nhân chuyển chở thư thường lệ đi Amiens, có chở người khách đặc biệt, ông Gambetta, bộ trưởng Nội vụ. Lúc ông xuống tại Montdidier

trường đầu gặp tai nạn, nhưng may mà mọi sự được yên.

Một thành tích đáng ghi nhất là của chiếc Ville d'Orléans, chở 250 ký thư tín, rời nhà Ga Bắc Ba lê ngày 14 tháng 11 « Phi công » ông P. Robier hôm ấy có chở theo ông Léonard Béziers. Trên nửa lưng trời, gió bỗng thổi mạnh và đưa lần khinh khí cầu lên phía bắc và bị mây mù bao phủ không thấy trời đất gì nữa.

Robier thả bớt một đẫy thơ nặng 60 ký, nhờ đó, khí cầu lên cao thêm được 2700 thước... đề

rời « hạ cánh » bắc đất đi ở một thành phố Na uy. Trong 14 giờ qua, họ đã vượt 3132 cây số. Nhưng lúc xuống vụng về làm sao lại đề khinh khí cầu bay lên, đề hai hành khách lại. Sau đó tìm lại được nhưng ông Robier và Béziers phải về Luân đôn bằng tàu thủy mang theo mấy bao thư còn lại. Từ Luân Đôn họ lại đi tàu thủy về Saint Malo. Mấy vạn cái thư 13 ngày sau mới tới tay người nhận sau một cuộc ngao du sơn thủy xa xuôi chưa từng có.



★ **KỂ NỬA CÂN NGƯỜI TÁM LƯỢNG**

Xưa nay những kẻ há đi vay mượn làm phiền người cho vay bao nhiêu, thì hạng người này cũng biết đối phó lại khá độc.

Công tước Aligre có ông bạn chuyên mượn tiền. Lần này lại đòi một số khá lớn.

Công tước bình tĩnh nói :

— Anh ạ ! Nếu lần này tôi cho anh mượn, chắc anh không trả nổi. Do đó, anh em xích mích nhau, tôi sẽ bị thi t thời hơn là mất cả tiền lẫn bạn. Mà tôi thì chỉ muốn mất một t'ong hai. Vậy thì tôi giữ lấy bạc còn với anh thì tôi xin anh, từ rày trở đi, đừng đặt chân đến đây nữa.

PHONG-PHÚ

Đông **NEUROTONIC** BỔ ỨC *Liều lượng trị nh*

575 BYT 22-11-43

phương pháp âm thực theo S. Nyoichi

★ Nguyễn-Khoa-Huân

VỚI PHƯƠNG PHÁP ÂM THỰC CỦA
SAKURAZAWA NYOICHI, CON NGƯỜI CÓ
THỂ SỐNG SỐT QUA MỘT CUỘC CHIẾN
TRANH NGUYÊN TỬ MÀ KHÔNG BỊ NHIỄM
PHÓNG XẠ

Đã nhiều lần chúng tôi định viết một bài sơ lược phương pháp âm thực theo Sakurazawa tiên sinh để giới thiệu với độc giả Việt-Nam nhưng cứ bản khoăn lo nghĩ mãi. Một là trong một bài ngắn gọn lại công trình của một nhà hiền triết Nhật Bản đã từ 51 năm nay viết trên 300 tác phẩm bằng Nhật ngữ, gần 24 tác phẩm bằng ngoại ngữ (Anh văn lẫn Pháp văn) thì quả là khó khăn. Hai là làm sao trình bày cho độc giả hiểu phương pháp dưỡng sinh theo tiên sinh một

cách rõ ràng và giản dị. Nhưng nhiều bạn bè thúc giục bảo rằng nếu không đánh lên một tiếng chuông để cho các người sau nối tiếp thảo luận thêm thì ít ai chú ý đến.

Sau cùng chúng tôi nghĩ rằng bạn đầu có thể làm công việc để giới thiệu các tác phẩm của tiên sinh và lý do thực hành phương pháp ấy rồi sau đó sẽ đề cho độc giả tìm hiểu thêm thì dễ dàng hơn vì thật ra muốn hiểu tiên sinh phải đọc các tác phẩm của ông và phải

PHƯƠNG PHÁP ÂM THỰC

đọc nhiều bạn nên không thể giới hạn trong một bài báo được. Nếu sau khi đọc bài này những bạn nào chưa hiểu được thuyết của tiên sinh thì lỗi ấy chính do chúng tôi đã vụng về. Và câu chuyện bắt đầu :

Gần hai năm qua, tại Huế do một sự tình cờ bạn Thái khắc Lễ ở thư viện đại học Huế trong việc giao dịch về sách báo hân hạnh được biết triết lý âm thực này lần đầu tiên, rồi một nhóm bạn bè cũng bắt đầu áp dụng. Lúc thực hành lối dưỡng sinh này ít ai tin sẽ có công dụng lớn. Thế mà lạ lùng thay đã có nhiều bệnh nhân lành bệnh tính có đến hàng trăm, trong số ấy có các bệnh như ho lao, tim, bại, phung, bón, sản hậu, trĩ, lòa, bao tử, rụng tóc, mất ngủ v.v...; và không biết bao nhiêu bệnh khác nữa cũng lành không những ở Huế mà nhiều tỉnh khác nữa. Bí quyết của trường sinh và vô bệnh chỉ tóm tắt vào việc ăn uống cho đúng theo thuyết âm dương, một thuyết xưa từ Lão Tử nhưng nay được Anh Trạch Như Nhất tiên sinh— Sakurazawa Nyoichi— một nhà hiền triết Nhật bản, phát minh và truyền bá từ 51 năm nay và

cho đến ngày nay tại Việt nam mới có một nhóm người hân hạnh đọc và áp dụng.

Với phương pháp này trong một cuộc chiến tranh nguyên tử con người có thể sống sót mà khỏi bị phóng xạ như vụ nổ nguyên tử năm 1945 tại NAGASAKI mà một bệnh viện tại đây nhờ áp dụng lối âm thực của tiên sinh trước đó đã mấy năm nên đều được sống, cũng như chính tiên sinh đã thoát khỏi một chứng bệnh nan y tại Phi Châu vào năm 1955 trong lúc tiên sinh (còn với bút hiệu George Oshawa) đang viết cuốn « La philosophie de la médicine d'Extrême Orient — Le Livre du jugement suprême — bên cạnh bác sĩ Schweitzer một học giả nổi tiếng, giải thưởng Nobel, và chỉ với phương pháp âm thực mà thôi, vì chính Schweitzer đã quy hàng với thần chết vì vô phương cứu chữa bạn ông.

Thấy đây là một kho tàng vô tận mà chúng tôi gặp được nên không thể ích kỷ ngời hờng một mình, chúng tôi đã mở liên tiếp 7 buổi diễn thuyết tại Hội quán Chi bộ Chơn Lý Hội Thông Thiên Học Việt-Nam tại Huế và một

PHONG-ĐỘ

NEUROTONIC


BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

STC BYT 20-11-69

số bạn hữu đã mạnh dạn đứng ra truyền bá phương pháp của tiên sinh bắt đầu bằng cuốn « Ăn cơm gạo lứt » của nhà xuất bản Anh Minh 159 Phan bội Châu, Huế và tiếp đến là bản dịch cuốn « Le Zen et la macrobiotique ou l'art du rajeunissement et de la longévité » với nhan đề : « Phương pháp Tân dưỡng sinh » do Anh Minh Ngô hành Nhân và Ngạn Ôn dịch (cùng một nhà xuất bản) và mới đây với cuốn « Những hiệu nghiệm kỳ diệu sau 20 tháng thực hành phương pháp Oshawa » của Ngô thành Nhân trong ấy đã đơn cử các trường hợp lành bệnh trích ở các bức thư hoặc nhân chứng, và hiện Hòa Đồng đã dịch xong cuốn « La philosophie de la médecine d'Extrême Orient » (chưa xuất bản), Thái khắc Lễ vừa biên soạn xong cuốn nhan đề : Thuật trường sinh theo nguyên lý âm dương (sẽ xuất bản) và Ngô thành Nhân đang dịch cuốn : Jack et Madame Mitie v.v.. Ngoài ra trong năm 1963 chúng tôi đã công khai viết thư cho Bộ Y-Tế yêu cầu Hội đồng dinh dưỡng quốc gia có nhiệm vụ qui định tại nghị định 162/YT ngày 7-2-1961,

một cơ quan của Bộ đích thân nghiên cứu phương pháp Tân dưỡng sinh này hầu áp dụng trong các lãnh vực y-tế, nhất là nếu được dùng trong quân đội, học sinh, sinh viên, dân bà, các nhà thể thao (xin xem cuốn « Le livre du Judo » của tiên sinh) trong các bệnh viện cũng như các lao tù sẽ đem lại rất nhiều kết quả tốt đẹp. Nhưng tiếc rằng lúc ấy thời kỳ ông Ngô đình Diệm nên không ai để ý đến và bức thư của chúng tôi không được phúc đáp.

Hôm nay, chúng tôi thấy có bồn phận và nhiệm vụ đặt lại vấn đề này vì lòng biết ơn vô biên của chúng tôi và của hàng trăm bệnh nhân đối với học thuyết Oshawa đồng thời chúng tôi mong rằng một ngày gần đây phương pháp dưỡng sinh của tiên sinh sẽ được đồng bào cũng như chính quyền nghiên cứu áp dụng để cho chúng ta khỏi nạn thiếu y sĩ và bệnh viện, tiết kiệm được ngoại tệ để mua thuốc cho đại đa số quần chúng nghèo nàn vẫn sống khỏe mạnh mà không tốn tiền thuốc tiền thầy, sau cùng có thể là một quốc sách cho dân

PHONG-THU
 **NEUROTONIC** BỔ ỨC Tăng cường trí não
 575 BVT 20-11-63

tộc ta trong vấn đề dinh dưỡng hầu đào tạo một thể hệ tương lai quân bình, sáng suốt, bắt đầu từ cuộc cách mạng bản thân, cuộc cách mạng ăn uống vì « con người ăn uống thế nào thì trở thành như thế ấy. »

Vậy phương pháp ấy là gì ?

Rất giản dị : ăn uống theo phương pháp âm dương cho được quân bình thì con người sẽ vô bệnh và có thể trị ngay được những bệnh nan y (tác phẩm mới nhất của tiên sinh bằng Pháp văn là cuốn « Le cancer et la philosophie d'Extrême-Orient. »

Như ai cũng biết, bệnh ung thư hiện nay là bệnh nan y nhưng đối với tiên sinh không phải là không chữa được và chỉ cần biết cách ăn uống. Lý thuyết của tiên sinh bắt nguồn từ thuyết âm dương của Lão Tử mà tiên sinh đã dùng hai danh từ Pháp văn là Yin để chỉ âm và Yang để chỉ Dương. Về phần triết lý chúng tôi xin mới thiệu ba cuốn sách các bạn cần đọc : Principe unique de la Science et de la philosophie d'Extrême Orient ; Vrin Paris đã tái bản 1962 — La philosophie

de la medecine d'Extrême Orient, Vrin Paris 1956 — L'ère atomique et la philosophie d'Extrême Orient (1962) Trường các bạn nào đã đọc phần thực hành tại cuốn « Tân dưỡng sinh » bản dịch hoặc nguyên văn « Le Zen et la macrobiotique » cần tìm đọc lý thuyết để hiểu triết lý trong vấn đề dưỡng sinh, trong khi chờ đợi các bản dịch của chúng tôi. Theo ông, trong trời đất, vạn vật đâu đâu cũng có âm dương, ví dụ : âm là ly tâm lực có sức bành trướng ra, dương là cầu tâm lực có sức co rút lại. Ví dụ trong hàng âm thì có các đặc tính sau đây : bành trướng, ngoài, không gian, thăng phát, ấm, lạnh, nhẹ, nước, Electron, potassium, dưỡng khí v.v.. và trong hàng dương thì sự đối nghịch hay trái lại như : thu rút, thời gian, hạ giáng, đỏ, nóng, nặng, lửa, proton, sodium, khinh khí. Về lãnh vực sinh vật học thuộc loại âm là : rau trái, xà lách, nữ tánh; về loại dương là : thú vật, ngũ cốc, nam tánh. Ngoài ra trong mỗi loại có món dương nhiều hay ít hoặc âm

PHONG-THU
 **NEUROTONIC** BỔ ỨC Tăng cường trí não
 575 BVT 20-11-63

nhiều hay ít ví dụ thịt dê, thịt vịt dương hơn thịt gà, thịt bò.

Căn cứ vào hình dáng, màu sắc, trọng lượng, chứa đựng nước nhiều hoặc ít, tánh chất khoa học, khí hậu hoặc địa hình hay địa vật, mùi vị, Oshawa đã phân chia các món ăn theo âm dương và đồng thời đưa ra 10 phương thức ăn uống đề cho mọi người có thể dùng được từ người ăn chay cho đến kẻ ăn mặn (nên nhớ rằng trường trai vẫn bị bệnh tật nếu không theo đúng phương pháp). Theo tiên sinh nếu bị bệnh kinh niên hoặc bệnh nặng phải áp dụng phương pháp số 7 nghĩa là dùng ngũ cốc hoàn toàn (100%) và tiên sinh cho rằng loài người là loài ăn ngũ cốc (céréalien) chứ không phải là loài ăn rau (végétarien) hay loài ăn thịt (carnivore). Căn bản chính cho người phương đông là dùng gạo lứt, muối mè, hai món quân bình nhất, nha kỹ, uống ít nước (vì nước là âm và uống nhiều thận làm việc nhiều không tốt). Trong các món ăn nên tránh việc dùng nhiều trái cây, rau sống (vì âm tánh). Thuyết của tiên sinh hoàn toàn trái với y học hiện đại và không theo thuyết sinh tố mà chỉ theo âm dương để luận bàn. Thuyết

đó rất phù hợp với tổ tiên của chúng ta ngày xưa, ăn uống thanh đạm, nhưng sống lâu, ít bệnh tật, phù hợp với người dân quê Việt nam như nông dân, ngư phủ trái với dân chúng ở thị thành ăn uống xa hoa, cầu kỳ chỉ biết ngon miệng nhưng sinh ra không biết bao nhiêu bệnh tật.

Trong cuốn Tân dưỡng sinh Oshawa cho chúng ta hơn 237 món ăn đề trị trên 100 bệnh kê cả bệnh nan y như ung thư. Đồng thời tiên sinh cũng cho chúng ta một cái hàn thử biểu để chúng ta bắt mạch lấy chúng ta, đo lường sức khỏe, từ làm thầy cho mình. Với bản trắc nghiệm 6 điều và mới đây trong tạp chí Ying Yang xuất bản năm 1963 tiên sinh có thêm một điều nữa thành 7 thì ta có như sau :

- Không biết một nhọc : 5 điểm
 - Ăn ngon : 5 —
 - Ngủ ngon : 5 —
 - Trí nhớ tốt : 10 —
 - Tánh tình vui vẻ : 10 —
 - Phán đoán thực hành nhanh chóng : 10 —
 - Công bằng : 50 —
- Theo ông, nếu chúng ta có trên

PHONG-PHU

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

40 chục điểm là đã khá. Phương pháp của tiên sinh không những làm cho con người vô bệnh mà còn có cao vọng đào tạo nên những người quân bình về tâm hồn cũng như thể xác và chứa đựng một triết lý cao siêu. Tiên sinh đã than thở rằng ở Âu Mỹ người ta xem phương pháp của tiên sinh như một món thuốc đề trị bệnh thay vì đến lương y hay tiệm thuốc thì người ta ăn uống cho lành. Nhiều người sau khi lành xong đã không chú ý đến thuyết của tiên sinh nữa, rồi lại phạm tội lỗi bằng cách ăn uống bừa bãi đề trở lại đau yếu. Có nhiều kẻ vô ơn, bạc bẽo khi dùng theo phương pháp của tiên sinh có kết quả không chịu truyền bá cho ai sợ mất quyền lợi mình hoặc sợ kẻ khác chế nhạo, có kẻ đã dùng lý thuyết của tiên sinh đề trục lợi, sản xuất các món ăn của tiên sinh đề bán nhưng không đúng phương pháp và cốt đề hốt nhiều bạc tiền. Nhưng theo Oshawa họ đều theo luật âm dương, có vay có trả, cái mất cũng rồi. Tiên sinh thì cái lưng cũng rỗng. Tiên sinh là cái

huy chương có bề mặt lẫn bề trái, nói theo lý thuyết nhà Phật thì bị quả báo.

Ăn uống theo phương pháp của tiên sinh nếu áp dụng triệt để có thể mở nhiều năng khiếu còn tiềm tàng trong con người. Nhiều em bé học dốt trở nên thông minh, đối với các bậc chân tu có thể mở những cơ năng trực-giác, phát huệ nếu cùng một lúc họ tu thiền. Riêng hai vợ chồng tiên sinh nhất là bà Oshawa rất thạo về nấu ăn, đã thoát nhiều tai nạn bệnh tật hiểm nghèo và tiên sinh đã tiên tri nhiều về thời cuộc quốc tế.

Trong một bức thư mới đây gửi cho một bạn ở Việt Nam tiên sinh ngờ ý nếu có cơ hội sẽ sang thăm viếng Việt Nam đề giải thích các điều thắc mắc của các bạn đã đọc lý thuyết của người hoặc đã thực hành.

Hiện nay trên thế giới đã có nhiều trung tâm quốc tế chữa bệnh bằng phương pháp ẩm thực theo âm dương, nhiều tiệm ăn, nhiều nhà sản xuất các món ăn uống của tiên sinh từ Hoa kỳ, đến Anh, Pháp, Đức, Nhật, Bỉ, Ý, v.v... đặc biệt trong kỳ thể vận Đông

PHONG-PHU

NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

PHƯƠNG PHÁP ÂM THỰC

Kinh vừa rồi có một tiệm ăn mang tên OSHAWA. Các đồ đệ của tiên sinh nếu có trình độ cao đều được tặng cho các « dan » (như Nhu đạo) tùy theo thời gian đã áp dụng theo phương pháp của tiên sinh và trả lời các bản trắc nghiệm của tiên sinh, đặt ra đề vấn đáp. Và để giới thiệu tiên sinh, một lần nữa chúng tôi xin nhắc lại là chính tiên sinh đã truyền bá nghệ thuật cắm hoa theo Nhật sang Âu châu với cuốn « Le Livre des Fleurs » (Plon, Paris 1931), khoa châm cứu với tác phẩm « L'Acupuncture et la médecine chinoise » (1934) và Nhu đạo với cuốn « Le Livre du Judo » (1942) nhưng trên tất cả, khoa dưỡng sinh theo phương pháp âm dương là quan trọng hơn cả.

Các bạn nào muốn giao thiệp với giáo sư Georges Oshawa xin biên thư về một trong các địa chỉ sau đây : (bằng Pháp văn hay Nhật văn) :

22 Rue des Pierres Bruxelles, Belgique.

Musubi Oshawa Foundation 150 West 10th St New York 14 (USA)

Longue vie, 6 Rue Lamartine, Paris 9^e (France)

Nippon C. I. (Centre Ignoramus) 8 Kasumityo. Tokyo-JAPON, hoặc Institut des Hautes Etudes Dialectiques et scientifiques (TOKIO) một trung tâm nghiên cứu do các cộng sự viên và tiên sinh mới thành lập ở Nhật.

Ở trong nước các bạn nào muốn cộng tác với chúng tôi việc truyền bá tư tưởng, xuất bản sách báo, đón rước giáo sư sang Việt Nam xin trực tiếp liên lạc với bạn : Tôn thất Hạnh làm việc tại hãng VINACO Saigon hoặc bạn Ngô hành Nhân (nhà xuất bản Anh Minh 159 Phan bội Châu, Huế)



Đúng **midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.V.T./DPDC.

nói đi anh

*Đôi mắt đó một lần làm bờ ngõ
Làm mây trời mở ngõ đón yêu thương
Nói đi anh dù là chuyện hoang đường
Cho bớt sợ vì hồn Xuân cúi mặt*

*Em ngồi đây mà hồn sao ngăn cách
Thuở hẹn hò trong một buổi trăng sao
Chừ vai anh đâu mà đề tựa đầu
Đề đỡ cho em đi vào giấc ngủ*

*Miền nước mắt trôi theo dòng thác lũ
Lối buồn nào anh dẫm bước chân lên
Mắt anh rời tình Xuân buồn không đến
Em nghe sầu nước nở ướm quanh mi*

*Con chim nhỏ lạnh run vì thiếu nắng
Áng mây chiều điu kỷ niệm đi đâu
Nói đi anh em sợ mắt u sầu
Và im lặng em sẽ buồn da diết*

VƯƠNG HUYỀN TRANG (KH)

(Gia Định)



Tuấn

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910
NƯỚC VIỆT 1960

★ Nguyễn-Vũ

(tiếp theo P.T. 146)

KHÔNG hy-vọng thuyết-phục được người bạn công chức chỉ « yêu nước bằng lỗ miệng ». Tuấn đi tìm người bạn thứ hai, trợ bút tờ báo *Công Luận* ở đường Pellerin. Tuấn điều tra biết rằng tờ *Công-Luận*, tức là tờ *L'Opinion* bằng Pháp-ngữ, là của một công-ty người Pháp, và dĩ nhiên là một tờ báo triết đẽ thân Pháp.

Người bạn học cũ của Tuấn làm trợ bút ở báo này chắc là phải theo đường lối của chủ, nghĩa là của Pháp, không thích hợp với chủ-nghĩa quốc-gia của người Việt Nam. Tuấn biết như thế và thận trọng trong câu chuyện tiếp-xúc với người bạn cũ.

Thời bảy giờ nhưt báo ở Saigon phát hành vào khoảng 9 giờ đêm để bán mãi cho đến sáng sớm hôm sau, và tòa soạn làm việc từ 5 giờ chiều, báo lên khuôn lúc 7 giờ tối.

8 giờ, Tuấn gặp người bạn tại trước cửa tòa soạn. Anh bạn trợ bút dắt Tuấn đi ăn « bánh đập » ở góc đường Frère Louis và uống xá xí. Đường Frère Louis nay đổi tên là đường Võ Tấn, và tiệm « bánh đập » ở trên một khoảng đất trống khá rộng nay là chợ Thái-Bình. Đây là tiệm bánh đập có tiếng nhưt ở Saigon thời bảy giờ, lúc nào cũng đông khách, người tới lui tấp nập. Loại bánh đập này là một món ăn bình dân rất được

TUẤN CHÀNG TRAI

dân chúng Saigon ham thích trước đây 30 năm, không hiểu vì sao ngày nay biến mất, không còn thấy ai bán nữa.

Tuấn và anh bạn trợ bút (nay gọi là ký giả) báo *Công-Luận*, ngồi riêng một bàn nhỏ ở góc sân gần trong bóng tối. Vừa ăn vừa nói chuyện về « quốc sự » — một đề tài bị người Pháp cấm ngặt thời bấy giờ, nên phải nói thì thầm lén lút, giữa đám đông người

Câu chuyện kéo dài đến 10 giờ nhưng anh trợ bút báo *Công Luận* xem chừng không hăng hái chút nào đối với công việc dự định tổ chức một kỳ bộ VNQDĐ ở Saigon. Anh ta nói thì hùng hồn lắm, nhưng lại nhất gan, không dám tham dự một cuộc phiêu lưu cách-mạng nguy hiểm. Cuối cùng anh ta định giới thiệu cho Tuấn một giáo sư bạn thân của anh cũng một người « có đầu óc ».

Tuấn gặp ông Giáo sư người Nghệ an, trước dạy trường Collège de Vinh, bị đuổi vì tham gia vào các cuộc bãi khóa của học sinh năm 1927. Ông trốn vào Saigon, dạy tư tại trường Phan-Bá-Lân, và có tiếng là một tay « quốc-sự » hăng hái nhưt. Nhưng ông đã có chân trong một

« Hội kín » gọi là « Thanh Niên Cách mạng Đồng chí-Hội ». Ông công kích V.N.Q.D.Đ. cho rằng Q.D.Đ. « làm việc hồ đồ », « thiếu kỷ luật » và « tổ chức không chặt chẽ ». Thay vì hưởng ứng kế hoạch thiết lập Kỳ Bộ V.N.Q.D.Đ của Tuấn, ông Giáo sư lại muốn lôi kéo Tuấn vào Thanh Niên Cách-mạng Đồng-chí-Hội, và đề nghị Tuấn về thành lập Kỳ Bộ ở Thủ đô Bắc Kỳ.

Tuấn từ chối và nhưt định trung thành với V.N.Q.D.Đ. Nhân dịp viếng Saigon, Tuấn hân hạnh được quen biết một vài bạn trẻ ở « Hội kín Nguyễn-An-Ninh », và « Tân Việt Cách-Mạng đảng », Tuấn mở rộng tầm quan sát và thấy rằng ở Saigon, các « Hội kín » hoạt động nhiều hơn hăng hái và có phần tự do hơn ở Hà nội. Người bạn trợ bút rủ Tuấn ở Saigon để hoạt động.

Nhưng đời sống quá rộn rịp của « Kinh đô Ánh sáng » không thích hợp với Tuấn một chút nào cả. Mới ở được 5 hôm, một buổi tối Tuấn đi chơi về khách sạn, gặp anh bồi phòng ngồi trên một chiếc ghế đầu trước cửa vào. Anh bồi phòng cho Tuấn rõ : có tên

Dang midol

1300/B.Y.T./D.P.D.C.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

lính Mã tà mướn phòng ở đối diện với phòng số 9 của Tuấn, và thừa lúc Tuấn đi vắng hẳn lên mở cửa phòng của Tuấn (hắn có chìa khóa mở được phòng số 9) và lục soát đồ đạc của Tuấn để trong phòng. Đồ đạc của Tuấn thì có chi! Một chiếc va li cũ kỹ đựng vài bộ áo quần thôi. Ngoài ra Tuấn có đem theo một mớ giấy thuyết Pháp và Anh để đọc trong lúc rảnh, và một quyển Tự điển Larousse, một quyển tự điển Anh.

Tuấn không một chút lo ngại, và còn mong người lính « Mã tà » khám xét thiệt kỹ phòng ngủ của chàng để thấy rõ ràng chàng không có gì khả nghi, và chàng là một người hoàn toàn « lương thiện ». Nhưng chiều hôm sau Tuấn hết sức ngạc nhiên nhận được giấy gọi đến Sở Mật thám Pháp ở Sài Gòn.

Tại đây một viên thanh - tra Pháp xem thẻ căn-cước của Tuấn rồi hỏi:

— Cậu là sinh-viên ở Hà-nội, cậu vô Sài-gon có việc chi?

Tuấn trả lời liền:

— Tôi vô Sài-gon để tìm việc làm.

— Ở Sài-gon không có việc làm cho cậu. Tốt hơn cậu nên về Hà-nội,

— Tôi cũng định ở Sài-gon vài ba hôm nữa rồi trở về Hà-nội.

Viên thanh-tra mật-thám Pháp ngó thẳng vào mắt Tuấn và truyền lệnh:

— Không! Cậu phải mua vé xe lửa về Hà-nội ngay 7 giờ tối nay.

— Thưa ông, tại sao thế ạ?

— Không tại sao cả. Nếu cậu còn ở lại đêm nay, tôi sẽ cho lính mã tà đến bắt cậu.

Tuấn không có đồng hồ. Ngó lên vách tường, đồng hồ của phòng giấy mật-thám đã 5 giờ 30. Tuấn chỉ còn hai giờ để sửa soạn hành lý và mua vé xe lửa về Hà-nội. Tuấn còn đi ăn cơm ở tiệm « các chú », ra đến ga chỉ còn 5 phút. Tuấn vội-và mua vé và xách xa-li len-lỏi đám đông hành khách ra bến.

Một tên lính mã-tà đứng soát giấy căn-cước ngay chỗ cửa. Sơ trễ tàu, không muốn để hẳn xét giấy, Tuấn xách va-li đi thẳng. Người lính mã-tà gọi Tuấn lại, và chạy theo Tuấn vừa gọi:

— Ê, cậu kia?

Tuấn chỉ kịp bước lên tàu trong lúc tàu suốt Saigon-Hà-nội hự lên một tiếng chát tai và từ-từ lăn trên đường sắt... Nghiêng đầu ra cửa sổ hạng tư ngó xuống bến, Tuấn còn thấy tên lính mã-tà đứng hẳn-học chỉ ngón tay lên Tuấn, miệng chửi thề:

— Đ, mẹ mầy! Coi chừng nghen!

(còn nữa)

KU KLUX KLAN

xưa và nay

* Đoàn-Bích

ĐÊM thứ năm 25-3-65, một thiếu phụ da trắng 39 tuổi Bà Viola Gregg Luizzo dùng xe hơi để chuyển vận những người dự cuộc biểu tình tuần hành chống nạn kỳ thị chủng tộc tại Selma (tiểu bang Alabama) đã bị một kẻ lạ mặt bắn một phát đạn vào gáy chệt ngay trên tay lái. Một lần nữa tàn thảm kịch kỳ thị màu da tại Hoa kỳ lại ghi thêm một nạn nhân.

Theo lời thanh niên da đen ngồi trên xe bà Luizzo cho biết thì trong lúc xe của họ đang chạy về hướng Selma, một chiếc xe chạy ngược chiều trên xa lộ đã xả súng bắn vào bà Luizzo. Y vội nằm xuống sàn xe và thoát nạn. Chống của nạn nhân đã gửi thư lên Tổng thống Johnson đề yêu cầu trừng trị thủ phạm và dự

« Đảng Ku Klux Klan cũng như bọn khủng bố ở Việt-Nam không làm cho chúng tôi sợ ».

(Lời tuyên bố của Tổng-Thống Hoa-Kỳ L.B. Johnson)

luận báo chí Mỹ sôi nổi trước hành động tàn ác của đám người có dấu óc kỳ thị màu da.

Chưa đầy 24 tiếng đồng hồ sau khi xảy ra vụ ám sát bà Luizzo Tổng Thống Johnson loan tin các nhân viên Sở Công An Liên Bang Hoa kỳ đã bắt giữ 4 đảng viên trong tổ chức Ku Klux Klan ở Alabama đã nhúng tay vào vụ này.

Ngay sau khi loan báo tin trên đây, Tổng Thống Hoa-Kỳ tuyên bố ông đã ra chỉ

thị cho Ông Katzenbach, Bộ trưởng Tư Pháp, soạn thảo một dự luật « đặt các hoạt động của đảng Ku Klux Klan dưới sự kiểm soát thực tế của pháp luật ». Ông xác nhận thêm rằng ông sẽ đệ trình dự luật đó lên Quốc Hội ngay sau khi biểu quyết bản văn dự luật Dân quyền.

Mặc khác, Tổng Thống Johnson cũng tiết lộ rằng ngay sau khi xảy ra vụ ám sát Bà Luizzo, các nghị sĩ Quốc Hội đã mở những cuộc điều tra cần thiết về hoạt động của đảng Ku Klux Klan. Riêng về 4 đảng viên của tổ chức này đã bị Sở Công An Liên Bang bắt giữ, họ sẽ bị đưa ra trước Tòa Án về tội « âm mưu vi phạm dân quyền của một công dân là Bà Luizzo. » Họ có thể bị kết án 10 năm tù ở, và 50.000 mỹ kim tiền phạt mỗi người.

Tại Selma, dân chúng rất xúc động sau vụ ám sát Bà Luizzo và những tin đồn dấy về hoạt động của đảng Ku Klux Klan một lần nữa lại làm xôn xao dư luận khắp nơi.

Cơ ác mộng của người da đen

Muốn tìm hiểu tổ chức Ku Klux Klan — thường được viết tắt là KKK hoặc 3 ngôi sao nhỏ — người ta cần đi ngược dòng thời gian khoảng một trăm năm về trước.

Năm 1865, đám nô lệ da đen từ Phi Châu mang qua Mỹ châu khi những người da trắng từ Âu châu mới khai khẩn và lập nên Hợp Chúng Quốc, được trả tự do và trên lý thuyết, được bình đẳng về mọi phương diện với người da trắng. Khi ấy, một số người da đen được tự do đã đi quá quyền hạn của họ là tìm cách trả thù lại những chủ nhân da trắng trước kia đã từng áp bức họ. Một số khác ôn hòa hơn, chủ trương tranh đấu lâu dài một cách ngấm ngấm nhưng dù sao cũng dễ gây ra những sự hiểu lầm đáng tiếc hoặc những sự đụng chạm hàng ngày với người da trắng.

Đặc biệt là tại Miền Nam Hoa kỳ, nơi mà mỗi cảm hờn thất trận trong cuộc Nam Bắc phân tranh vẫn còn âm ỉ, những người da trắng tìm đủ mọi cách để kìm hãm mọi sức tranh

đấu của người da đen. Họ sợ rằng sau này, những người da đen có thể trở thành một mối đe dọa thường xuyên về mặt xã hội đối với họ.

Để khỏi vi phạm hiến pháp bình vực quyền bình đẳng của mọi công dân Hoa kỳ, không phân biệt màu da, những người da trắng Miền Nam đã áp dụng nhiều phương pháp khác nhau, hầu hết là bất hợp pháp. Để ngăn cản quyền bầu phiếu của người da đen, đảng Ku Klux Klan ra đời,

Đó là một đảng bí mật của người da trắng lập ra để cảnh cáo hoặc khủng bố người da đen quá khích. Hội viên KKK hoàn toàn vô danh và tất nhiên là hội hoạt động ngoài vòng pháp luật.

Cứ mỗi khi màn đêm buông xuống là có từng đoàn ngựa xuất hiện với những kỵ sĩ mặc áo rộng trắng, đầu chụp một thứ mũ trắng kín mít chỉ chừa có hai con mắt, trông chẳng khác nào những âm binh từ miền Địa Ngục hiện về. Những nhóm kỵ sĩ đó tới đốt nhà hoặc tra

tàn những người da đen « cứng đầu. » Họ thường mang theo những cây thánh giá lớn tầm đầu sấu, khi hành động tại một nơi nào xong họ thường đốt cây thánh giá ấy cắm xuống đất trước khi rút lui, để ghi lại một « chiến công » của đoàn KKK.

Chẳng bao lâu, những cuộc tàn phá, giết chóc do đảng KKK gây ra đã trở thành một gánh nặng, một mối kinh hoàng hay đúng hơn nữa một cơn ác mộng cho những người da đen ở Miền Nam Hoa kỳ.

Khởi đầu hoạt động từ hạt Tennessee năm 1866 đảng KKK phát triển mạnh trong vòng 4 năm sau và đã làm suy sụp quyền hành của người da đen tại một vài tiểu bang ở Miền Nam Thời kỳ vàng son này của đảng KKK, hơn 4 triệu đảng viên đã đặt được cả các chi nhánh của đảng tại các tiểu bang Miền Bắc.

Tuy nhiên đảng KKK đã gặp nhiều biến thiên tùy theo các thời kỳ thịnh vượng trong

Dùng

midol

1360/BY.T/DPDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dùng

midol

1360/BY.T/DPDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

nước hay suy yếu về kinh tế. Người da trắng Miền Nam Hoa kỳ đã lấy lại được uy tín trong Liên Bang và vấn đề đen-trắng được tạm yên. Nó trở lại trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế vào năm 1930 trở đi nhưng rồi chìm dần với cuộc Đệ Nhị Thế chiến 1939-1945. Trong thời kỳ này giá trị người da đen được chứng tỏ trong các xưởng kỹ nghệ, các ngành chuyên môn cũng như ngoài trận địa. Người ta thấy rõ ngoài chiến trường, công dân da đen Hoa kỳ cũng chết vinh quang cho tổ quốc họ, không khác gì công dân da trắng.

Từ đó, mỗi năm trăm trắng-đen được lắng xuống và những hội viên *Ku Klux Klan* cũng xếp áo, cắt mũ chụp vào một xó...

Một cuộc « thánh chiến »

Cuộc tranh chấp trắng-đen lại bắt đầu nổi dậy vào hồi cuối năm 1962 tại Hoa kỳ. Những vụ rắc rối đẫm máu, những cuộc biểu tình ầu đã dữ dội giữa những người kỳ

thị chủng tộc và những người đòi bình đẳng màu da, đã xảy ra liên tiếp tại nhiều nơi. Sau vụ *Little Rock ở Arkansas*, tới vụ *Oxford ở Mississippi*, vụ *Birmingham ở Alabama*, vụ nào cũng có súng nổ, người chết, và gần đây hơn hết là vụ *Selma*...

Cuộc tranh chấp đòi bình đẳng của người da đen lần này có tính cách quan trọng hơn trước vì họ đã có một nhà lãnh đạo nổi tiếng thế giới. Đó là mục sư *Martin Luther King*, người được giải thưởng Hòa Bình *Nobel* năm 1954.

Mục sư King đòi bình đẳng trong ôn hòa. Ông xin cho người da đen vào nhà hàng ăn uống cạnh người da trắng, trẻ con da đen được học cùng trường với trẻ con da trắng. Những sự đòi hỏi này thật chính đáng và rất hợp lý, nhưng sự đáng tiếc đã xảy ra là vì những hành động quá khích của một số người, đen cũng như trắng. Do đó, những vụ xung đột lại xảy ra cùng

với những cuộc biểu tình tuần hành liên miên, những vụ bắt bớ của Cảnh Sát giữ gìn trật tự công cộng... Tất cả lại làm cho cuộc tranh chấp trắng-đen trở nên sôi nổi.

Để trả lời câu tuyên bố của Tổng Thống Johnson rằng « Đảng *Ku Klux Klan* cũng như bọn khủng bố ở Việt Nam không làm cho chúng tôi sợ », đảng *Ku Klux Klan* cũng tuyên bố rằng họ đã sẵn sàng để phát động một cuộc « thánh chiến » để đòi phó với lời hăm dọa của Tổng Thống Johnson muốn tiêu diệt Đảng này.

Đồng thời, ngày 28-3-65, hai thủ lãnh của KKK là *Robert Shelton* và *Calvin Craig* cũng đã yêu cầu được gặp Tổng thống Johnson, để thảo luận về việc đảng viên đảng này bị bắt giữ sau khi xảy ra vụ ám sát bà *Viola Luizzo*.

Trong bức điện văn gửi cho Tổng thống Johnson, các thủ lãnh đảng KKK đã viết đại khái như sau :

« Đại diện cho cảm tình chân thật của hàng triệu người Mỹ

chúng tôi muốn đàm thoại riêng với Tổng thống về những lời tuyên bố của ông liên quan tới đảng *Ku Klux Klan*, cũng như tới sự lựa chọn các thẩm phán tòa án tối cao, tới mức tăng mỗi ngày một nhiều của các trọng tội và tới văn nghệ khiêu dâm đang tràn ngập Mỹ châu... »

Lời lẽ cứng rắn của các thủ lãnh KKK trong bức điện văn trên đây cũng như lời đe dọa mở cuộc « thánh chiến » chống lại chính phủ Johnson liệu có thể trở thành sự thật hay đó chỉ là lời đe dọa suông ?

Theo một bản tin của hãng UPI thì con số đảng viên *Ku Klux Klan* trên toàn cõi Hoa-kỳ trong vòng hai năm nay vào khoảng 65.000 người. Nhưng cũng có người cho rằng số đảng viên không quá 25.000 người. Đó là không kể những người có cảm tình với hội KKK hoặc những người ủng hộ đảng này về mặt tài chánh.

Một số hội viên KKK đã lợi dụng những câu lạc bộ săn bắn để tích trữ súng ống và

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

đạn dược. Một số đảng viên khác ở các miền quê biết sử dụng rất thông thạo các loại súng và các chất nổ.

Cũng vẫn theo hãng thông tấn trên thì một đảng viên KKK ở Georgia đã tuyên bố hồi tháng 9 năm 1964 rằng họ thường tập bắn hàng ngày tại câu lạc bộ săn bắn địa phương và đã có tuần họ bắn tới cả ngàn viên đạn. Tóm lại, đảng viên KKK hầu hết là những tay thiện xạ.

Hiện thời, các nhà chức trách Liên bang đang bán khoán về việc nêu các đảng viên Ku Klux Klan rút vào bí mật và phát

động một cuộc chiến tranh ác liệt chống đối người da đen và những người giúp đỡ người da đen, thì đó cũng là một mối lo ngại đáng kể cho chính quyền. Người ta chưa quên vụ 40 000 đảng viên đảng này đã biểu tình tuần hành ngay tại thủ đô Hoa thịnh Đôn vào năm 1925.

Bởi vậy, có người cho rằng nếu muốn cho sự việc ấy không thể tái diễn, tốt hơn hết là Chánh phủ Johnson phải hành động ngay.



● THI ĐUA NÓI DẠI

Các sinh viên của trường Đại học Leicester đã tổ chức một cuộc thi đua rất hào hứng: thi đua nói đại.

Các cậu chia làm hai tốp, mỗi tốp 30 người và họ đã nói luôn miệng không ngừng trong... 174 giờ (7 ngày 6 giờ).

Khô nổi cho cái ông đứng ra tổ chức cũng đã phải nói luôn trong 16 giờ đề chỉ dẫn, bàn bạc, chỉ trích, biện bác v...v... với tư cách trọng tài.

đường Phan-thanh-Giản

Anh trở lại con đường Phan thanh Giản

Mùa thu sâu rũ tóc xuống vai nghiêng

Cây trơ cành bên vệ đường ảm đạm

Mất em rồi thành phố cũng ưu phiền

Khi những bình minh đi về quá khứ

Khi những cô đơn đi về tương lai

Anh gọi tên em trong tiếng thở dài

Bước lưu lạc ôi chao đời lữ thứ

Nếu đừng cho anh nụ hôn tình tứ

Nếu đừng nhìn anh bằng đôi mắt sao đêm

Nếu chúng mình hai kẻ vẫn không quen

Anh đâu khờ khi nhìn em hồ hững

Buồn rụng xuống con đường Phan Thanh Giản

Mây u sầu thê thảm quá em ơi

Bóng tối mênh mông, bóng tối cuộc đời

Trong khoảnh khắc biển sâu vào vô định

* NGỌC-HUYỀN-PHƯƠNG

(Thi văn đoàn Hoa-Quê-Hương)



Truyện ngắn
★ NGUYỄN-VẠN-HỒNG

NGŨ HÈM CỦA ĐÀN BÀ

U YÊN cặp tay một gã đàn ông băng qua một ngã tư đèn đỏ, nàng ăn mặc thật đơn giản; toàn đen, vẫn chiếc áo của năm xưa, đen lóng lánh, diềm rớt vài bông tí ngọc. Chiếc áo mà Duy thích nhất và thường khoe với tôi.

Thật là chó, ai lại đi thích màu đen, ấy thế mà tao thấy lý tưởng nhất. Uyên chỉ có thể lộng lẫy khi nàng mặc như thế, rồi Duy cười phá lên, nụ cười tự mãn của kẻ chinh phục. Mỗi lúc như thế thường tôi không có ý kiến gì hết, bởi tôi cảm thông tiếng nói ân tình. Nhất là những mối tình Nguyễn Đan, đôi bên sẵn sàng ký kết với nhau những thỏa ước hiển

mình không tiền khoáng hậu. Nghĩa là khi yêu người ta có thể từ chối cả thần thánh là đằng khác chứ đừng nói đến những ràng buộc gần gũi, cha mẹ, anh em. Còn với Duy lâu ngày rồi không hiểu vì sự lôi kéo của hắn, hay vì quá thân, hoặc có thể vì một đời là tiếp xúc với Uyên, dần dà tôi cũng rơi vào sự đồng tình với Duy bao giờ mà không hay. Đúng rồi Uyên quá đẹp trong màu đen nháy chớp đó. Một phần có lẽ vì cái cô tóc vừa trắng của Uyên, phần khác vì nhân giới của chúng ta vốn thích và lười biếng điều tiết, nên không muốn mất đi một hình ảnh quá thuộc. Hơn thế ở Uyên tôi

gặp gần đủ các yếu tố để làm một người thương. Thật chẳng trách Duy bao giờ hắn cũng lý luận để ra tung con nhò như là hột gạo của cùng còn sót lại trên sàng,

Uyên bước vội vàng lên hè phố, khi đèn xanh bật lên, nàng vội vàng đưa tay kéo gã đàn ông, răng đá lóng nheo như trách móc vài phút vài cử chỉ âu yếm. Tôi đưa tay dụi mắt thật nhanh và cảm tưởng hơi tàn nhẫn chợt đến, tôi cứ định nhìn gã đàn ông

là một thằng bé con và dáng điệu của Uyên bấy giờ có vẻ gì bao nhiêu của một bà mẹ. Người đàn ông mang kiến cận thị, hơi móm, mặc chiếc áo chim cò chẳng biết những nhật trình vớt bừa bãi trên đó, chiếc áo thụng thịnh bở ra ngoài, quần màu cà phê sữa. Cứ nhìn dáng dấp của gã tôi nghĩ rằng gã có vẻ là một lái buôn, một thầu khoán, một ông chủ lớn điền, hay ít ra cũng thuộc loại dân chạy áp phe hơn là một nhà sư triết lý. Tôi đương mặc áo quần nhàn, mang lọn quan trọng, với cái công thức gò bó của quan kỹ, tôi phải giữ đúng tác phong của một sĩ quan ở ngoài lộ, vì thế mà dùng một cái, tôi đã không ứng không kịp suy xét, nhìn ứng trẻ con như một đứa bé nhát kéo, tôi đã đánh liều nhò

phẹt một bãi nước bọt, dính ngay vào mũi giày màu nâu của gã đàn ông. Tôi đưa tay vờ làm một cử chỉ, hối tiếc cho sự bất cần vô tình của mình.

— Không có gì, gã đàn ông cười nhẹ nguyên bộ răng vàng trông thật đáng ghét, bình thường tôi đã ghét mấy đứa bịt răng vàng rồi.

Uyên quay lại và chùng như nàng nhận ra tôi nên vội vàng đưa tay sửa lại cái kính râm trên mắt, rồi móc ở xách tay một chiếc khăn mù xoa.

— Lau đi anh. Uyên giả vờ xem đồng hồ tay một cách bối rối ra mặt, nàng buột miệng với một giọng thản nhiên tỉnh lơ :

— Lẹ anh, coi chừng trễ, đoạn nắm tay gã đàn ông lỏi đi xềnh xệch đến không kịp bỏ chiếc khăn vào xách, rồi nàng chạy trốn trong rừng người Sài Gòn chiều thứ bảy.

Tôi cảm thấy một sự tức giận tràn hông, tôi văng tục một mình, và ở cò có một cái gì ám ức nghẹn nghẹn. Vì Duy ? vì tự ái ? vì danh dự ? phản bội ? chung thủy ? ngoại tình ? Vì cái gì mà làm quái gì ? Tôi muốn chạy theo tìm Uyên và hời tạt nước lạnh vào mặt nó :

— Mày quên tao rồi sao Uyên ? Tao là bạn của thằng Duy đây này, người đã đọc gần hết thư tình của mày gửi cho thằng Duy, đã ăn cơm với Duy tại nhà mày một

tuần lễ nhân dịp mãn khóa. Người đã trực thay cho thằng Duy về phép đều đều thăm mầy. Người đã nhận được thư cảm ơn của mầy năm lần bảy lượt.

— « Tuần này anh về có một mình, thấy anh là tôi nhớ anh Duy muốn chết đi được ». Mầy chẳng từng nói với tao câu ấy sao Uyên ? Và cuối cùng ít ra tao cũng là người đã... đã... à, mà thôi.

Duy ơi ! Tao biết rồi, mọi việc cũng đến đây, nhưng tao không ngờ nó khốn nạn đến nước này là cùng. Tao ghi nhận cái chết thật đẹp của mầy, một hình ảnh mà tao nhớ suốt đời. Lúc trút hơi thở cuối cùng mầy chẳng nhắc đến cha mẹ, anh em, bằng hữu mà mầy nhớ ngay đến người tình của mầy. Tình yêu thức dậy và loé lên trước nhất khi người con trai vĩnh viễn ra đi.

— Tâm à ! Mầy nói với Uyên đừng chờ đợi tao nữa, hãy lấy chồng đi — mầy cười, nụ cười hồn nhiên, tao vuốt mắt cho mầy, mầy biết không Duy ? Tao siết tay mầy lần cuối cùng trước khi trở về vị trí chiến đấu, chậm chút nữa tao cũng bỏ mạng rồi. Thà vậy mà khoẻ đó Duy.

Trong một cuộc hành quân ở

miền tây. Chúng tôi lọt vào phục kích của quân thù lúc 5 giờ chiều. máy bay yểm trợ đã bắt đầu thả trái sáng, hỏa lực của địch khá mạnh, và dường như quân số của chúng đông gấp đôi bên ta, chỉ huy hành quân ra lệnh phải cố thủ để mở đường máu trong khi chờ đợi tiếp viện. Và Duy đã anh dũng dấn nợ nước do quân quả ca-nông vô tình của bên ta, chỉ huy một trung đội tấn công thám, quả ca-nông đã rơi cách đó không xa chiến đấu cá nhân của hắn chưa đầy hai thước. nửa giờ sau đó lực lượng tiếp viện đến nơi, địch phải chiến đấu một cách lẻ tẻ trước khi rút lui. Đám tang của Duy được cử hành hai ngày sau đó theo thủ tục và nghi lễ của một sĩ quan thời chiến, tuy nhiên hắn có một cái ân huệ là còn có tôi bên cạnh, tôi với hắn là bạn nối khố cùng ở một thôn quê chống Pháp, tản cư ở với nhau một chỗ, cùng học một trường ở Trung đến Đại Học, và cùng được gọi đi một khóa, rồi có lẽ vì dấn nợ, khi ra ngành lại ở chung một đại đội. Có thể nói một cách dễ hiểu, hắn là tôi mà tôi là hắn, hai đứa như hình với bóng thì đến nỗi nhiều lúc nói đùa chúng tôi dự định cưới chung một vợ, hoặc hai đứa sẽ thành hôn một

lần, mặc dầu lúc hắn có Uyên thì An em gái hắn chưa một lần hẹn hò với tôi. Tôi lục trong ví của Duy còn một ít tiền, 5,7, cại bóng với một lá thư Uyên mới gửi cho hắn và một lá thư hắn viết trả lời cho Uyên còn nửa chừng.

Cũng trong tuần ấy tôi trở về thăm nhà, kể chuyện thằng Duy chết cho mẹ tôi nghe, bà khóc nức nở, bà thương thằng Duy như thương tôi, bà lo cho thân phận thằng con còn lại sau cùng của bà, bà quán quít bên tôi như không muốn cho tôi ra khỏi nhà, bà kể cho tôi nghe không biết bao nhiêu lần về cái chết anh dũng của ba tôi thời kháng chiến chống Pháp ở trận Kom-lông. Bà đưa ra nhiều hình ảnh bi đát của chiến tranh, nhất là cuộc chiến tranh bẩn thỉu không trận tuyến bây giờ, cuối cùng bà khuyên tôi thận trọng, đừng liều mạng sống, tôi chỉ cười và nói một câu an ủi bà và vỗ về chính mình, số phận cả mẹ ả, mẹ cũng lo. Tôi xin phép mẹ tôi, sang báo tin cho gia đình thằng Duy, nhưng thật ra tôi đến nhà Uyên trước, nhà Uyên ở vào một khu khá sang trọng, đông ngoại-kiên. Công bố ngõ, nên tôi không buồn làm chuông, một con chó ngoáy

đuôi chào tôi ý chừng nó tưởng là Duy, người tình của thân chủ nó. Đôi mắt con chó lim dim trông đến tôi, có lẽ linh tính nó báo trước một điềm chẳng lành. Tôi vào lối cửa sau, ngõ này tôi và Duy thường vào mỗi lần đến đây vì nó nằm kế phòng của Uyên. Má của Uyên đang ngồi sơn móng tay cho con bé Lai, em kế Uyên. Thấy tôi về thình lình bà cụ niềm nở một cách thân mật :

— Gớm, các cậu này cứ làm tôi giật mình, rồi bà vỗ lên đầu con Lai.

— Các anh mầy về kia, chắc lại có châu kem hay ciné chiều nay đó.

Tôi cười không ra tiếng và hỏi bà cụ :

— Chị Uyên không có ở nhà hở bác ?

— Em nó sắp đi chải tóc, chắc còn đương trang điểm. Vừa lúc ấy thì Uyên chạy xuống, bộ đồ ngủ thất dây ngang hông với cái bàn chải trên tay.

— A anh Tâm ! rồi nàng đưa mắt thật nhanh ý chừng tưởng Duy đi vào sau hay bận việc gì đâu đó.

— Anh Duy lại hẹn hò với cô nào đằng nhà chắc, hay không về Uyên hỏi.

Tôi tự lự trước sự vồn vã đó

và chưa kịp trả lời thì Lai xen vào.

— Tuần này có Le pont hay lắm, anh Duy không về thật là đáng cái đời anh ấy.

Bà cụ lại dẫn từng tiếng :

— Chúng mày hư đến tột, làm như thằng Duy chưa được xem chiếu bóng bao giờ. Cứ làm như con nít nên ba, thấy mà ghét Duy nó bận công tác há cháu ?

— Vâng ạ !

Thế là bà già đã tình cờ tìm cho tôi một lối thoát vừa đúng lúc. Tôi đương phân vân do dự không biết phải nói điều gì, trước khi đến đây tôi đã suy nghĩ cố trăn trĩnh để tìm một môi trường xúc tiếp dần dần sự xúc động may ra để Uyển khỏi ngất xỉu. Bây giờ tôi rơi vào trạng thái thật khó khăn của ý thức. Chẳng biết phải hành động thế nào cho hợp lý, tôi không tài nào can đảm chứng kiến một đồ nát kinh khủng. Những thất vọng được nuôi dưỡng bằng kỷ niệm và mơ mộng là vô xé đau thương nhất cho một đời người. Một bi tráng nào đó cũng không đủ mãnh lực để lôi kéo tình yêu theo nó. Bây giờ tôi thích được yên ổn như thằng Duy, thật là khó, khi phải đóng vai trò người đem hung tin, — Tôi vờ cúi đầu xuống dí mũi giày đập tắt điếu thuốc, thật ra để cố tránh những tia mắt

của mọi người, những đôi mắt vô tư đến tội nghiệp, tôi hình dung một sự thảm thương đương đông đặc danh lại trên đám sáu con người đó.

Tôi ngập ngừng như người mới tập nói :

— Chị Uyển à, . . . Duy nó bận công vụ không về được, nó có gửi thư cho chị, nó bảo gặp rồi quá nên viết hơi câu thả chị đừng trách, nó cũng dặn thêm là nó vừa nhận được lệnh chuyển chuyển nên chị chờ địa chỉ mới của nó ở thư sau, chứ đừng viết trả lời vội.



Tôi chỉ nói thật mau được có bấy nhiêu rồi cáo từ, viện lẽ phải về đơn vị cho kịp buổi chiều. Thôi ra, tôi sang nhà An để báo tin và chỉ nơi an nghỉ của thằng Duy. Ở đây tôi đã đóng vai trò của Duy, của một người anh cả. An ôm tôi vào lòng khóc nức nở, thì dần người ra như người mất trí, giá ở vào những lúc khác thì tôi hiếm dịp tôi được cái cảm giác mà bây giờ tôi mới đoán rằng có

lẽ êm đềm lắm. Sau lần này tôi không bao giờ đến nhà Uyển một lần nào nữa. Tôi sợ bắt gặp những tia mắt khốn khổ, thảm thương của cái gia đình ấy. Tôi tôn trọng những cảm tình thiêng liêng của bà Phán, của Uyển, của Lai, của Duy.

Tôi cũng sợ rằng sự lui tới thường xuyên của tôi sẽ là một cái cớ khơi lại vết thương đau lòng cho họ, sự lui tới thường xuyên của tôi sẽ có thể đưa tôi đến một sự bội phản ngoài sức tưởng tượng vì chắc chắn sự đi lại ấy sẽ dẫn tôi vào tình yêu và sự quí mến khâm phục. Có thể tôi sẽ yêu Uyển cuồng điên hơn cả Duy vì biết đâu một lúc nào đó tôi chẳng phải làm tròn 3, 4 bốn phận. Và như thế vô tình tôi đã dẫm lên trái tim của thằng bạn từng chia xẻ ngọt bùi với tôi, còn hơn thế nữa tôi phải phản bội An em gái Duy, người yêu của tôi, tôi đã phải vô tình nhận hai nguyên rủa cùng một lượt. Nhưng dẫu chỉ là những tiền ý được khơi dậy từ lương tâm, tôi nghĩ rằng những tấn tuồng cái lương như thế này vẫn có thể xảy ra trong sinh hoạt hằng ngày của đời sống. Nhưng trong thực tế đã khác hẳn như thế. Sự thật tôi đã lầm, và còn lầm to là khác.

Tôi không đuổi theo Uyển, mà kêu taxi về ngay nhà An, An mừng rỡ tiếp tôi, tôi kể chuyện gặp Uyển, An theo dõi câu chuyện có vẻ thờ ơ, nàng không chịu bình luận gì hết, nàng thản nhiên nói với tôi bằng một giọng kiêu hãnh dèch chịu được. Chút xíu nữa thì tôi tát tay vào sự bình thản đó :

— Ồ có gì mà anh lấy làm ngạc nhiên và bức tức dữ vậy anh... femme c'est une femme mà anh, và biết đâu... An bỏ lửng câu nói còn nhiều hậu ý ở đó, một lúc An nói tiếp : " Với các anh thường thời đàn bà bao giờ cũng là một tuyệt tác — La femme est le chef d'oeuvre de l'univers nhưng tại sao không hiểu rằng có thể một đôi khi họ cũng là nguyên nhân của những cái gì bi ối nhất La femme est le plus affreux de tous les maux ".

Câu nói của nàng làm tôi sững sốt và bắt đầu những ngờ vực bần thiêu. Quả con đường đi vào đàn bà có nhiều hiểm hóc dơ dáy. Những Uyển, những An, những Ngân, những Xinh, những X, những Y, những Z rồi đây sẽ ra sao ? Những lúc như thế này tôi ao ước được cầm ngay súng để tham chiến và sẵn sàng bắn ngay những ai đứng trước

mặt. Tôi từ chối cơm bữa tối mà An đã sửa soạn. viện có có hẹn một người bạn trai lâu ngày không gặp. Trên bàn thờ của Duy những cây nhang vẫn cháy đều đều từ 5 tháng nay, tôi đỡ tấm vải điều nhìn khuôn mặt của Duy, hẳn đương cười với tôi. hay cười những câu nói của đứa em gái hẳn vừa rồi, cả hai đều mang một chua xót vô vàn. Duy ơi! Tao thương mày, giá tao cùng đi luôn với mày dạo đó có lẽ khỏe hơn bây giờ biết mấy. Tôi tự nói với lương tâm sẽ không bao giờ đến đây một lần nữa, tôi không muốn gặp lại những quen thuộc mà xa cách, những gần gũi mà trống vắng, tôi muốn được đối diện với Duy, để xem phản ứng của hắn. Và tôi nguyện sẽ

sống với dĩ vãng suốt đời, cái sống của tôi bây giờ thật là vô vị sống nghĩa là chưa được chết.

Duy, tao muốn nói với mày một câu ngắn gọn nửa trước khi từ giã, tao mượn lời của thằng Lambert trả lời Rieux trong La Peste— Duy à! — Il peut y avoir honte à être heureux tout seul. Mày ích kỷ lắm Duy à. «Thật là xấu hổ nếu chỉ biết đi tìm sung sướng một mình» nhưng dù sao tao cũng kể cho mày nghe về những nét sống bi thảm của tao, của những người thân yêu với mình, với mọi diễn biến kịch cớm kể từ khi mày vắng mặt để tìm sự thoải mái cho riêng mày.

(Viết để tặng Nguyễn đại Thuật và Võ thế Nghĩa.)



Đã phát hành :

NGƯỜI LÍNH VIỆT NAM

thơ của **TÔ KIỀU NGÂN**

- Người lính đọc **NGƯỜI LÍNH VIỆT NAM** để thấy rằng mình không bị bỏ quên.
- Người dân đọc **NGƯỜI LÍNH VIỆT NAM** để càng thêm yêu thương chiến sĩ

Sách in đẹp, bìa 3 màu của **HIẾU ĐỆ**
Phụ bản : Hình Em Gái **ĐẠ LAN**



PHỔ-THÔNG VÒNG QUANH THẾ-GIỚI

★ Trần-Quân

● NHẬT : Sau thuốc lá đến cà phê

Trước đây dư luận đã từng xô xao lên án thuốc lá là nguyên nhân của nhiều trường hợp ung thư phổi. Gần đây đến lượt cà phê bị kết tội.

Dựa vào các thông kê lập lên cho 20 nước, một người Nhật, ông Takahashi, đã quả quyết rằng nhịp độ xuất hiện bệnh ung thư nhiếp hộ tuyến (prostate) có liên lạc chặt chẽ với phân số tiêu thụ cà phê.

Thụy Điển, nước đứng đầu với 8 kí cà phê mỗi đầu người trong một năm, cũng đồng thời giữ kỷ lục về ung thư : 17 lần nhiều hơn Nhật Bản, một nước chỉ chuyên uống trà.

Ở Na uy, Đan Mạch, Phần Lan, Bỉ, mà mức tiêu thụ cà phê trung bình là 6 kí, hình thức ung thư này cũng phổ biến nhiều hơn ở Do Thái hoặc Hy Lạp, nơi người dân chỉ uống từ 500 gờ ram đến 1 kí mỗi năm. Tại sao như vậy? — Phân tích các cấu tử của cà phê rang, người ta đã tìm ra những chất hydrocarbures gây ung thư, nhưng với khối lượng rất nhỏ. Mặt khác, người ta được biết ; cà phê có chứa những chất kích thích tố (hormones), và những chất này thường có mặt trong những vụ xuất hiện ung thư tại các bộ phận sinh dục.

Tuy nhiên, vẫn để cả phê đưa đến ung thư bằng cách nào thực ra vẫn còn nằm trong giả thuyết! Chưa ai dám kết luận những tay ghiền cả phê bắt buộc phải có ung thư ở nhiếp hộ tuyến cũng như chưa thể bắt buộc các tay ghiền thuốc lá phải bị ung thư phổi!

● ANH : Học sinh tự chế lấy hỏa tiễn

Sau 2 năm làm việc ráo riết, 15 học sinh của các trường Miền Nam xứ Galles vừa hoàn thành 2 hỏa tiễn do chính họ nghĩ ra và chế ráp lấy bằng tiền túi của họ.

15 nhà khoa học «son trẻ» này tự lập thành «Nhóm tài tử chế tạo Hỏa tiễn Miền Nam xứ Galles», tất cả đều mới 18 tuổi và chẳng bao lâu nữa sẽ cùng lên bậc đại học để tiếp tục nghiên cứu về khoa học.

Thư ký của nhóm, anh Malcolm Blount, năm 1963 đã chế được một hỏa tiễn tại trường Trung Học Canton ở Cardiff, nhưng vì một chiếc tròn đỉnh ốc bị sút ra nên hỏa tiễn không phóng đi được.

Khi nhóm chế tạo Hỏa tiễn, mệnh danh Rocketry Group thành lập, họ được ngay sự tán trợ của vị đại biểu Quốc Hội Miền Tây, ông George Thomas, hiện là Thứ trưởng Nội vụ Anh quốc. Ông này liên lạc dùm với các xí nghiệp kỹ nghệ để giúp đỡ Nhóm Bạn Trẻ thực hiện chương trình.

Ngoài ra, Nhóm còn được Hội đồng giáo dục thủ phủ Cardiff giúp cho 80 Anh kim, và Bộ không Lực Anh hưởng dẫn trong từng giai đoạn chế tạo.

Hai chiếc hỏa tiễn của họ dài 1m80, rộng 6 tấc, cân nặng 6 kilô 75, có trang bị một máy phát thanh một máy thu thanh và một máy gia tốc khí (accélatem). Có thể một trong hai hỏa tiễn mang theo một máy ảnh và điều đáng kể là họ được tiếp đón long trọng như những nhà «đại bác học» khi họ tới đàn thí nghiệm hỏa tiễn của không lực Anh quốc để phóng hỏa tiễn của họ. Trước cảnh tượng trên đây, các bạn trẻ nước nhà nghĩ sao?

● MỸ : Quảng cáo cho người chết đọc

Tại California (Mỹ) có một nghĩa địa, bên ngoài có một bảng quảng cáo : « Nếu quý vị không được an táng tại mảnh đất này, cuộc đời quý vị xem như bỏ đi ». Tại Los Angelès (cũng ở Mỹ) lời quảng cáo lại khác hơn. Khắp phạm vi nghĩa địa, có 50 máy phóng thanh. Mỗi khi có đám táng ở đây, 50 máy đều thổi nhạc, nhưng không phải loại nhạc thảm thiết như Nam Ai, Khóc Hoàng Thiên mà là những bản nhạc du dương
● ★

CÁI KHÍ CHẤT VĨ NHÂN THÁNH THIÊN CỦA ALBERT SCHWEITZER ĐÃ ĐƯỢC BỘC LỘ NGAY TỪ THUỞ ẤU THƠ



ALBERT SCHWEITZER, một vĩ nhân tôn kính đời sống

★ Võ - Quế

ALBERT Schweitzer sanh ngày 14-1-1875 ở Kayserberg, Alsace. Albert trưởng thành trong một gia đình gia giáo, cha là một mục sư Thanh giáo, nên ông được hấp thụ một nền giáo dục tốt lành. Cậu bé Albert lớn lên với tiếng đàn dương cầm của nhà thờ, của giọng Kinh vang vang mỗi sớm mai và đặc

biệt là cậu đã chứng tỏ một khả năng thiên bẩm về âm nhạc ngay từ hồi còn thơ ấu.

Thuở ấu thời, cái khí chất vĩ nhân thánh thiện của cậu bé Albert đã bộc lộ bằng những mẩu chuyện sau đây :

Một ngày chủ nhật vào mùa xuân lúc đó Albert mới có 8 tuổi ông đi theo bọn trẻ bạn học bắn chim ở ven đồi. Khi ông bắt được đứa bạn học giương ná thun toan bắn con chim thì bỗng nghe tiếng chuông nhà thờ đồ liên hồi, cậu liền liệng ná thun và la cho bầy chim hoảng sợ bay đi và chạy vụt về nhà. «Mày không được sát sanh» tiếng chuông nhà thờ dường như nói với cậu như thế. Kể từ

ngày đó, Albert không giết bất cứ con vật nào mặc dù bạn bè nhạo báng, trêu ghẹo.

Việc thứ hai là một hôm bãi học, một bạn học rủ cậu ra vật lộn, ban đầu cậu từ chối nhưng bị khiêu khích mãi. Albert đành nhận. Mặc dù nhỏ con hơn đối thủ, Albert đã vật ngã George và đè trên mình nó.

« Mày thấy thế nào George? » Albert vừa thở hắt hắt vừa cười vừa nói. « Tao hạ mày phải không? »

« Đúng rồi, Schweitzer mày đã thắng cuộc » George nói.

« Đó là điều quá dễ dàng cho mày. Mày là con một mục sư và là một tiểu công tử. Có bao giờ mày biết cái đói nó hành hạ mày? Nếu tao có súp để ăn trong hai tối mỗi tuần, giống như mày, tao cũng sẽ mạnh như mày vậy. »

Im lặng. Lúc bấy giờ không nói một lời, Albert đứng dậy nhặt sách vở và vội vã chạy mất.

« Albert, Albert, hãy trở lại » George nói, « Đừng có nổi giận. Mọi người mến con của mục sư ». George cảm thấy hối hận về những lời nó nói với Albert.

Và buổi trưa hôm đó, Albert đã cáo bệnh để khỏi ăn một tiem súp lớn mà mẹ cậu dành cho cậu. Vì bên tai cậu câu nói của George còn văng vẳng không thôi. Một mình thui thủi trong phòng, trong khi cả gia đình vui vẻ ăn uống bên ngoài, Albert đã tự hứa rằng « Tôi sẽ không làm gì khác với những đứa bé hoặc làm những gì khiến chúng cảm thấy tôi giàu sang hơn chúng ».

Và cũng từ đó, Albert từ chối không mặc chiếc áo ấm mà mẹ cậu đã chăm chỉ ngày đêm đan cho cậu, mặc dù trời lạnh buốt; bởi vì cậu không muốn mình khác với những đứa bé ở trường học bởi bọn chúng không mặc chiếc áo ấm nào cả.

Khi còn là một học sinh Trung học đệ nhị cấp, Albert đã chứng tỏ là một học sinh xuất sắc môn khoa học, lịch sử và văn chương nhưng về toán thì ông không giỏi gì. Vào năm 18 tuổi ông đã vào học ở Đại học Strasbourg, một ngôi nhà cũ kỹ dọc bờ sông, nghiên cứu triết lý và thần học, và dĩ nhiên cả đàn dương cầm nữa.

Một lần đi qua Colmar, nơi cách vài dặm thuộc tỉnh quê ông, tình cờ Albert thấy bức tượng người Da đen Phi châu quỳ dưới chân bức tượng Thiên Tự do mà gương mặt bức tượng Da đen này buồn rầu như nói với Albert về sự đau khổ của chủng tộc y. Tư tưởng này gần như ám ảnh ông mãi và năm 1896, lúc bấy giờ ông được 21 tuổi, ông đã quyết định rằng ông sẽ dành suốt 10 năm sau đó để học tập âm nhạc, triết lý và thần học và khi ông được 30 tuổi ông sẽ theo đuổi công việc phụng sự nhân loại.

Năm 1898 ông bắt đầu làm luận án Tiến sĩ Triết học với nhan đề « Triết lý và tôn giáo trong tác phẩm của Kant ».

Năm 1903, Tiến sĩ Schweitzer được đề cử làm giảng sư ở Đại học nhưng ông vẫn tiếp tục phụng sự ở nhà thờ Nicholas như một mục sư; nghiên cứu, làm việc với những người trẻ và chơi dương cầm. Tuy bận rộn, Albert cũng dành thì giờ thăm viếng giới nhạc sĩ ở Đức và Pháp, lúc này ông bắt đầu viết tác phẩm

« Bach, thi sĩ của âm nhạc »

Albert Schweitzer có thể dâng hiến cả đời ông cho âm nhạc và thần học nhưng ông không thể nào quên được cái hình ảnh bức tượng người Phi châu quỳ ở Colmar; hình ảnh này nói lên sự ngược đãi của những người da trắng quyền lực đối với chủng tộc da đen,

Hàng ngàn người chết ở Phi châu vì bệnh tật mà ông cảm thấy ông có thể làm nhẹ bớt tai ách này. Nhưng bằng cấp này của ông có nghĩa gì: Tiến sĩ triết lý, tiến sĩ thần học, tiến sĩ âm nhạc; khi mà một số đồng nhân loại bị tiêu hủy vì không ai sẵn lòng săn sóc họ? Ông phải quyết định làm một cái gì. Ông sẽ trở thành một bác sĩ để đi phục vụ ở Phi châu!

Đa số bạn bè ông chống đối dữ dội dự định này nhưng ông quyết không nghe họ. Ông ghi tên vào sinh viên y khoa 1905 ở Đại học Strasbourg, từ bỏ địa vị một mục sư và Hiệu trưởng một trường trung học. Trong 6 năm trời ông kiên nhẫn đeo đuổi y khoa với các môn điều dưỡng,

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T./D.P.D.C.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T./D.P.D.C.

MỘT VỊ NHÂN

thần kinh học, bệnh lý học, vi trùng học, giải phẫu học và dược học, và giam mình suốt hai năm trời với khoa trị bệnh. Đó là một thế giới mới lạ đối với ông, và có lần ông đã thấy rất khó khăn.

Trong những năm vất vả ở trường thuốc, ông gặp một cô gái rất duyên dáng, tên nàng là Helene Bresslau, cô gái một sử gia ở Đại học Strasbourg. Nàng giúp đỡ ông soạn thảo kế hoạch và khuyến khích chóng trong chương trình đi Phi châu. Như một học viên nữ hộ sinh, nàng chia sẻ đời sống của nàng ở bệnh viện. Do chỗ tâm đầu ý hợp và nhất là sự hiểu biết lẫn nhau về mục đích cao cả của họ, ngày 18 tháng 6 năm 1912, ông và Helene đã làm lễ thành hôn. Chẳng bao lâu sau đó họ đã chuẩn bị một cách sâu xa cuộc hành trình tại miền Phi châu hoang vắng của họ.

Tuy ban đầu vấp phải trở ngại khó khăn vì Hội truyền giáo Pháp không muốn cho ông thực hành ý định vì cho rằng ông là một người có quan niệm quá tự do trong tôn giáo, nhưng sau cùng ông vượt qua được, và ngày 20

tháng 3 năm 1913, ông và Schweitzer đã bắt đầu khởi hành đi Phi châu từ Bordeaux.

Ngày 14 tháng 4 họ bỏ neo ở bến tàu Gentil trên bờ biển Phi châu ở cửa sông Ogowe và chuyên đồ đạc dụng cụ y khoa lên chiếc thuyền và căng buồm vượt qua con sông vàng với rừng dừa dày đặc để tới Lambaréne. Khi họ cập bến ở đây, Albert sửng sốt thấy rằng lời hứa xây dựng bệnh viện trước chưa có khởi sự làm gì cả. Một ít người Âu châu đón họ nói rằng họ không thể tìm ra nhân công. Căn nhà mới của gia đình Schweitzer là một căn nhà bằng cây rừng, cột sắt và xung quanh bao phủ bởi cây cối, giây leo, khí và chim chóc. Họ cương quyết bắt tay vào việc sơn tráng lại ngôi nhà nuôi gà dùng làm nơi khám bệnh và xây thêm một tầng ở trên làm chầy y viện. Họ cố gắng chạy chữa các bệnh nhân ở cách xa hàng hai trăm dặm đầu khổ với nhiều bệnh tật như bệnh ngứa, lở loét, sốt rét rừng, bệnh tả và nhiều chứng bệnh kỳ dị khác nữa. Nhà bác sĩ trẻ là viên

MỘT VI NHÂN

thầy thuốc duy nhất trong một vùng rộng khoảng ba trăm dặm không bao giờ tưởng rằng ông sẽ chứng kiến một cảnh tượng khốn khổ, thảm thương đầy tràn như thế. Một ông lão Tù Trưởng Phi châu nói với ông: «Xứ sở chúng tôi đã ăn tươi nuốt sống những đứa bé của nó!»

Suốt đêm, Schweitzer ngồi bên cạnh bệnh nhân cố gắng cứu họ. Vậy mà có lần một trong những người bản xứ nói bác sĩ là một con báo đội lột người: «Tôi thấy ông ta» y nói, «buổi chiều đem bệnh nhân vào nhà thương còn sống. Chỉ có mình bác sĩ với hũ suốt đêm bên nhau. Rồi sáng họ mang xác chết hẳn ra. Bác sĩ đã giết hẳn. Ông ta là một con báo da trắng»

Mặc dù những sự hiểu lầm, chống đối và thiếu thốn dụng cụ trong chín tháng đầu, bác sĩ Schweitzer và người của ông đã săn sóc hơn hai ngàn bệnh nhân.

Rồi chẳng bao lâu con bạch tuộc của đệ nhất thế chiến lan đến lục địa Phi châu. Vì Albert và Helene là người Đức nên họ

đã bị đặt dưới sự kiểm soát của chính phủ Pháp và được lệnh ở lại trong trại. Khi tin này đến Paris, bạn của họ, soạn nhạc gia Pháp là Charles Widor, can thiệp với chánh quyền Pháp cho phép Albert tiếp tục công việc trị bệnh.

Tuy nhiên, năm 1917, gia đình Albert Schweitzer được lệnh trở lại Âu châu và bị giam một thời gian ở một trại giam tại Pháp. Nhờ các bạn hữu ở Pháp giúp đỡ đề nghị trao đổi tù binh giữa Pháp và Đức, do đó họ mới được đi đến Thụy Sĩ và về Strasbourg lúc bấy giờ đã đổ nát, tiêu điều. Không xa, Giinsbach quê hương ông bị đặt dưới hòa lực và xe lửa cũng không chạy được, nhưng bác sĩ Albert quyết định đi bộ về thăm cha ông. Mẹ ông đã bị đoàn ngựa của kỵ binh đạp chết trong năm 1916 khi họ chạy qua con đường hẹp. Nhà thờ bị súng đạn bắn hư nát. Khu rừng trở nên đen đúa và gãy nát, và nhiều bạn bè ông đã chết hoặc vắng mặt. Tất cả trước mặt ông là một thế giới đổ nát bởi chiến tranh — nhưng

Đông **midol** 1360/BY.T/DPDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PHONG-PHU

Đông **NEUROTONIC** BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-65

MỘT VĨ NHÂN

chiến tranh không chỉ có đồ nát nó còn làm mất đi sự sống và đó là điều ông không chịu nổi, bởi vì ngay đến con kiến, con muỗi ông cũng không muốn giết chúng.

Đau yếu và mệt nhọc vì những tháng ở tù, Bác sĩ Schweitzer quyết định sau khi thăm cha sẽ tới bệnh viện gần Strasbourg dưỡng bệnh. Nằm trên chiếc võng trong bệnh viện mà ông đã từng biết rõ, ông cảm thấy giống đời sống của ông cũng giống như quê hương ông đã bị chiến tranh tàn phá. Sức khỏe ông bị suy kém, việc làm của ông ở Phi châu bị ngăn cấm và ông mắc nợ lút đầu mà không thể trả nổi — tiền mượn của phái bộ truyền giáo Xã hội Paris và các bạn bè để mua thuốc men và dụng cụ dùng cho bệnh viện của ông ở Lambaréné.

Sau khi bình phục, bạn bè mời ông làm việc ở bệnh viện Strasbourg và nhà thờ cũ của ông St. Nicholas, nhưng tiền bạc thì chỉ đủ cho riêng gia đình ông thôi.

Nhưng một hy vọng mới đến với gia đình ông trong năm 1919 khi Rhena đưa con gái đầu lòng của ông được sinh ra. Lúc bấy giờ hệ mời ông trình diễn dương cầm một loại tại các đô thị Barcelona,

Tây Ban Nha. Sau Tây Ban Nha ông viếng Thụy Điển diễn thuyết theo lời mời và rồi ông được hoan nghênh ở Upsala. Nhờ những cuộc diễn thuyết, trình diễn dương cầm này ông mới có tiền trả bớt một số nợ.

Những cuộc thăm viếng sau này tại Thụy Sĩ, Anh quốc và Czechoslovakia cũng rất thành công mỹ mãn. Lúc này ông tiếp tục cho ra những cuốn sách làm ngạc nhiên độc giả thế giới như: Triết lý của nền văn minh, Văn minh và luân lý học, Thiên chúa giáo và các tôn giáo Thế giới, và Ký ức thời thơ ấu và Thanh niên.

Sau cùng năm 1924 ông đành dậm được một số tiền do các cuộc diễn thuyết và trình diễn dương cầm và tác quyền sách của ông, gia đình ông có thể trở lại Phi châu để phụng sự những kiếp người thiếu kém khốn khổ đang mỗi mắt ngóng chờ ông, bởi vì ông là vị cứu tinh của họ; đối với những người da đen ở Congo, họ coi ông gần như là một vị Thánh. Đến nơi, ông nhận thấy bệnh viện đã bị đồ nát, những mái lá đã bị bão tố cuốn đi, phen vách xiêu đổ và cây rừng gần như mọc đầy khu bệnh viện. Nhưng tiếng trống

MỘT VĨ NHÂN

tom tom đã kêu gọi vang rền báo tin vị bác sĩ vĩ nhân đã trở lại và hằng đoàn bệnh nhân liền tụ họp lại.

Làng bệnh viện mới gồm có 40 ngôi nhà đã hoàn thành sau sự cố gắng đầy tính cách anh hùng. Hai trăm năm mươi bệnh nhân đã dời đến chỗ cao hơn. Người Phi châu đã rất cảm động: « Đây là một túp lều tốt! Bác sĩ ơi! Một túp lều tốt! »

Đối với loài sinh vật, Bác sĩ luôn luôn tỏ lòng tôn kính và không bao giờ đánh đập hoặc thù ghét. Có lần bác sĩ nói: « Tôi là một sự sống sẽ sống giữa những sự sống khác. Sự sống chung quanh phải đầy sự quan trọng của chính nó. Nếu tôi mong đợi ở người khác kính trọng đời sống của tôi, tôi phải kính trọng đời sống của họ khác ».

Mặc dù răn rít và muỗi phải giết đi để bảo vệ đời sống con người, bác sĩ Schweitzer đã tỏ lòng thương xót chúng và thả chúng đi, tin tưởng rằng sự trợ giúp lẫn nhau có thể đem đến

năng lực vĩ đại hơn là đánh đập và giết hại.

Mùa xuân năm 1927 ông trở lại thăm viếng Günsbach và lúc này ông xây cất Ngôi Nhà Goethe của ông. Bấy giờ ông là một nhân vật của thế giới, ông đã diễn giảng và trình tấu dương cầm tất cả Âu châu và Anh quốc.

Trở lại bệnh viện ở rừng sâu vào năm 1929, ông hoàn thành tác phẩm: Chủ nghĩa thần bí của St. Paul, Tư tưởng Ấn Độ... Năm 1932, ông trở lại Âu Châu, nghỉ ngơi một vài ngày trên ngọn đồi mát dịu ở Günsbach, rồi ông làm một chuyến du hành diễn thuyết và trình diễn dương cầm ở Đức, Pháp, Hòa-Lan, Anh và Tô Cách Lan. Rồi trên một chiếc tàu nhỏ chạy bằng hơi nước chậm chạp, Bác sĩ trở lại Lambaréné nơi những bệnh nhân da đen đang chờ đón ông như một bóng mát vĩ đại che chở họ giữa cơn nóng bỏng.

Lần kỷ niệm bệnh viện thứ 25 ở Lambaréné được tổ chức trong năm 1938. Năm sau ở Âu châu, bác sĩ Schweitzer nghe

Đông midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/DPDC.

HỒ-THÔNG - 147

Hitler nói trên đài phát thanh, ông vội vã trở lại Phi châu, sau khi đặt mua một số lớn vật dụng dự trữ cho bệnh viện, sợ rằng chiến tranh có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Nhưng rồi đệ nhị thế chiến cũng đã bùng nổ vào tháng chín năm đó. Vị bác sĩ nhân đức của chúng ta đành phải bắt buộc bớt thu nhận bệnh nhân vì không đủ thực phẩm và thuốc men cho một số bệnh nhân đồng đảo của ông. Vườn tược trồng cây ăn quả của bệnh viện lúc này được mở rộng. Nhờ đó mà ông đã nuôi được 400 bệnh nhân bằng gạo, dầu dừa, muối và trái cây, trong khi ông bị cắt đứt với thế giới bên ngoài.

Bác sĩ và bà Schweitzer đã mỗi một vì trách nhiệm quá nặng nề, khi nghe tin ngừng bắn từ Âu châu, kể đó là ngày kỷ niệm sinh nhật thứ 70 của ông. «Tôi không thể đứng dậy được» ông ghi trong nhật ký. «Những lá thư khẩn cấp đã xong. Và rồi tôi phải đi xuống bệnh viện, nơi những bệnh nhân sẽ chờ đợi tôi lúc 2 giờ. Chiều hôm đó,

tôi cho giết chuông và thông báo chiến tranh đã chấm dứt. Sau đó mặc dù tôi đã rất mệt nhọc, tôi phải lê chân tới vườn trồng cây để xem công việc tiến hành tới đâu?

«Đó là buổi chiều duy nhất mà tôi có thể có một vài giây im lặng và tưởng đến ý nghĩa của sự ngừng bắn — điều này phải có ý nghĩa với hằng triệu người, lần thứ nhất trong những năm chiến tranh họ có thể ngủ mà không sợ bị dội bom. Gió thổi xào xạc những chiếc lá dừa trong bóng tối ở bên ngoài, khi tôi lấy từ kệ sách của tôi một cuốn sách của Lão-Tử. Và đây là những gì tôi đọc trong đề mục chiến tranh và chiến thắng trong tác phẩm của nhà đại hiền triết Trung Hoa xuất hiện sáu thế kỷ trước tây lịch như sau:

« Khi một cuộc lễ chiến thắng cử hành, chính cuộc chiến thắng đó sẽ trở thành một đám tang. Vô số người đã bị giết chết và họ sẽ khóc vì nó với những dòng lệ của lòng trắc ẩn »

Vì chín năm làm việc không

PHONG-THỦ

Quang **NEUROTONIC** *Bổ óc Tăng cường trí não*

575 BVT Z 114

ngừng nghỉ bởi vì nhiều cô đỡ và bác sĩ giúp ông đã được nước họ gọi về, bác sĩ Schweitzer phải làm việc từ 6 giờ sáng cho đến nửa đêm, ngày nào cũng như ngày nấy. Sau cùng đến năm 1948 ông mới có thể làm một chuyến du hành sang Âu châu thăm con gái ông đã có chồng con ở Zürich, thuộc Thụy Sĩ. Sau đó ông thăm viếng nước Mỹ lần đầu tiên. Nơi đây ông đi đến giảng ở Aspen, Colorado và Goethe và hòa tấu trong các đô thị khác và gặp gỡ một số các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ.

Khi ông nhận chức như một hội viên của Hàn Lâm Viện Pháp năm 1952, ông tuyên bố rằng, luân lý có nghĩa là mở mang cái quan niệm riêng của mỗi người bao gồm tất cả con người, này nở qua bên kia gia đình và quốc gia vào trong sự hiểu biết của nhân loại. Khắp thế giới nhìn nhận tấm gương hy sinh cao cả của ông khi ông được trao giải Nobel Hòa-Bình trong năm 1953. Sau cuộc hành trình tới Oslo để nhận giải thưởng ông vội vã trở lại Phi châu dùng tiền giải thưởng mở rộng khu bệnh viện của ông. Ông xây dựng một làng bệnh hủi mà hiện nay có gần 300 bệnh nhân được điều trị tại đây. Danh

dự và tiếng tăm lừng lẫy không thể làm ông từ bỏ cực nhọc ở tận miền Phi châu rừng rú hoang vắng.

Bà Albert Schweitzer, một người phụ tá đắc lực của ông đã từ trần vào năm 1957.

Tuy đến nay tuổi đã quá già nua, vị bác sĩ ân nhân của chủng tộc Da-đen này vẫn có thể chơi đàn dương cầm một cách tài tình, còn mãi miết sáng tác, còn có thể chữa bệnh được và nhất là ông vẫn còn đủ sức mạnh trong công cuộc chiến đấu đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Là tác giả của hàng hai mươi cuốn sách về tôn giáo, thần học, triết lý, âm nhạc và y khoa, Albert Schweitzer hiện nay vẫn tiếp tục phục vụ 600 bệnh nhân tại bệnh viện của ông. Là nhà nghệ sĩ tài hoa, tự ý chôn vùi đời mình trong chốn rừng sâu nước độc, ngày nay danh dự đến với ông từ khắp nơi trên thế giới và đã được mọi người nhìn nhận ông là một trong những thiên tài vĩ đại nhất của chúng ta. Hơn thế nữa, Albert Schweitzer còn là một vị nhân đáng kính vì giữa một thế giới sôi sục những hận thù, xâu xé, ông hiện lên với một tấm lòng thương nhân loại vô biên trong kiếp trầm luân sông mê, bể khổ.



tìm về

Món-tặng Kim-Thu
người bạn chưa hề gặp



Bụi khô phủ kín linh-hạt,
Trăng sao rơi rụng ngủ dài trên mi
Vòng tay ôm chặt xuân-thì
Tách rời mê lộ tìm về thiên-thai,
Quê-hương xa vắng lâu rồi
Bao giờ mới gặp nguồn xuôi trở về
Thời gian hồ hững trôi đi
Bánh xe thiên-cổ nặng nề quay quay
Trời xanh mây trắng còn bay
Kim Thu còn mãi vòng tay chưa tròn
Giữa lòng thế kỷ cô-đơn
Tiếng vang thung-lũng dội buồn xé tìm
Niu trời xin mượn cánh chim
Lang-thang tám hướng đi tìm Thiên-Thai.

V.Q.H. MAI DUYÊN THANH

MÌNH ƠI ! MÌNH ƠI ! MÌNH - ƠI !



PLASTIC
làm bằng
chất gì
mà sức nò
của nó làm
hư hại
nhiều thế ?

* Diên-Huyền

MÌNH ƠI ! MÌNH ƠI ! MÌNH ƠI !

BÀ Tú đang tắm bỗng nghe một tiếng nổ long trời, hoảng hốt vớ chiếc áo tắm quần lẹ vào người, mở cửa chạy ra phòng viết của ông Tú, la lên :

— Minh ơi ! Plastic nổ ở đâu mà nghe gần quá hả Minh ?

Mặt mày xanh dờn, bà Tú sợ quá đến nỗi bà run cả người lên. Đứng sát vào ông Tú đang ngồi điềm nhiên xem sách, bà nắm lấy bàn tay của ông đặt lên ngực bà nghe tiếng hồi hộp thật mạnh. Bà bảo ông Tú :

— Em có cảm-trường như plastic hay lựu đạn vừa mới nổ trong tim em, Minh ơi !

Ông Tú khôi-hài đáp lại :

— Thế mà tim em không bẽ nhi ! Cứng đấy. Thôi, bây giờ em đi tắm nốt đi, anh xem mấy chương sách rồi anh cũng đi tắm.

Bà Tú nhõng nhẽo :

— Em không thềm tắm nữa đâu. Em sợ lắm. Em muốn ngồi đây để mình nói chuyện Plastic và lựu đạn cho em nghe coi! Đạo này plastic ở đâu nổ hoài vậy hả mình ?

— Em hỏi lạ quá, plastic ở đâu anh làm sao biết được ?

— Plastic làm bằng chất gì mà nổ lên tiếng to thế, mà gây ra tai hại kinh khủng thế, hả mình ?

— Bom nổ (Explosifs) có nhiều thứ, nhiều loại lắm. Nhưng, về nguyên tắc nó chứa đựng một chất

nổ (détonateur). Chất nổ đó thường không lớn hơn khúc bút chì nguyên-tử, mà người ta nhét vào trong trung tâm chiếc bom. Làm sao cho chất đó nổ lên, tức là trái bom plastic nổ.

Điều quan trọng là làm sao cho détonateur nổ đúng lúc và có nhiều phương pháp để đạt được kết quả ấy. Trước kia, hồi đệ nhứt thế chiến, các nhà kỹ thuật công binh dùng phương pháp hỏa công (Pyrotechnique). Nghĩa là trái bom có ngòi thuốc súng, như một trái pháo vậy. Kẻ khủng bố quẹt lửa châm ngòi, ngòi cháy lẫn vào chất nổ (détonateur) thế là toàn thể trái bom bị nổ tung, bắn ra từng mảnh.

Bà Tú cười :

— Tính phá hoại nhà cửa, bin-din của người ta, mà đứng đó đó ngòi như đốt pháo vậy thì làm sao khỏi bị người ta chop đầu ?

— Vì thế nên từ đệ nhị thế chiến, người ta dùng loại chất chậm và nhất là chất nổ nổ điện, (détonation électrique). Trong trái bom người ta đặt một cái pin rất nhỏ, và một hệ thống phát điện đủ làm cho trái bom nổ chỉ một vài phút sau khi bàn tay khủng bố ném nó vào một nơi nào.

Để đánh lừa sự dòm chừng của nhân viên an ninh, đôi khi bọn khủng bố dùng những hộp sữa, hộp thuốc xi gà, hoặc một hộp

thiếc gì đó mang nhãn hiệu một món hàng thông dụng, nhưng bên trong là plastic, hoặc chất nổ điện. Có khi muốn ám hại ai, kẻ khủng bố lại gởi đến cho người đó, để làm quà chẳng hạn, một hộp bánh, một bình trà, hoặc cũng có khi một quyển sách mà chất nổ và hệ thống nổ được giấu rất khéo léo dưới trang bìa bọc nhựa, v.v...

—Ồ nguy quá hi ! Gặp những món đó, ai biết đâu mà để phòng ?

— Biết chứ. Nhưng phần nhiều kẻ khủng bố không dám thân hành mang đến, Vì nếu nó nguy hiểm cho người bắt cần vội vàng nhận «quà», thì nó cũng nguy hiểm cho người mang «quà» đến. Năm trước đây báo Pháp có thuật lại vụ bà vợ của ông Thị trưởng thành phố Strasbourg nhận một hộp xi gà của một người gởi tặng ông Thị trưởng. Mục đích của kẻ khủng bố là ám hại ông Thị trưởng, nhưng phu nhơn mở hộp ra thì bị ngay chất plastic trong xi-gà nổ tung, làm bà chết oan uổng. Các báo Pháp cũng có thuật vụ cô thơ ký của Jean Hérold Paquis là xướng ngôn viên của đài phát thanh Paris dưới thời Pháp bị quân Đức chiếm.

nhận được một gói gởi cho Paquis, cô mở ra coi nhưng chưa kịp xem thì bị gói ấy nổ tung ngay.

Vì những vụ đó, các nhà lãnh tụ đảng-phái chánh trị, và các chánh khách các nước Cộng-sản cũng như dân chủ đều phải đề phòng mọi âm-mưu sát hại, và không bao giờ nhận lãnh một gói quà gì bất cứ của ai gởi đến. Những gói quà khản ghi đó đều được đưa qua phòng giao-nghiệm dề emxét kỹ-lưỡng. Ngay đến những bó hoa tươi đẹp do các bà mạng phụ gởi tặng các vị Hoàng-hậu hoặc vợ các vị Quốc trưởng ngoại-quốc đến viếng các Thủ-đô, đều phải được chiếu điện qua Rayons X để xem trong đó có giấu các chất nổ hay không. Công việc đó đã thành một thông lệ trong nghi lễ ngoại giao khi Khrouchev và vợ đến Paris, hoặc vợ chồng Tito, Nasser, hay Mao Trạch Đông đến viếng Moscou, hay Nữ Hoàng Elisabeth II đến Washington thăm Tổng thống Hoa kỳ.

Đây, em xem 6 loại plastic thông thường mà các sở tình-báo quốc tế đề dùng làm tài liệu :

PHONG-PHU

 **NEUROTONIC** BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63



1) Plastic giấu trong một miếng đất bùn khô, trông bề ngoài không có gì nguy hiểm cả.

2) Một quả bom plastic đựng trong một hộp giấy, do quân kháng chiến Pháp đặt tại Cinéma Rex, ở Paris, trong thời chiến tranh vừa qua.

3) Plastic nhét trong một cục đá.

4) Plastic giấu trong một cục than (dây cục than đã được bẻ đôi ra, để lộ các chất nổ)

5) Plastic trong một cái ống bằng gang do Cộng sản dùng để ám sát Marcel Déat (Cộng sản đảng).

6) Plastic giấu trong bìa sách.

Chúng ta nên biết rằng các loại plastic không phải là những phát minh mới lạ. Các trái phá gọi là "grosse Bertha" của người Đức bắn vào thành phố Paris năm 1918, làm cho Thủ-tướng Pháp, Clémenceau phải kinh ngạc, cũng như loại V2 của Hitler bắn sang London năm 1944, cách xa đến 150 cây số, chỉ là những chất plastic mạnh, có sức tàn phá khủng khiếp cả một đường phố lớn.

— Các thứ plastic ấy làm bằng gì mà sức nổ mạnh đến rung trời chuyển đất như thế hả mình?

— Có loại plastic *nitraté* chế với *nitrate d'ammonium*, có loại plastic *chloraté*, chế với *chlorate de*

sodium, cả hai đều gây ra sức nổ phi thường, do đó mà có áp lực mạnh trên không khí ở ngay nơi nổ và chung quanh đó, gây những đồ vỡ và chết chóc.

Cũng có loại plastic *perchloraté*, chế với *perchlorate d'ammonium* cùng một loại với các mìn (dynamite), mà sở Trường tiền hay dùng để đục núi, đào hầm, vỡ đá.

Ông Tú nói đến đây thì một cậu học sinh ở nhà hàng xóm đi học về nói có plastic nổ trước tòa đại sứ Mỹ, Bà Tú nâng nặc đôi ông Tú đưa bà đi xem.

Ông Tú không thích đi nhưng lại thích chịu theo ý muốn của vợ, và không dám để bà Tú đi một mình

đến các chỗ đó, nên ông mặc sơ-mi cụt tay ra lái xe con cóc chạy cà rịch cà tang nửa giờ sau mới đến đường Hàm-Ngh

Nhưng đến đây, cảnh sát không cho lại gần, bà Tú đành đứng nhìn từ đằng xa, chẳng thấy cái cóc khô nào cả!

Một chiếc xe Hồng-Thập-Tự từ nơi xảy ra tai nạn, chạy ra thật nhanh về phía Nhà thương Saigon vừa bóp còi hu hu... hu hu... Bà Tú khẽ bảo ông Tú:

— Có 5, 6 xác chết, Minh ơi Thôi đi về đi mình! Em sợ quá...

Bà sợ plastic nổ trúng chiếc xe con-cóc của vợ chồng bà..

★ *Diệu-Huyền*

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung-cảnh huy-hoàng diễm-ảo

Chợ Tết Quốc

QUÂN... DÂN...

(Đề trách những kẻ đã vô ý thức tách rời giữa quân và dân và miệng lúc nào cũng nói những chữ rỗng tuếch : quân, dân, chính.)

MƯỜU

Có dân thì mới có quân,
Người dân kia với người quân khác gì.
Họ Ngô nguy hiểm lạ kỳ
Dân thì là một, quân thì là hai.

NÓI

Quân xuất ư dân giả
Sao phân chia đôi ngã nghĩa quân, dân,
Thời nay đâu phải chuyện phong thần,
Mà rắc đậu thành quân trong khoảnh khắc !
Chước cũ Cao Biền chưa dễ mắc
Trò hề Ngô chúa thậm là ngu
Nực cười thay kìa mấy kẻ a-dua
Được chút lợi đã vào hùa quân phản phúc
Sao chẳng biết :
Quân, dân vốn ngàn xưa tình cá nước
Không có dân ai nặn được ra quân.
Quân dân hai chữ một vần
Quân này, dân ấy một thân đó mà
Thôi đừng nói chuyện gần xa

VẬY CÓ THƠ RẰNG :

Càng nghĩ càng thêm chuyện tức cười
Quân, dân đôi ngã lạ chưa trời ??
Không dân ắt hẳn là không lính,
Có nước cho nên mới có nòi
Thôi cũng anh em cùng cháu bác
Lạ là chất cụ với con tôi
Người dân nước loạn thành quân cả
Hai chữ quân, dân khó tách rời

TU BÈ



HỒI KÝ CỦA NGUYỄN-VỸ | HỒI KÝ CỦA NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 140)

SAU mấy ngày Tết, công việc trong trại bắt đầu uể oải.

Mãn cơn vui, xơ-xác cơn buồn,
Thăm-thì giọt lệ ứa tuôn
Như tràn cả ra Non-Nước !..

Anh em, kể nhớ cha mẹ, vợ con, người rầu-rĩ không biết đến bao giờ mới được trả tự do, đều chán ngán không háng hái làm corvéés như trước. Nhưng gần hết anh em đều xin được đi ra ngoài làm vườn, đi củi, gánh nước, gánh phân, chăn bò, chỉ một số rất ít, năm ba người, thường là bệnh nhân, còn nằm nhà mà thôi. Anh em thích ra ngoài, để thở không khí mùa xuân của Rừng Núi tươi xanh vừa đơm hoa nảy lộc

PHỒ-THÔNG — 147

119

Để hưởng đôi chút tự do, mặc dù bị lính Radhê theo sát bên chân để canh gác, súng lúc nào cũng nạp đạn sẵn sàng, và lưỡi lê cắm bên miệng súng, để phòng mọi âm mưu thoát ly hoặc nổi loạn. Anh em vẫn được tự do trong phạm vi công tác của mình, và trong thực tế vẫn có đôi chút thông cảm giữa T.S. và binh lính Radhês, cho nên chưa lần nào xảy ra một việc gì đáng tiếc trong lúc đi corvées.

Một buổi sáng, anh em đi ra ngoài hêt, chỉ có một mình Cha Huê ở nhà. Cha Huê là vị Linh-Mục 70 tuổi, T.S. 165, (Đảng Cường Đê, thân Nhật). Tôi có đặc biệt xin anh em để cho Cha Huê được miễn đi làm, vì tuổi Cha quá cao. Một số anh em tán thành, một số phản đối. Số phản đối phần đông là anh em Cộng Sản. Nhưng tôi đã cõ hết sức tranh đấu, việc lẽ tình hơn đạo đối với người già cả, để Cha làm những việc rất nhẹ. Sau cùng, đa số chấp nhận đề nghị của tôi để Cha Huê làm công việc lật rau cho nhà Bêp.

Hôm ấy, lật rau xong, vị Linh Mục Hà-Tĩnh vào giởng năm, đắp mền. Trong trại không có ai. Tôi đèn gần ông:

— Chào Cha.

Với tiếng run run và khàn, Cha Huê đáp:

— Dạ, chào ông.

Thầy ông có vẻ buồn, tôi hỏi:

— Cha buồn gì thế, Cha?

Vị Linh Mục khẽ bảo tôi:

— Ông ngồi xuống đây chơi.

Tôi ngồi xuống giởng, bên cạnh Linh-mục. Ông nắm bàn tay tôi rất thân mật:

— Ông Vỹ, ông ghét Nhật, tôi đây cũng không có thân Nhật đâu. Nhưng tôi tin rằng chỉ có người Nhật mới giải phóng được cho nước An-Nam,

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

Ông im lặng, suy nghĩ một lúc. Tôi mỉm cười, chờ ông nói tiếp:

— Đây là chuyện bí-mật, tôi chỉ nói riêng với ông. Ông nghe rồi để bụng, đừng nói cho ai khác nhé.

— Dạ. Cha cứ tin nơi tôi.

Ông nói rất khẽ, vừa đủ tôi nghe:

— Thế nào rồi đây Nhật cũng đánh Tây. Lúc tôi bị bắt vào đây, họ đã sắp sẵn chương trình hành động. Có thể nay mai sẽ có cuộc đảo chánh... Chúng ta sẽ được trả tự-do.

— Cha tin như thế thật ư?

— Tôi tin. Người Nhật sẽ giải phóng chúng ta. Không lâu đâu ông à.

Tôi cười:

— Nhưng chắc chắn họ sẽ không giải phóng tôi, vì tôi là kẻ thù của họ...

Cha Huê nắm chặt cánh tay tôi:

— Tôi sẽ bảo chữa cho ông... Tôi sẽ bảo đảm cho ông. Họ không bắt ông đâu. Chúng ta là những người yêu Nước. Ông là người Đạo Phật, tôi theo Đạo Thiên Chúa, nhưng ông và tôi đều là người Việt-nam ái-quốc. Người Nhật rất phục những người Việt-nam ái-quốc, dù là ghét họ. Riêng phần ông, tôi cam đoan sẽ bảo đảm cho ông được hoàn toàn tự do.

— Tại sao vậy, thưa Cha?

— Tôi không quên những việc mà ông đã tận tâm giúp tôi, từ ngày tôi đến đây.

— Nhưng sao Cha tin chắc rằng Nhật sẽ đảo chánh Pháp? Tôi xem mấy bài diễn văn vừa rồi của Matsuoka sao có vẻ thân thiện với Pháp thế?

— Đó là bề ngoài, để đánh lừa thằng Tây. Thế nào Cụ Cường Đê cũng sẽ về.

— Còn Bảo Đại?

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

— Báo Đại không phải là một vị minh quân.
 — Cha có hỷ tín như thế, sao Cha còn buồn ? Tôi thấy mấy anh em Cao đài, tuy họ trầm ngâm ít nói, nhưng dạo này họ vui lắm.

Linh mục Huê nghĩ ngợi một lúc, rồi đáp :

— Tôi buồn vì chuyện khác.

Tôi không dám hỏi thêm, và thành thật không tin những lời tiên tri của ông Linh Mục 70 tuổi, T.S. 165, nói tiếng trẹ hơi khó nghe.

Nhưng sau đó hai tháng, quả nhiên có cuộc đảo chánh của Nhật, ngày 9-5-1945. Chánh quyền Pháp bị lật đổ thật dễ dàng, trong một đêm. Tại nhà giam Trà Khê, Cha Huê cùng một số T.S. Cao đài và đảng Cường Để được lính Nhật từ Phú-yên lên ngày 10-5, và mời lên xe đưa xuống Tuy Hòa để trả tự do.

Ngoài Cha Huê và một số anh em Cao đài Quảng nam. Quảng Ngãi đã đoán trước biên cô quan trọng ấy, còn thì đa số anh em T.S. Cộng Sản, và riêng tôi, đều tin rằng sẽ có cuộc đổ bộ của Mỹ và Đồng Minh để đánh Nhật ngay trên lãnh thổ Việt-nam.

Ngày này qua ngày khác, chúng tôi chỉ « đánh cá » với nhau về nơi đổ bộ. Đọc báo *Diễn Tin* ở Sài Gòn, tờ báo hàng ngày đọc nhứt mà chúng tôi được phép xem, mỗi lần chúng tôi được cái tin gì hay hay, thì chúng tôi căn cứ vào tin ấy mà tiên đoán về tình hình chiến cuộc. Nghe chúng tôi bàn về chiến tranh, tưởng chúng tôi toàn là những tay thao lược toàn tài. Nào là Mỹ sẽ đánh hòn cù lao này, sẽ chiếm hòn cù lao kia để làm nơi căn cứ v.v... Nhưng lần lần, đọc báo chúng tôi thấy tất cả những dự đoán của chúng tôi đều sai bét cả.

Rất cuộc, chúng tôi nổi giận, chẳng hiểu « bọn Đồng Minh muốn gì ? » Mấy anh nóng nảy đâm ra chửi rủa Đồng Minh,

PHONG-DUU

Đường **NEUROTONIC** *Bổ óc Tăng cường trí nhớ*

575 BVT 20-11-63

cho là « tụi ngu không biết đánh giặc ». Một hôm, nghe tin Mỹ ném bom Qui Nhơn dữ dội, tôi đánh cuộc với Trần công Khanh (Sau làm Tư lệnh Khu V của Việt Minh) :

— Tao chắc Mỹ sẽ đổ bộ Qui-Nhon, mấy à.

Khanh cười vang như sấm nổ :

— Hồ hồ ! Mấy tướng tụi Mỹ muốn đổ bộ ở đâu, thì chúng nó ném bom ở đó sao ? Tao thì tao chắc nó sẽ đổ bộ một nơi nào hẻo lánh mà tụi Nhật không canh phòng, không để ý, là Sông Cầu.

— Mấy cá gì với tao nào ?

— Nếu tao thua, tao chịu mất khẩu phần chuôi của tao tháng nầy. Mấy cũng thế nhé ?

— Ủ. Đồng ý.

Cuối tháng, chúng tôi đọc báo thấy Mỹ đổ bộ ở Okinawa ! Khanh và tôi không ai mất khẩu phần chuôi của mình,

(còn nữa)

Nhà văn **TRỌNG TẤU** sẽ gặp lại bạn đọc **PHỔ THÔNG** với thiên phóng sự thời đại :

BA VẠN CHÍN NGHÌN MÓN HỐI LỘ

- Vạch trần những « kiểu ăn » bần nhất thế giới: NGƯỜI ĂN HỐI LỘ — MA ĂN HỐI LỘ — THÁNH ĂN HỐI LỘ — TRẺ CON ĂN HỐI LỘ — CHÓ ĂN HỐI LỘ v.v...
- HỐI LỘ ĐỦ KIỂU ! ● HỐI LỘ ĐỦ CỠ ! ● HỐI LỘ ĐỦ MÓN !

Xin đón đọc :

BA VẠN SÁU NGHÌN MÓN HỐI LỘ

Tiếp tục đăng tải trên **PHỔ THÔNG** từ số sau.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **Ô. Trần-văn-Biểu, Cựu Hiến Binh, KBC 3206.**

Những bài của ô. Sơn Vương đều có trả tiền nhuận bút.

★ **Bà Elsa Worth, Haiti.**

Bà sinh năm 1930, tức là tuổi Ngọ (con ngựa—The Horse Year)

● **Bạn Lê-hoài-Ngọc, Tam Kỳ**

4-9- Canh Thìn = Ngày thứ Sáu, 4-10-1940

6-4- Mậu dần = Ngày thứ Năm, 5-5-1938

● **Ô. Huỳnh-hữu-Thành, 143/10. Ngô-tùng-Châu Sài gon.** Hiện nay P.T. từ số 1 đến số 10 không thể in lại được, vì thiếu phương tiện. Xin thành thật cảm ơn những thịnh-tình của ông.

★ **Thiếu-Úy Nguyễn-văn-Pháp, KBC 4676/A**

Địa chỉ ô. Hồ-hữu-Tường = 27, Phan-văn-Trị, Chợ Lớn.

● **Bạn Túy-hoàng-Oanh, Bình Long**

15-3- Kỷ-Mạo = Ngày thứ Năm, 4-5-1939

15-9- Tân-Tỵ = Ngày thứ Hai, 3-11-1941

28-6- Nhâm-Ngọ = Ngày Chúa-Nhật, 9-8-1942

● **Bạn Lê-thị-Thìn, Paris,**

Lễ hai Bà Trưng ngày 6 tháng 2 âm-lịch, năm nay nhằm ngày Lundi, 8-3-1965

● **Bạn Mai-Anh—Studentenwohnheim 5, Leibniz-trasse 18, 3392 Clausthal Tellerfeld, W. Germany**

Đã trả lời bằng thư riêng, bạn đã nhận được chưa?

● **Bạn Trần-văn-Minh, Ch.D.136, Pésidence des Etudiants, Sherbrooke (PQ) Canada**

Đã trả lời bằng thư riêng, ngày 7 - 4 - 65.

Quê hương và chiến tranh, tuổi trẻ và thân phận bị đất, những hoài nghi khắc khoải, những âu lo bao la, ray rứt, tình yêu và hy vọng, và cách mạng.

Những suy tư khúc mắc trên đã được thể hiện với kích thước lớn lao và vững chắc qua.

MẸ Á CHÂU

Cơ sở xuất bản HỮU NGHỊ, sau thi phẩm CỦA LỊCH SỬ của TRƯƠNG HOÀI TÂM, hân hạnh giới thiệu công phu lựa chọn thứ hai của cơ sở qua nhà văn

KIỂM MINH với tác phẩm độc đáo **MẸ Á CHÂU**

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● **Bồi thường mau lẹ**

● **Nghi thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia

Giúp nước thêm nhà ta thêm của

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI

CỨ MUA VÉ SỐ

THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

Nước Ngọt « CON CỌP »

Nguồn mạch Sức Khỏe
và Vui Tươi



Nước Ngọt « CON CỌP » mỗi chai
là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

Đọc rồi? Hãy đọc lại!
Chưa đọc? Hãy tìm đọc ngay!

Lương lự? Hãy theo dõi trên báo chí những lời phê
bình về cuốn:

NGUYỄN CẦU

● LÊ-HUY LINH-VŨ

- Cuốn sách đã gây một dư luận sôi nổi tại Thủ Đô trong mấy ngày Tết ẤT TỶ vừa qua.
- Cuốn sách mở đầu cho sự trỗi dậy của nền văn nghệ nước nhà trong năm 1965.
- Cuốn sách của tất cả thanh niên Việt Nam từ 17 đến 71 tuổi!

POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

DẪN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-ỐT, CHẬM MỌC RĂNG
● THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ÁU-ĐƯỢC

K.N. số 25 BYTBQCD 18-10-62

HO, **Bổ-phế linh-dơn Thụy-Lâm loại A**
TRJ: Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho
đàm, ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-Đối, **hoàn Thụy-Lâm**
TRJ: Cứng đầu cơn, ngứa cửa mình, ra huyết
trắng (Các tiệm thuốc Bắc đều có bán)

Nhà thuốc **THỤY-LÂM, 191 Gia-Long Saigon**
KN. số 425 ngày 25-9-63

Gần Đến kinh kỳ, Bần thần đã dợt, hay là đang
 hành kinh mà đau bụng, uống:

Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỡi các tiệm thuốc Hoa-Việt
 Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »**, Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1— 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
 không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà

Tết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**
 30 năm sáng lập. Hỡi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
 Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3— 9-5-63)

1) **CÁC CHỨNG HO** Ho Phong, ho đàm, ho siêng Ho rang
 tức ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HUỆT PHÁT**
PHÒNG LAO THẢO do Tang Nha chế tạo, đề mạnh Phổi lành ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu ! dùng **AN THẦN**
BỬU trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xâm chóng mặt,
 Dùng đề an thần định trí, mát gan dễ ngủ.

3) **ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TINH** : Thuốc bổ cho người lao
 tâm, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt
 mét, đau lưng, bạch đới hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chơn quý Bà
 dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ**.

5) Bệnh Phong Thấp, đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chơn
 hay đồ mồ hôi tứ chi bại hoại dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa

6) Quý Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra ứa mưa, bần thần,
 mỗi mệt, thai trắng đau lưng. Quý Bà dùng : **DƯƠNG THAI BẢO**
SẢN HOAN Di An Hòa.

7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc lở loét ngoài da tìm thuốc
PHONG NGỨA Di An Hòa để lọc máu giải phong.

(Có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng Phát hành: Nhà thuốc **DI AN HÒA**

252-A LÊ THÁNH TÔN Saigon — BYTK.êm Nhận ngày 18-12-1963

CÙ-LÀ



古
那
油

VIÊN BÀO CHẾ
NGUYỄN-CHI
 KN 697.BYT/QCDP. 21/2/64

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ



KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỀ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

K.D. số 138 ngày 1-3-1965

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In. tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon